

# NAM PHONG

## VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

### KHẢO VỀ CÔI-RÊ « ẬU-TRỈ-VIÊN »

Nhờ Hội « Khai - tri » chủ - trương, cái phong - trào lập « Ấu-trỉ-viên » ở Bắc-kỳ ta mỗi ngày một thịnh. Sự lợi-ích của « Ấu-trỉ-viên » thế nào, bản-chí bàn đi bàn lại đã nhiều lần. Bữa Hội « Khai-tri » đặt tiệc trà đón bà cụ Trần Thị-Thọ là một nhà từ-thiện ở Nam-kỳ đã quyên vào Hội hai nghìn đồng và quyên riêng cho việc « Ấu-trỉ-viên » năm trăm đồng, khi nghe lời chúc của ông Hội-trưởng xong, Bà có nói một câu rằng: « Tôi dù đàn-bà mà tôi cũng hiểu cái ý của các ngài lập « Ấu-trỉ-viên », tôi làm phúc lắm. Các ngài tuy dạy con cháu chơi đùa mà không cho con cháu học chữ không dạy con cháu học nghề thì con cháu lớn lên về việc thực-dụng thì cái khi con cháu thành công ở nước Nam-Việt, thì con cháu cũng nên có một cái gì để chỉ công-sướng, nên ở các nước Nhật-nam, ở nào.

Tên này mà (chưa) mới xuất - hiện ra ở nước ta trong mấy tháng nay, mà ở Âu-châu thì nó đã ngót một trăm năm rồi. Không lâu sau ra « Ấu-trỉ-viên » là do một nhà giáo-dục nước Đức tên là FROEBEL (nên tên), và tên « Ấu-trỉ-viên » chính ra dịch ở tiếng Đức *Kindergarten* (tiếng Pháp dịch là *jardin d'enfants*). Ấu-trỉ-viên thứ nhất là do tay ông lập ra ở thành *Blankenburg* năm 1836.

Theo ý ông FROEBEL thời mục-dịch

Ấu-trỉ-viên là gì, và bởi duyên-có sao ông sáng-nghĩ ra Ấu-trỉ-viên ?

Ấu-trỉ-viên là một thứ trường-học cho trẻ con còn nhỏ tuổi, ông gọi là « Viên » (Vườn) là hoặc-giả bởi hai ý: một là cái ý muốn phàm đặt trường cho con trẻ bao giờ cũng phải đặt một cái vườn ở cạnh cho trẻ chơi ; hai là cái ý coi con trẻ như một cái cây yếu-ớt, phải chăm-chút bón-xới thời mới cứng lớn lên được.

Sách chép rằng hồi năm 1836, ông ở Kinh-đô Bá-lâm (Berlin) về, khởi ra cái ý muốn đặt một thứ nhà trường riêng cho con trẻ còn thơ-ấu, chưa vào trường tiểu - học được, nhưng không biết đặt tên trường là gì. Ông đương cùng đi chơi với hai người bạn, chợt đứng dừng lại, ngăn người ra, mắt sáng quắc, như người có cái đại-giác đại-ngộ gì, rồi kêu to lên rằng: « Tôi tìm thấy rồi, tôi tìm thấy rồi, phải đặt tên trường là « Ấu-trỉ-viên » ! »

Mục-dịch của Ấu-trỉ-viên là phải lợi-dụng cái tính tự-nhiên của con trẻ : tính hiếu-dộng, tính ham chơi, tính ham biết, tính bắt-chước, để mà giúp cho sự thể-dục, trí-dục, đức-dục của nó. Muốn đạt cái mục-dịch ấy thì phải dùng bốn cách luyện - tập như sau này: 1° chơi thể - thao mà có xướng-hát, như bày những trò nhỏ-nhỏ có hát đìp-dàng, diễn-tập những việc làm ruộng làm nghề ; — 2° làm vườn trồng cây, tập cho con trẻ biết các thức cây, biết yêu mến cây-cỏ ; — 3° tập-luyện cho con mắt và cái bàn

tay được tinh được khéo ; — 4<sup>o</sup> kể truyện cho con trẻ nghe, dạy nó ngâm thơ và hát. — Cách luyện-tập hay nhất là cách thứ ba, tập mắt và tập tay. Ông FROEBEL bày đặt ra những cách chơi có thứ-tự cho con trẻ biết dùng cái tay cho khéo, lại biết số-mục và hình-thể các vật. Ông nghĩ ra những đồ chơi riêng, như những mảnh gỗ vuông và tròn, những tấm ván nhỏ, những hạt trai, những cái vòng, v. v. cho con trẻ xếp đặt ra các hình. Coi-sóc trong Ấu-trĩ-viên và dạy tập cho con trẻ chơi toàn dùng đàn-bà gọi là các « mụ coi vườn » (*jardinières*), tức ta dịch là « bảo-mẫu », phải là những người chịu khó, kiên-nhẫn, khéo cho trẻ nó yêu mới được.

Ấy lúc mới đầu ông FROEBEL nghĩ ra cách sắp đặt các Ấu-trĩ-viên như thế.

Nay ta thử xét bởi những duyên-cớ gì mà ông khởi-xương ra Ấu-trĩ-viên, tức là xét cái chủ-nghĩa giáo-dục của ông đối với bọn con trẻ thế nào.

Ông FROEBEL là một người rất nhiệt-thành về việc giáo-dục ; suốt một đời ông chỉ tận-tụy về một việc ấy. Từ tuổi trẻ cho đến tuổi già, bao nhiêu tinh-lực chuyên-chú về sự nghiên-cứu các cách dạy-dỗ con trẻ, coi là một cái thiên-chức không gì bằng.

Ông yêu mến con trẻ và rất là thuộc cái tâm-lý của con trẻ. Ông cũng như các nhà giáo-dục nước Tàu, cho con trẻ là tính vốn lành. Ông nói rằng : « Con trẻ ưa làm điều lành hơn là điều ác. » Dầu có khi bề ngoài nó xem ra ác, nhưng cũng không nên thấy bề ngoài như thế mà ngã lòng. Có đứa trẻ con gan-góc, đầu-bò, khó dạy, khó bảo, tưởng không sao hóa được, thế mà xét cho kỹ, không phải là không có cái lòng hướng-thiện.

Ông xét tính tự-nhiên của con trẻ,

có cái lạc-quan như thế, nhưng xét đến thân-phận đứa con trẻ trong xã-hội thời cái lạc-quan ấy biến thành ra bi-quan. Ông nói rằng : « Trong loài người, đàn-bà với con trẻ là những kẻ bị khinh-thường bạc-đãi hơn cả. » Người ta đối với con trẻ chỉ biết làm khổ chúng nó thôi ; phần nhiều người không thiết gì đến con ; người nào thiết đến con thời bắt nó học như nhồi chữ vào óc, bắt khuôn bắt phép như giam-hãm cho nó không nảy-nở được thành cái vẻ-dạng con người. Ông lấy loài cây cỏ mà tỉ-dụ, nói rằng : « Ai đã từng đi chơi trong vườn trong trại, ngoài ruộng ngoài đồng, sao không lắng tai mà nghe những lời khuyên-bảo âm - thầm của Tạo - vật ? Những cây cần cỏ úa kia, bởi sao mà đến nỗi thế ? Bởi nó mọc chui-rúc, chen-chúc, không được rộng-rãi thành-thời. Nếu đem trồng ra chỗ thành-thang thời nó cũng tốt-tươi sầm-uất. Đứa con trẻ cũng vậy ; không biết khéo dạy mà nó cũng vậy ; thời nó cũng cần-cẩn trong thân-thể ; nếu dạy ra thời nó cũng vậy ; thời nó cũng dụng-sinh-lý »

Cái giáo-dục của Baudouin đối với con trẻ nào cũng có « Pháp-hội cá-tính-cách » của nước Pháp ; ấy là đáng tôn đáng trọng trong lòng-sĩ-g.

Những người nói rằng con trẻ như miếng sáp mềm, như đất sét, nhà giáo-dục có thể làm cho nó thành hình gì cũng được, là nói sai cả. Mỗi đứa con trẻ nó có cái cá-tính đặc-biệt của nó, nhà giáo-dục phải nhận biết cái tính ấy mà giữ-gìn phát-siễn cho nó, chớ nên ra tay phá-hoại.

Cái nguyên-lý thứ nhì của ông là cái cá-tính ấy vốn nó hoạt-bát hiển

thuộc về « chủ-động », chứ không phải thuộc về « thụ-động », bao giờ nó cũng muốn được tự-do hành-động, tự-do phát-siễn.

Hai cái nguyên-lý ấy đem thi-hành ra việc giáo-dục thế nào, tất ai cũng có thể đoán mà biết trước được. Là cốt nhất phải để cho đứa con trẻ được tự-do, không nên bó-buộc nó lắm. Không nên bắt nó phải học nhiều bài. Phải nên bỏ cả sách-vở, để cho cái thiên-tính nọ tự-nhiên bành-động. Sự giáo-dục là ở sự hành-động, chứ không phải ở sự học sách.

Trong việc giáo-dục, ông FROEBEL cho đứa con trẻ là phần chủ-động. Chắc cái ảnh-hưởng của ông thầy cũng cần lắm. Nhưng ông sợ rằng ông thầy không khéo thì có hại cho học-trò, hại về hai đường : một là bắt-nét quá, làm cho con trẻ mất tự-do ; hai là để phóng-tung, không biết khiến cho nó có dịp mà tập-luyện các làm thử cái năng-lực của nó.

Trong việc giáo-dục, ông FROEBEL cho đứa con trẻ là phần chủ-động. Chắc cái ảnh-hưởng của ông thầy cũng cần lắm. Nhưng ông sợ rằng ông thầy không khéo thì có hại cho học-trò, hại về hai đường : một là bắt-nét quá, làm cho con trẻ mất tự-do ; hai là để phóng-tung, không biết khiến cho nó có dịp mà tập-luyện các làm thử cái năng-lực của nó. Ông FROEBEL đặt ra ấu-trì-viên là chủ thực-hành cái chủ-nghĩa giáo-dục đó. Những cách luyện-tập trong ấu-trì-viên thế nào, trên kia đã lược-thuật đại-khái. Nay xin nói qua về cách ông sắp-đặt đồ chơi thế nào cho con trẻ vừa chơi mà vừa tập làm việc cho khéo tay tinh mắt. Vì ấu-trì-viên của ông không phải là trường dạy học, ấu-trì-viên của ông chỉ là một chỗ dạy chơi mà thôi. Phận-sự thứ nhất của bảo-mẫu là phải tập các giác-quan của

phần, và tựa-hồ như nhân-cách không được hoàn-toàn vậy.

Ông FROEBEL nói rằng đứa con trẻ nó cũng có cái sức sáng-tạo, nghĩa là trong óc nó nghĩ ra cái gì nó cũng muốn thực-hành ra cái ấy. Vậy thời nhà giáo-dục phải tìm cách nuôi cái sức thiêng-liêng ấy, chứ đừng để cho nó tiêu-ma đi mất. Bởi thế nên trong sự làm việc cũng có một cái ý-nghĩa thâm-trầm vậy. Lại có một cái du-khoái không gì bằng, vì rằng việc làm mà thích-hợp với cái năng-lực của người ta, việc làm mà đủ thỏa cái tính hoạt-bát hiều-động của người ta, thời không gì vui-vẻ, sung-sướng, khoan-khoái, dễ chịu bằng. Cái vui-sướng ấy phải nên tập cho đứa con trẻ nó biết hưởng từ thửa nhỏ.

Tập cho con trẻ làm việc thời phải làm thế nào ? Phải dạy cho nó chơi. Chơi cũng là một cách làm việc, không phải là chơi liêu chơi lĩnh, chơi bậy chơi bạ, nhưng chơi có nghĩa-lý, có ý-tử, có phép-tắc, có trật-tự, chơi xếp-đặt làm sao cho bao nhiêu những năng-lực của đứa trẻ có thể tuần-tự phát-siễn được hết. Không phải là chơi bâng-quơ, không có mục-đích, nhưng phải khuynh-hướng về đường giáo-dục cả, chơi mà sau dần thành ra những việc làm có hứng-thú, vừa tập được cái tay cho khéo, cái sức cho mạnh, và cái trí cho khôn.

Ông FROEBEL đặt ra ấu-trì-viên là chủ thực-hành cái chủ-nghĩa giáo-dục đó. Những cách luyện-tập trong ấu-trì-viên thế nào, trên kia đã lược-thuật đại-khái. Nay xin nói qua về cách ông sắp-đặt đồ chơi thế nào cho con trẻ vừa chơi mà vừa tập làm việc cho khéo tay tinh mắt. Vì ấu-trì-viên của ông không phải là trường dạy học, ấu-trì-viên của ông chỉ là một chỗ dạy chơi mà thôi. Phận-sự thứ nhất của bảo-mẫu là phải tập các giác-quan của



như khi có cái cuộn chỉ, cái bao diêm, nó xếp thành nhà cửa, khi cho nó mảnh giấy và cái kéo, nó cắt ra các hình, ngồi làm ra ý chăm-chỉ và thích chí lắm, thì đủ biết.

Trong Ấu-trì-viên của ông FRÖBEL, không có gì gọi là lớp học cả, vì không có gì là bài học hết. Không có thầy giáo hay cô giáo ngồi mà đọc sách hay giảng nghĩa như các trường. Có giáo ở đây tức là « mẹ coi vườn », tức là « bảo-mẫu », không có ngồi yên một chỗ, thường vận-động luôn, đi ghế này sang ghế khác, bọn nọ sang bọn kia, hằng trông nom đến sự chơi đùa của con trẻ và xem xét các cách-cục của chúng nó. Trong trường này cũng không cần phải sách nữa, vì không phải học sách gì cả; bảo-mẫu phải học thuộc lòng những câu ca câu hát mà dạy truyền-khẩu cho con trẻ.

Một sở Ấu-trì-viên làm theo cái ý-kiến của ông FRÖBEL thì tất phải có nhiều những việc làm công nhọc nhằn có ích cho con ngoài quê nhà. Trẻ em không thành thạo (Thần-thể) phải làm việc nhà Châu-nhà mà phải làm việc thì cái khi nào đẹp được Nam-Việt, làm việc mà thời gian Nhật-nam để một cái vườn « nông-giáo » mà ở đây, có ruộng cho con trẻ trồng đất, trồng cây, làm vườn, làm ruộng, để cho biết phân-biệt các loại cây cỏ, và biết cái lạc-thú cùng ích của nghề nông là nghề căn-bản tự đó, ông FRÖBEL lại còn có một tâm-ý nữa: là tập cho con trẻ biết sự sinh-hoạt trong xã-hội là thế nào. Ông nói rằng: « Đứa con trẻ cũng là một phần-tử trong xã-hội loài người. Vậy cách dạy-dỗ nó phải dạy-dỗ ra người, không dạy-dỗ ra trẻ em phải dạy cho nó biết rằng nó

thuộc vào một cái đoàn-thể lớn, và công-việc nó có quan-hệ đến cái đoàn-thể ấy. »

Bởi thế nên ông chia trong vườn ra làm nhiều khu. Có một phần lớn nhất thời gọi là cái vườn chung, là của chung cả các con trẻ, để cho nó cùng nhau tập bón-xới các cây-cối. Rồi đến mỗi khu là mỗi cái vườn riêng của mỗi đứa; nếu có rộng đất thì nên cho mỗi đứa trẻ trong ấu-trì-viên một khu như thế; khu của đứa nào, đứa ấy phải cây-cấy, trồng-trọt, chăm nom, bón-xới lấy, coi như là kỹ-vật, muốn khai-khẩn làm sao, trồng cấy giống gì tùy-ý, nhưng phải giữ trách-nhiệm, để hoang-vu không được. Khi nào có khách lạ đến chơi thì cho mỗi đứa dẫn khách đến xem cái khu của mình, nếu trồng-trọt khéo thời khách ban khen ban thưởng cho để tưởng-lệ. Không phải cấy lúa trồng ngô gì, nhưng trồng những cây hoa nhỏ, bao giờ cây có hoa thời được phép hái về biếu cha mẹ hay là cho anh em; đó lại là một cách gây lấy cái lòng hiếu-đễ nữa. Nhưng mà thứ nhất là gây lấy cái tình tương - phù tương - trợ. Như trong việc làm vườn đó, đứa nhỏ giúp đỡ. Nếu bị đau ốm thời cái khu đất của mình nhờ anh em trông nom đỡ.

Thế là trong ấu-trì-viên thành một cái xã-hội nhỏ, con trẻ vừa tập tính giúp đỡ lẫn nhau, mà lại vừa tập biết tôn-trọng quyền-lợi của nhau. Khác nào như một cái tiểu-quốc-gia, mà quốc-dân là những anh nhỏ từ hai đến sáu bảy tuổi, mỗi kẻ là một cá-nhân mà hết thấy hợp thành một đoàn-thể.

Vậy thời trong ấu-trì-viên, cái vườn là phần quan-trọng nhất, vì các lễ ở trên, lại vì một lẽ nữa, là con trẻ được sinh-hoạt trong cái cảnh thiên-nhiên, giữa cây-cỏ của Tạo-vật. Ông FRÖBEL

nói rằng : « Cần cho con trẻ mỗi đứa có một khu vườn nhỏ làm của riêng của mình ; đó là một cái cách rất tốt để dạy cho nó biết cây-cỏ sinh-trưởng thế nào, phải chăm bón thế nào, và về sau sinh-hoa kết-quả thế nào để bù lại cái công khó nhọc của người ta. Đứa trẻ càng khó nhọc với cái cây bao nhiêu, thời lại càng thêm yêu-mến cái cây bấy nhiêu ; nó trông thấy cái cây mọc lên, lớn lên, nảy nụ, đâm bông, khác nào như vì nó mà tốt-tươi nảy-nở, khác nào như mỉm miệng cười mà cảm ơn cái công-phụ của nó. . . »

Song đó là nói những nơi nhà quê có ruộng đất, có vườn to. Còn những chỗ kẻ chợ chật-hẹp thì làm thế nào ? Ông FRÖBEL cũng dự-liệu sự khó-khăn đó, nên ông nói rằng dẫu cùng-bất-đắc-dĩ không có vườn thời cho con trẻ cái chậu cái thùng có đất để cho nó trồng cây cũng được, không cần phải cây quý hoa đẹp, cây thường cũng chẳng hề gì.

Nói tóm lại thời phép giáo-dục của ông FRÖBEL là giáo - dục bằng cách hành - động. Ấu-trĩ-viên theo ý ông là một cái trường học chơi và học làm việc bằng chân tay. Ông nói rằng : « Tôi đã thí-nghiệm xem con trẻ chơi đùa ở chỗ không-khoảng ; tôi biết rằng cách chơi như thế vừa phát-khởi, vừa bồi-dưỡng cái tri-tuệ, cái tâm-tư và cái thể-lực của con trẻ. Tôi dám quả-quyết mà nói to lên rằng sự chơi đùa như thế thật là một cách tẩm-thần-hồn cho con trẻ không gì bằng. . . »

Từ đời ông FRÖBEL đến nay, các nhà giáo-dục bên Âu-Tây cũng đã thí-nghiệm như ông nhiều lắm và đều công-nhận rằng sự dạy trẻ một cách vui-vẻ hoạt-bát như thế, là lợi cho đường tiến-hóa của con trẻ. Cách giáo-dục như thế thật là đúng với nghĩa *giáo-dục*, nghĩa là vừa giáo-hóa mà lại vừa dưỡng-

dục, tức trong sách sư-phạm tây gọi là *éducation par développement*, nghĩa là dạy-đỗ bằng sự dưỡng-dục. Ai đã đi xem những ấu-trĩ-viên ở các nước bên Âu-Mĩ đều có cái cảm-giác như thế. Như ở nước Bỉ (*Belgique*), ấu-trĩ-viên nhiều lắm. Một nhà nữ sư-phạm nước ấy, bà DESTREE, đi giám-sát các ấu-trĩ-viên về có thuật rằng : « Sáng hôm nay tôi lại xem lũ trẻ vừa tám hôm trước khi mới vào trường nó kêu nó khóc rầm-rĩ. Bây giờ thấy đùa thì nhảy-nhót, đùa thì đánh bóng trong sân, reo cười ầm-ĩ. Bảo-mẫu nói với tôi rằng : « Chúng nó đã thích đến đây cả. » Thế là chỉ không đầy mười ngày mà hóa được lũ trẻ như chơi. Tựa-hồ như có một cái sức mạnh ngầm nó đưa nó đẩy con người ta vào cái nơi hoàn-cảnh tiện-lợi cho sự sinh-trưởng tiến-hóa . . . »

Dựng r... một « nơi hoàn-cảnh tiện-lợi cho sự ... trường tiến-hóa của đứa con trẻ » ... cái mục-dịch ông FRÖBEL ... ra ấu-trĩ-viên là thế. Ông ... cũng ... như ... trước ... hậu ... giáo-dục ra ... cái cây ... ông n ... un ... là chơi ... ma s ... có mà ... thú, ở **Baudoin** ... tiến-hóa của đứ ... Pháp h ... p-đặt các lối chơi m ... lên t ... để, đời sau đã có người bác l ... loài quả, nhưng phiền-phức t ... bởi các học trò ông về sau qu ... trọng ông, cứ y lời ông mà th ... li từng tí, từng chữ từng c ... biết rằng chủ-ý ông chỉ là định c ... phương-pháp như thế, thí-dụ ra cho rõ-ràng, còn lúc thực-hành thì cũng đề tùy các b ... mẫu chám-chước mà làm, chớ không phải khăng-khăng nhất-định như thế. Không phải rằng tất-nhiên phải ... những thứ đồ chơi hình-thức nh

đã định thời cho trẻ chơi mới được. Phải nên tùy-tiện tùy-nghi, muốn dùng thứ đồ chơi gì cũng được, miễn là trong cách chơi có cái ý-nghĩa đào-luyện dưỡng-dục cho con trẻ, thuận cái khuynh - hướng, cái năng-lực tự-nhiên của chúng nó mà lại khéo lợi-dụng để tập cho nó những tính hay nết tốt ở đời, thế là đủ. Ngày làm lễ bách-niên-kỷ-niệm ông, ông WICHARD LANGE đã nói rằng : « Ông FRÆBEL đã chỉ-hoạch ra cái đại-cương yếu-lĩnh như thế. Ông đã phác-họa ra kiểu-cách cái nhà giáo-dục con trẻ ; nào những kẻ có trách dạy trẻ ngày nay nên nhân cái kiểu ấy mà xây dựng các nhà đi ». — Và chính ông FRÆBEL bình-sinh cũng đã từng nói rằng : Cái bộ dụng-cụ của tôi đặt ra để dạy trẻ, ví có được chút công-hiệu gì, không phải bởi cái hình-thức bề ngoài nó đâu, chính là bởi cái lợi-dụng nó, nghĩa là bởi cái đi-động-pháp của tôi, và bởi cái nghĩ-tam-lý nó làm chủ trong sự dạy trẻ. Cái sở-động của tôi là ở chỗ : ngoài những dụng-cụ kia, ai có thành-nhân là nhân-tôn của giáo-dục thì học về dạy-trẻ, không phân biệt ở đâu, mà ở thành-thị thì cái khi nào được học Nam-Việt, một dụng-cụ kia thì ở Nhật-nam đã vậy. Tuy vậy mà ở đây, lập ấu-trĩ-viên phải theo cái tinh-thần của ông FRÆBEL, nghĩa là theo cái hình-thức những đồ chơi ông đã bày ra. Tinh-thần ấy là cái tinh-thần ấy là thế này : là dạy trẻ tự-tho nó tự-lực phát-siêu cái sự hành-động tự-nhiên của nó, là giáo-dục cốt ở sự hành-động. Điều ấy thật là một cái nguyên-lý thiên-cổ của mọi phép giáo-dục vậy.

Trong những người đời sau cảm-nhục cái phép giáo-dục của ông, cũng có người đã hiểu cái thâm-y của ông

như thế. Cho nên không có nhắm mắt theo những cách-thức của ông đặt ra một cách nô-lệ ; theo cái tinh - thần của ông mà tự-do tùy-nghi thay-đổi cái hình-thức của ông. Một ông giáo-nước Bỉ bình-phẩm cái phép giáo-dục trong ấu-trĩ-viên của ông đã nói rằng : « Từ đời nhà đại giáo-dục nước Đức (tức là ông FRÆBEL) đến giờ, phép giáo-dục bọn ấu-trĩ của ông đặt ra đã thay đổi đi cũng nhiều. Phạm những cách sắp-đặt phiền-tỏa quá đã bỏ bớt đi nhiều. Đã bỏ cái nghĩa bóng đi mà vụ lấy cho thiết thực-sự. » (Lời ông TOBIE JONCKHEERE). Tuy vậy mà cái tinh-lý trong phép giáo-dục của ông, tưởng đã thuộc vào những lẽ thiên-niên bất-dịch vậy. Ấy cái cách lỗ-thuật cổ-nhân là phải thế, theo một cách có ý-thức, chớ không phải theo một cách nô-lệ vậy. Phải biết rằng những bậc tiên-triết đời xưa có chỗ hơn đời nay là hơn bởi cái tinh-thần, còn trong sự thực - hành kiến - thiết thời những phương-pháp của các ngài dùng có lẽ đời nay không thích-hợp nữa, ta theo các ngài là theo lấy cái tinh-thần kia mà thôi, còn cái hình-thức họ thời ta phải tùy-nghi châm-chước, ta có quyền tự-do thay-đổi, vì ta là học-trò cổ-nhân chớ không phải nô-lệ cổ-nhân.

Trên kia đã nói rằng ấu-trĩ-viên hiện nay ở Âu-châu thịnh-nất là nước Bỉ (Belgique). Ở bên Mỹ thời thịnh-nất là nước Hoa-kỳ. Ở Hoa-kỳ cũng có nhiều người quá sùng ông FRÆBEL mà trong cách thiết-lập ấu-trĩ-viên đã quá theo hình-thức của ông đã định ra, đến có khi sai cả cái tinh-thần. Như có nhiều nơi dùng toàn những đồ chơi hình-thể số-mục y như trong sách ông đã nói, cho rằng những cái « quà cho con trẻ » ông đã định ra đó là bất-dịch, không được thay đổi, không biết rằng đã gọi là cái quà thì phải tùy nơi tùy xứ, không thể giống nhau được, miễn là đủ làm cho con trẻ có hứng-

thú, được thích-chí là đủ. Lại còn có người bác ấu-trĩ-viên nước Mĩ một điều nữa : là ít dạy cho con trẻ tập nói, nhưng mà điều này là lỗi tại người sau, không phải lỗi tại ông FROEBEL, vì chính ông đã nói rằng : « Một đứa con đó mới sinh, với một đứa con trẻ đã biết nói, trình-độ cách nhau bằng một cậu học-sinh còn đi học với một nhà bác-sĩ như ông NEWTON (tàu dịch là Nữu-dồn) », như vậy thời chính ông cũng đã thừa biết sự dạy nói cho con trẻ quan-hệ là dường nào. Ở ấu-trĩ-viên cốt dạy cho trẻ vận-động đã cố-nhiên rồi, lại phải dạy cho trẻ hát-xướng, và dạy cho trẻ tập nói cho rành-rẽ, điều đó không nên khuyết.

Phần nhiều các ấu-trĩ-viên đời nay lại còn một điều khuyết-điểm nữa, là không theo được cái thâm-ý của ông FROEBEL muốn cho con trẻ sớm có cái lòng yêu-mến cảnh-vật thiên-nhiên. Vì ấu-trĩ-viên thường đặt ở nơi tĩnh-thành, trường-sở đã chật-hẹp mà cảnh-vật thiên-nhiên lại hiếm có lắm. Chính ông đã nói rằng : « Không nên để qua một tuần-lễ nào mà không cho trẻ về chơi nhà quê. » Nhưng lời dặn của ông đó, nhiều khi không thể thực-hành được, vì cái cách sinh - hoạt eo - hẹp trong các xã-hội đời nay, khiến cho con trẻ ở nơi thành-phố mỗi ngày một xa-cách với cảnh-vật thiên-nhiên. Nhà bác-sĩ nước Mĩ STANLEY-HALL ước-ao rằng có một ngày kia bao nhiêu những trường học cho con trẻ sẽ đặt ở nhà quê cả, đừng bắt đoàn ấu-trĩ như một lũ chim rớt trong lồng, mà để cho nó tự-do nhảy-nhót dưới bóng cây, trong vườn trại. Sự ước ấy không biết bao giờ thi-hành được hoàn-toàn, nhưng hiện ở tỉnh - thành, nếu dụng-công kinh-doanh, thời cũng có thể làm được cái Ấu-trĩ-viên trủng-cách. Ông STANLEY-HALL cho nơi Ấu-trĩ-viên ở gần thành Bá-lâm (Berlin), gọi là *Pestalozzi-Froebel Hause*, là sắp đặt khéo hơn

nhất và là nơi hoàn-toàn hơn nhất trong thế-giới. Ông khuyên người nước Mĩ nên lấy đấy làm mẫu, nói rằng : « Có lẽ suốt trong thế-giới không có nơi ấu-trĩ-viên nào sắp đặt tốt bằng nơi này : ở xóm phụ-cận thành Bá-lâm, đất rộng thênh-thang, đặt thành luống trồng hoa, mỗi đứa trẻ một luống, lại có bể nuôi cá, có rừng bụi ùm-tùm, chim kêu riu-rit ; những cách chơi phiến-toái như trong sách ông FROEBEL dạy giảm-bớt đi nhiều và đặt ra những cách chơi mới hợp-thời hơn. »

Ông STANLEY-HALL dẫn-chứng nơi ấu-trĩ-viên ấy làm mẫu, cho là dấu không in với cái hình-thức mà là hợp với cái tinh-thần, cái tôn-c trong phép giáo-dục của ông FROEBEL đã sáng-nghĩ ra ; nhân ông tóm-tắt cái tôn-chỉ ấy ra chín điều như sau này, trích ở các sách-vở của ông FROEBEL :

1<sup>o</sup> Mọi đứa con từ lúc mới đẻ cho đến lúc lớn lên nào như ông nói lại có một cái tâm hồn như ông nói thu-đạt ra ngoài thế-giới để dạy ra loài người cái cây của loài người.

2<sup>o</sup> **Baudouin** Pháp hội của ý-chí. Nghĩa là lên tay si đầu là ở sự cảm-giác các vật sống-sống mà sinh ra ; ý-chí là cái chỉ qh muốn, lúc mới đầu là ở cái nẻo hõ-hử của đứa con trẻ, tự chẻ để lgi giống nó truyền cho. Nghĩa là ch của đứa con trẻ đã có sẵn tự nhiên, đã tiềm-tàng sẵn cả rồi, sự giáo-dục chẳng qua là thuận cái khuynh-hướng thiên-nhiên mà phát-siễn nó ra, không phải là tự không mà gây-dựng hẳn ra được.

3<sup>o</sup> Phải nên cần-trọng cái sức động tự-nhiên của đứa con trẻ.



đối với trẻ con thời dạy gì cũng phải dùng cách gián-dị, cho vừa sức hiểu của nó, tức như lời ông nói rằng dạy trẻ con phải coi nó là trẻ con, không nên coi như người lớn vậy. Điều đó tựa-hồ như ai cũng hiểu, mà kỳ-thực ít người để ý đến. Theo cách dạy của ông ở Ấu-trĩ-viên thì mới coi hình như không chăm đến đường trí-dục lắm ; nhưng thực không phải thế, duy ông cho trí-dục cho con trẻ là không phải ở sách-vở, dầu có dạy cho trẻ biết đọc biết viết mà cốt không phải ở sách-vở. Ông dạy các bảo-mẫu cùng các cô-giáo chỉ nên nói chuyện cổ-tích, chuyện ngụ-ngôn, chuyện du-lịch các phương các xứ cho trẻ nghe, và dạy chúng nó hát những bài ca gián-dị mà có ý-tử, thế là đủ về đường trí-dục cho những trẻ con từ hai đến sáu tuổi. Những chuyện nói cho trẻ nghe phải là những chuyện thiên-cận, thiết đến những việc hằng ngày, mắt thấy tai nghe, và phải khéo lựa lúc mà nói, như khi con trẻ nó chơi gập giấy cắt giấy, thời bấy giờ nói chuyện cho nó về cách làm giấy thế nào, tức cũng là một bài cách-trí cho bọn ấu-trĩ vậy.

Cái chủ-nghĩa giáo-dục của ông FROEBEL ngày nay đã ảnh-hưởng ra khắp các bậc học. Song cái công-nghiệp lớn nhất của ông vẫn là cái công đã sáng-nghĩ ra Ấu-trĩ-viên. Ấu-trĩ-viên bây giờ trong khắp thế-giới đâu đâu cũng có. Ở nước Mỹ năm 1904 có 2997 cái Ấu-trĩ-viên và 4534 cô-giáo riêng gọi là *teachers*, tốt-nghiệp ở những trường sư-phạm riêng. Ở nước Hòa-lan thời nhờ có Bà MARENHOLTZ-BULOW, là một người học-trò rất nhiệt-thành của ông FROEBEL, truyền-bá cửu-động tự năm 1855, các ấu-trĩ-viên cũng thịnh-hành lắm ; ở thành *Leyde* có một trường sư-phạm bảo-mẫu do một nhà giáo-dục

có tiếng trong nước là ông W. HAANSKA giám-đốc. Không những ở Âu-Mỹ, ở Á-đông ta, nước Nhật-bản cũng có ấu-trĩ-viên nhiều : Ấu-trĩ-viên thứ nhất đặt ở Đông-kinh (*Tokyo*) tự năm 1876, đến năm 1901, cả trong nước được 254 sở, ngày nay có lẽ đã gấp mấy số ấy rồi. Thậm-chí đến nước Việt-Nam ta bây giờ cũng rục-rịch lập ấu-trĩ-viên, tuy cách-thức còn chưa được hoàn-bị lắm, thế sao sánh với các nước văn-minh Đông-Tây được, nhưng cũng là có cái chí muốn thực-hành được một phần cón-con cái chủ-nghĩa lớn-lao của ông FROEBEL vậy.

Vậy đương lúc ta cửu-động về ấu-trĩ-viên, ta cũng nên nhớ đến tên người đã xướng ra ấu-trĩ-viên trước nhất trên thế-giới.

Ở nước ta mà lập ra ấu-trĩ-viên, không những là thi-hành cái chủ-nghĩa giáo-dục như trên kia, mà lại là đối-phó với một cần-cấp cho nòi giống : là cứu lấy con trẻ chốn nhà quê cho khỏi nạn nghèo-nhọc. Không những thế, nếu lập ra ấu-trĩ-viên không những để dạy ra những cái cây trồng qua ch... kỹ, hoặc kéo ra đòng ma trạng cử... Tội gần... Hội Khai-trí đi xe... Pháp hội... ấu-trĩ-viên, cho... lên tay... hết, nhận kỹ mười đũa... sáu đũa toét mắt, lông... chốc đầu, còn thời cũng... bản-thủ hết cả ; mắt... thể cầm lòng, tự nghĩ... tiên mà hết thấy như thế... này sau đến thế nào ? Ngụy thay !

# PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

## V

Marseille, — Thứ ba, 11 tháng tư.

Tối hôm qua, nghe diễn-thuyết ở Hội Nhân-quyền. Có ông giáo K\*\*\* ở Paris xuống, diễn về Hội Nhân-quyền đối với việc chiến-tranh và việc nghị-hòa. Ông này nói mới hay chứ! Lời lẽ ~~lưu loát~~, nghe như rót vào tai. Hai tay ~~chắp~~ sau lưng, cứ đi ngang đi dọc trên sân khấu mà vừa đi vừa nói trong hơn hai giờ đồng-hồ, không vấp một chữ nào, không ngừng một lúc nào. Tôi ~~trường~~ được nghe người Tây nào giỏi bằng ông giáo này. Mà không ~~lấy~~ là những lời hư-văn dầu miệng ~~đầu~~, những câu sẵn thuộc lòng ~~đầu~~, toàn là những lời nghị-luận, biện-bác, công-kích, chứng-giải. Được rào sau, dự sẵn những ~~đi~~ người ta có thể bẻ mình được ~~lên~~ đối trước. Giỏi thật, giỏi ~~đến~~ cái ~~đời~~ rất là

*(lập cái tay)*  
 ngoài quốc gia, họ nói thành ngữ (là nhân-tôn) như ~~thời~~ ~~Châu-nhà~~ mà ~~đầu~~ ~~Đó là những~~ ~~ngày~~ ~~đùng~~ ~~nhau như~~ ~~khẩu ấy~~ khác gì lời văn viết vậy.

Nghe ngán ~~đi~~ diễn-thuyết mà hồi-tưởng đến ~~đi~~ tự-linh, không những nghề diễn-thuyết chưa biết, mà đến nói câu chuyện cho có đầu đuôi manh-mối, cũng ít người nói được. Chưa từng thấy ai nói cái gì chỗ đông người

mà nói luôn được trong mười phút, không vấp-vấp. Khi hội - đồng thời chẳng khác gì như họp việc làng, tranh nhau mà nói, ồn-ào lộn-xộn, mà ít ai nói được câu gì có nghĩa-lý, chỉ bẻ hành bẻ tỏi nhau những cái vật-vật chẳng đầu đầu. Khi yến-tiệc thời đương câu chuyện vui, gặp có tiếng gì buồn cười, nhất là tiếng nói bần, thời ông nào to miệng cả tiếng thở ra một cái cười *hà hà*, thế là cử-tọa đều cười ầm cả lên đến vỡ đố nhà; thế là câu chuyện tan Chỗ công-môn thời ông quan nói, muốn ra oai mặt sắt, chỉ nói nhát gừng, cách một vài câu lại điềm những tiếng: *nghe chưa?.. nghe chưa?*; thẳng dân thừa thời gãi tai gãi đầu, chỉ nghe thấy những *bầm, bầm, dạ, dạ*, nói không ra lời. Mấy cậu thiếu-niên thời *toa, toa, moa, moa*, ngấu-sì cả đường phố, nhưng nghe câu chuyện, không những vô-vị mà thường bất-thành-ngôn nữa... Gia-chi-dĩ thời-buổi nhớ-nhãng, ngữ-ngôn bác-tạp, anh bồi, chú bếp, con bạc, làng chơi, ả giang-hồ, cậu công-tử, tây không ra tây, tàu không ra tàu, ta không ra ta, có nhiều cái « xã-hội » không biết họ nói thứ tiếng gì. Thử tìm khắp trong nước, được mấy người là biết nói-năng lịch-sự? Thật ít quá. . . Thôi, về khoa ngôn-ngữ thì người mình kém thật. Vẫn biết rằng « xảo-ngôn lệnh-sắc » không phải là một sự hay, và nói nhiều làm ít, lại là dở lắm. Nhưng Trời đã cho cái lưỡi, những khi nên nói cũng phải nói cho ra lời; huống đời này lại là đời nhiều khi cần phải thiết-chiến. Dầu lý phải mà nói không vỡ lẽ thời phải cũng ra

(1) Xem Nam-Phong số 58, 59, 60, 63.

trái, thẳng cũng hóa cong. Người mình cần phải tập nói lăm.

— Hôm nay gặp cụ Phan Tây-hồ, là một nhà chí-sĩ nước ta, nay biệt-xứ bên qui-quốc. Hồi cụ khởi-nghiệp, tôi còn nhỏ tuổi, nên chỉ biết tiếng mà không được biết người. Nay sang đến đây mới được gặp cụ, trong lòng ngồn-ngang nhiều nỗi, không sao nói xiết. Cùng nhau đàm-luận trong mấy giờ. Việc cụ làm chánh-đảng hay không chánh-đảng, tôi đây không muốn phàm-bình, nhưng xét cái thân-thể cụ, dầu ai có chút lương-tâm cũng phải ngậm-ngùi. Ờ, làm người ai chẳng muốn vợ đẹp, con nhiều, cửa cao, nhà rộng, bạc đầy tủ, thóc đầy kho; thế mà có người không muốn như thế, thời con người ấy, dầu hay dở thế nào, tưởng làm kẻ quốc-dân cũng không nên a-dua nhẹ miệng mà gia tiếng thị-phi vậy. . .

Thứ tư 12.

Ở Marseille có cảnh đẹp nhất là nhà thờ « Đức Bà Bảo-hộ » (*Notre Dame de la Garde*), xây trên cái đống cao 150 thước, trấn-hám cả địa-thể thành Marseille; thờ Đức-bà bảo-hộ cho con nhà đi bè, khác nào như bà Thiên-hậu của người Tàu. Một tòa nhà thờ tron-von ở giữa cái đống cao, trên đỉnh gác chuông lại có một cái tượng Đức Bà lực-lưỡng cao ngót mười thước, nặng hơn bốn nghìn năm trăm cân, những buổi mây quang trời tạnh, đứng khắp thành Marseille ở đâu cũng trông thấy, rõ như bức tranh vẽ, thật cũng là một cái kỳ-quan. Tự dưới phố đi lên nhà thờ, hoặc đi chân thoi phải theo đường thang khuất-khúc, hoặc đi bằng một thứ thang máy làm theo kiểu giồng-giọc có khắc (*système à crémaillère*). Lướt lên đi bằng thang máy, phải mất tiền, lướt xuống đi chân, qua những ngõ xóm hẻo-lánh của bọn binh-dân ở, biệt ra một cái cảnh riêng ở thành Marseille.

Tối nghe diễn-thuyết ở Hội Diễn-thuyết thành Marseille. Ở Marseille này, trong một tuần-lễ không có mấy ngày là không có diễn-thuyết. Trong nhật-báo đã có một mục riêng để báo các ngày giờ diễn-thuyết ở các nơi; có ngày hai ba bốn nơi diễn-thuyết về đủ các vấn-đề: cách-trị, văn-chương, lịch-sử, chính-trị; lại có nơi gọi là « Maison de Provence », là nhà hội-quán của những văn-sĩ viết bằng tiếng *provençal* là tiếng thổ-âm của vùng Marseille, ở đây thường diễn-thuyết bằng tiếng *provençal*. Nghe nói ở Paris sự diễn-thuyết lại còn thịnh-hành hơn nhiều. Người Tây tiện cách học-tập như thế, không trách cái trí-thức cao hơn người mình.

Tối hôm nay là một bà Nữ-bác diễn-thuyết về nước Nga. Bà vừa đi du-lịch ở nước Nga về, bà thuật lại những sự kiện khảo-nghiệm của bà về cái trào cách-mệnh và cái chủ-nghĩa khích ở nước Nga. Nghe bà nói là một người nhiệt-tình, bà là một người đến đây để dạy ra cho cái cây cuộc đời của người chỉ thò đầu ra khỏi ở nước

người Baudoin Pháp hờ mà phân-đoán cho lên tay này muốn quan-âm về ông-sĩ gì cho chánh-đảng, thật là khích đó, người nói xấu biết nhiều mà kể, mà người nói về nói tốt quá; nghe bọn trẻ ở nước Nga bây giờ là nơi ám-ti địa-ngục gì, chớ không phải cõi nhân-thế trần-gian nữa, nghe bọn dưới thời ngờ là chốn bồng-lai lạc-địa. Đến khi mới lợi-quyền đã máu-thuần, lòng

tham-dục đã xung-đột nhau, thời công-ly, công-nghĩa không biết đâu mà dò nữa. Gặp những khi như thế mà lại càng tiếc cái đạo « trung-dung » của đấng Thánh-nhân phương Đông ta đời xưa. Nhưng đạo ấy đời nay có dùng được nữa không ? Ngoài sự lý-tưởng, đạo ấy có thể đem ra thực-dụng ở cái thế-giới cạnh-tranh này không ? Tưởng cũng khó quá.

Trong bài diễn-thuyết bà nữ-bác-sĩ nói tới vấn - đề nữ-quyền ; có một đoạn bà nói về cái quyền người đàn-bà truy-thai, kể quá-khích thời đến cũng là quá-khích thật. Đại-các-vi-ty nói rằng luật-pháp nước nào cấm sự truy-thai, thế là không lấy-sg-bằng ; đàn ông là một giống tối duy-kỷ, họ chỉ biết cái sướng của họ, họ quyến-dũ đàn-bà con gái, đến lúc thai-dụng họ bỏ họ đi. Đàn-bà nếu không muốn đẻ thì phải không có thể nuôi con được, nên phải cho người ta có quyền được truy-thai ở nước ngoài. Tôi thấy pháp-thai thành-nhân của nước ta cũng thế, nên cách nghị-luận lại biệt ra một phương-diện riêng. Song nếu có dịp năng nói chuyện với bọn mình luôn thời cũng cải-chính được nhiều điều thiên-kiến.

Thứ sáu, 14.

vào bậc tuyết-trần. Nghe điếu - thuyết xong, trở về trọ, mình vừa đi vừa nghĩ trong bụng rằng : « Người này thời chắc không sợ đàn ông nào quyến-dũ được, chắc không bao giờ phải thi-hành đến cái quyền « ám-sát », — vì nói khéo thế nào thì nói, chớ truy-thái tức là một cách ám-sát, — đã hết sức chống-chế vừa rồi. . . »

Gặp ông văn-sĩ G. L.\*\*\* ở Paris xuống. Ông nguyên làm hội - trưởng « hội các văn-hữu nước Pháp » (*Société des Gens de lettres*), hiện có viết trong mấy cái báo lớn ở Paris. Nhân xuống Marseille xem Đấu-xảo, ông muốn quen biết mấy người học-thức ở Indo-chine để phỏng-vấn về tình-thế bên ta thế nào. Các viên-chức trong Đấu-xảo có giới-thiệu cho biết Nguyễn - quân và tôi. Ba người nói chuyện trong giờ lâu. Xem ra ông có ý muốn biết việc bên ta lắm, nhưng coi chừng ông về « phái chánh-phủ », phạm những việc sỗ-biết là theo những lời bá-cáo của chánh-phủ cùng những lời tự - thuật của các quan-lại Tây ở bên ta về ; cho nên cách nghị - luận lại biệt ra một phương-diện riêng. Song nếu có dịp năng nói chuyện với bọn mình luôn thời cũng cải-chính được nhiều điều thiên-kiến.

Thứ bảy, 15.

Diễn-giải về pháp-thai, người nghe ai muốn ph... hay chất-vấn điều gì, được qua H... nói. Bà nữ bác-sĩ này nói cũng gan... không được hùng-biện như ở... n tự-mình nghe tối nọ, nhưng lời-k... và lưu-loát lắm ; ai biện-nạn câu gì, bà trả lời lập-tức, và nhiều khi trả lời khéo quá, không còn bẻ vào đâu được nữa.

Nữ-bác-sĩ tuổi trạc ba-mươi, học-thức rộng thật, biện-thuyết giỏi thật, tuy nhan-sắc thời quyết không phải

Gặp cậu P. M.\*\*\* ở Toulouse lại. Cậu người Trung-kỳ, sang tòng-chính bên này, rồi khi chiến-tranh xong xin ở lại học, hiện theo học ở ban Cách-tri Hóa-học tại trường Đại-học Toulouse. Cậu xem ra người có chí lắm, nhưng ngặt vì không có tư - lực không biết có thể theo học được đến cùng không. Hiện nhờ được một vị phu-nhân người quý-phái có bụng yêu giúp đỡ cho, nhưng cậu nói không dám phiền người ta quá. Ấy cái tình-cảnh học-sinh ta bên Tây, người có chí học được thường không

có tư-lực, người có tư-lực thời lại thường không có chí học ; những hội học bên ta, — nhất là Hội Pháp-học Bảo-trợ, — phải kiếm những người thuộc vào hạng trên đó mà tư-trợ thời mới phải.

Nhân nói về cách giúp đỡ các học-sinh sang Pháp học, tưởng đó là một việc quan-hệ lắm, hội « Pháp-học Bảo-trợ » ta ở Hà-nội phải nên đặt phương-kế mà thi-hành cho đến nơi đến chốn và nên mở-mang cho rộng-rãi thêm ra. Kén học-sinh sang Tây phải chọn người thật có tư-cách, trước khi đi phải dặn-dò cho kỹ, trong khi ở bên Tây phải có cách giám-đốc sự học-hành và chỉ-bảo mọi điều cho không được sai cái phương-châm đã định, và đến khi về phải học cho thành-tài. Như thế thì phải đặt một tòa thông-tin ở Paris, hoặc là nhờ hội nào của người qui-quốc đương cho việc ấy cũng được, nhưng nếu hội chánh ở Hà-nội có đủ sức đặt hẳn một nhánh ở Paris, thỉnh-thoảng phái người sang điều-tra giám-sát và báo-cáo về cho Hội chánh biết, thời hay hơn nhiều. Phải tổ-chức thành một Hội Du-học thật to, thật có thể-lực, vì bây giờ nước ta đương buổi cần đến nhân-tài, mà nhân - tài tất phải đào-luyện tự các trường Đại-học bên Pháp mới được, chớ Đại-học bên ta không có đủ sức mà dạy đến nơi được.

Chủ-nhật, 16.

Hôm nay mở Đấu-xảo. Tuy chữa được thập-phần hoàn - thành, nhưng cũng mở. Tuy hãy còn nhiều chỗ luôm-nhuôm, nhưng cũng mở. Vì ngày đã định từ trước rồi, cho nên dù xong dù chưa xong, cũng làm lễ khánh-thành và mở cửa cho thiên-hạ vào xem, còn đâu sẽ làm nốt. Người vào xem, thấy nhiều chỗ bày - biện còn chưa đủ, dấu có không bằng lòng, — vì vào xem mất tiền, chớ không phải xem không, — cũng chẳng hề gì.

Khánh-thành là hai quan Thuộc-địa-bộ và Thương-nghiệp bộ Thượng-thư ở Paris xuống, đi xem qua một lượt các sở, rồi ăn tiệc, diễn-thuyết.

4 giờ chiều thời quan SARRAUT đến khu Bắc-kỳ, vào giầy phố An-Nam, gọi là phố Hà-nội. Bọn phái-viên mình phải bày hàng đứng đón đó ; các ông chủ hiệu, các thợ cũng họp cả đầy, cả thầy mầy chục người. Anh em có cử mình ra chúc mừng quan Thượng-thư. Văn chương thù-lạc, xưa nay mình vẫn không hứng, nhưng, thôi, cũng phải nói giảm ba câu cho tắc-trách, vì ông thời sang đây làm gì? Nói : « Bẩm Quan Thượng-thư, tôi xin mặt các anh em đồng-xứ, là những thương-mại, công-nghệ và thân-hộ Bắc-kỳ có mặt tại đây, chúc mừng ngài bước chân vào giầy phố An-Nam này. Như bà tổ-chức cuộc Đấu-xảo đặt ra ở giầy phố An-Nam ở giữa thành Marselle này, kẻ cũng là khéo, ni vừa lạ con mắt bày ra của cái cây sang Mars người vào khu Bắc

như **Baudoin** — Q... Pháp hội chức Thượng-t... làm Toàn-quyền... lên tay... ngài trông thấy cảnh này chắc... lại thừa trước. Tôi xin nhân dịp này thay lời anh em đồng-xứ tỏ lòng... ngài là quan Toàn-quyền... »  
— Ấy, văn-chương... như thế mà cũng có người cho là nghe được, thời đủ biết người ta cũng dễ tính quá.

Thứ hai, 17.

Tối hôm nay đi xem rạp hát Alcazar hát một tích tả phong-tục dân Marselle

Thứ ba, 18.

bày cảnh diễn trò hiển-nhiên như thực. Lối kịch này gọi là *revue*, là một lối tạp - kịch buồn cười, lược thuật những việc hằng ngày xảy ra. Xem trò này mà biết rõ được tình-tình phong-tục của bọn bình-dân ở xứ này. Có đoạn diễn cái cảnh chợ hàng cá ở Marseille, các chị hàng cá chửi nhau ỏm-tỏi, thầy « đội xếp » khệnh-khạng chạy lại làm biên-bản, thầy cứ biên mà họ cứ chửi, đến xong vào đánh nhau sẽ thế nào sẽ áo, rồi bị đưa lên sở Cảnh-sát, đi đường vẫn không thôi, v. v.; trông rõ ra cái cảnh-tượng các chợ hàng cá, và rõ ra cái tâm-lý các chị hàng rau hàng cá ở bên mình. Thế mới biết kẻ bình-dân ở nước nào cũng vậy, trình-độ như nhau cả. Các xã-hội, các dân-tộc hơn kém nhau là ở một số ít người trung-lưu thượng-lưu, còn trong dân-gian thời đâu cũng như đâu vậy. Tôi thường đi chơi Đại-bến, đi chơi những xóm xa, tìm cách sinh-hoạt làm ăn của bọn lao-dộng, đại-khải cũng không khác gì ở nơi mình.

Thật là một cảnh tượng kỳ lạ, ngoài quốc gia, ngoài tôn giáo, ngoài thành phố, ngoài nhân-tộc, ngoài thời-hai-thập-chủ-uy, ngoài địa-y-uy, ngoài niên-l, sẽ đi anh, nhà Châu-nhà, mà thời 18-viên, thế thì cái khi xưa, nay còn có nước Nam-Việt, mà nay, là ở uống ở Thủ-thị, chỉ có 18-sư-ông, không biết là Nhật-nam, để đi ra, gọi là bars, mà ở đây, không có chỗ ngồi, khi nào vào mua cốc rượu đứng một hơi rồi ra; ấy là không khác nhà cà-phê lớn, có bàn-ghế, gọi, cho khách lịch-sự ngồi, vừa đọc báo, vừa nhấp cốc rượu, được đề tiêu-khiển, quanh mình lại những ả mày ngài ngồi chờ « mệnh-lệnh », hạng cà-phê đó cũng đến mấy trăm số. Không biết trong một ngày thành-phố Marseille dùng hết mấy mươi vạn chai các thứ rượu nước. Trông chất-dống lên có lẽ (tức) « ng mấy đầu người. »

Xem nhà « Thương-Nghiệp công-quản » (*la Bourse*) thành Marseille. Nhà này ở đầu đường *Cannebière*, là của Hội Thương-mại (*Chambre de Commerce*) thành Marseille dựng ra từ năm 1852 đến năm 1860. Nhà-lầu nguy-nga; ngoài biên đi vào, hai bên có hai cái tượng đá thật lực-lượng, là tượng Thần Hàng-hải và tượng Thần Công-Thương. Vào trong thời có gian chính giữa rộng thênh-thang, tức là chỗ ngày ngày các lái hối-đoái (*agents de change*) đến định giá các giá-phiếu (*cote des valeurs*), cứ từ trưa đến bốn giờ chiều, người đông nghin-nghịt, kẻ xướng người gọi, tiếng om cả nhà, không cảnh gì vui bằng.

Hội Thương-mại thành *Marseille* có đã lâu lắm, từ năm 1650; hồi đầu có mở ra công-ti Phi-châu (*Cie d'Afrique*) để buôn-bán với các dân Bắc-bộ Phi-châu, công-ti này có từ trước công-ti Ấn-độ (*Cie des Indes*) là một hội buôn-trừ-danh ngày xưa, giao-thiệp với Ấn-độ và Đông-phương, làm môi-giới cho nước Pháp khuếch-trương thế-lực sang cõi Á-đông về sau này. Hội Thương-mại *Marseille* hồi xưa đã có thế-lực lắm, trực-tiếp tho-từ với các vua nước Pháp, tự chế binh-thuyền chiến-hạm để đánh các giặc biển Phi-châu. Lại chính hội này đã xướng ra trước nhất đặt lãnh-sự ở các nơi; cái chế-độ lãnh-sự bây giờ nước nào cũng có, hồi đầu là khởi điem từ đó.

Ngày nay các cơ-tào của Hội Thương-mại cũng to bằng một bộ-thự của Nhà-nước, và chức Hội-trưởng tướng cũng quan-trọng chẳng kém gì chức quốc-vụ-tổng-trưởng vậy. Ấy cái thế-lực của các đoàn-thể riêng nhiều khi mạnh như thế.

Trong việc tổ-chức cuộc Đấu-xảo *Marseille*, Hội Thương-mại thành ấy cũng có một phần to.

Thứ tư, 19

Cả ngày hôm nay đi chơi Aix, cách Marseille 36 cây-lô-mét, ở về phía Bắc, đi xe điện mất ngót 2 giờ đồng - hồ. Marseille là nơi đô-hội buôn-bán và chốn hải-cảng cho tàu-bè các nước đố, công-nhiên là chỗ thủ-phủ của xứ Provence, nghĩa là cả miền Đông-Nam nước Pháp ; nhưng về đường trí-thức thời không có gì cả, chỉ có một trường trung-học mà thôi. Phải đi lên Aix mới có trường Đại-học, có hai ban văn-học và luật-học có tiếng lắm ; cho nên người ta nói rằng thành Aix là chốn thủ-đô về đường trí-thức của xứ Provence.

Ở Marseille đến đây, thấy cái khí-vị khác hẳn ; dưới kia náo-nhiệt bao nhiêu thời trên này bình-tĩnh bấy nhiêu, rõ ra cái phong-vị một chỗ học-hành và một nơi cổ-tích. Vì tra sử nước Pháp thời thành Aix này chính là nơi người La-mã sang ở nước Gaule trước nhất, là nơi được hưởng-thụ cái văn-minh La-mã sớm nhất, cho nên ngày nay còn nhiều những di-tích về đời bấy giờ, như cầu, cổng, v. v.

Đi dạo chơi trong thành-phố thời buồn dút vắng tanh, nhưng có cái thú êm-dềm tĩnh-mịch. Những người ưa yên-ôn, cùng những người làm việc bằng trí-não, ở Marseille quyết là không được ; ở đây thời phải lắm.

Ở giữa thành-phố có một cái công-trường rộng và đẹp, gọi là « công-trường Mirabeau », hai bên trồng cây, ở giữa có tượng đá và bể nước ; ở đầu có tượng Thần Công-nghệ và Thần Học-vấn, ở giữa có mấy cái bể nước chảy cả ngày, một cái chảy ở cái ôn-tuyền ra, nước nóng. Hai giãy phố hai bên, phần nhiều là những nhà lầu về thế-kỷ thứ 17 và 18, có nhiều nhà kiểu đẹp lắm.

Nhưng lạ nhất ở thành Aix, là có một tòa nhà-thờ cổ (Cathédrale Saint-

Sauveur) và một sở bảo-tàng những tấm thảm và đồ gỗ cũ. Nhà-thờ dựng tự thế-kỷ thứ 11 và 12, qui-mô thời cũng không có gì đẹp hơn nhà thờ cổ các nơi khác, duy ở trong có mấy bức tranh cổ của mấy nhà danh-họa Hòa-lan về thế-kỷ thứ 15 diễn về các tích thánh, tương-truyền là đẹp lắm, và mấy tấm cửa giữa bằng gỗ dễ tây, chạm nổi tích bốn ông Tiên-tri (Prophètes) và mười hai mụ Vu-nữ (Sibylles), chạm công-tế và tinh-thần lắm, cũng thuộc về cuối thế-kỷ thứ 15 đầu thế-kỷ thứ 16 ngoài có một lần cửa phụ đóng áp kín lấy, muốn xem phải hỏi người trông mở khóa ra mới xem được ; cạnh nhà thờ có một cái đạo-viện (cloître) kiểu lô-măng (roman), coi cũng đẹp kinh lắm. — Nhà bảo-tàng thời ở cung giám-mục cũ ; đây có một sập những thảm kiểu Bô-ve (Tapisseries de Beauvais) to bằng mấy chiếc chiếu một, dệt nên là ch Đông-kí-sốt (Don Quichotte) và những tích chuyện cổ, đẹp và khác biệt khác gì vẽ vầy.

Đến khi đi về trước  
seille... áo dầy ra  
cái cây  
un

Tổ  
Độc...  
niên Va-sơ...  
diễn-th  
Độc Baudoin  
phượng cả, mà ở Pháp họ  
com nếp nát. Dân... lên (asy... ng, phó  
hội-trưởng, tau-ky, công... ngài tri-  
sự trong Hội, toàn trách... và ngoài  
hai mươi tuổi cả. Ngài... đứng lên  
giới-thiệu ngài kia, « để... đứng lên  
cám ơn ngài nọ, n... tục lời bá-  
cáo, ngài thì tuyên... phi-lô, « bí-  
beng » một lúc, chẳng biết ngài nào là  
ngài nào, vì toàn là những « danh-sĩ »  
chưa ai từng biết tên bao giờ.

Đến khi diễn-giả đăng-đàn thời cầm  
tập giãy đọc một hồi như người



nước, có đình-tạ, có hồ-kiều, có lối đi quanh-quất dưới bóng cây, thật là : *Có cây có đá sần-sàng, có hiên « Lãm-thủy » nét vàng chưa phai.* Vườn kiêu Pháp thời sáng-sủa mà có khi-tượng, vườn kiêu Anh thời u-sầm mà có phong-thú, hai kiêu cùng đẹp cả mà theo ý tôi thời ưa riêng kiêu Anh, nên vào nơi biệt-tịch trong vườn, ngồi dưới bóng cây, trên phiến đá, đến giờ lâu không thấy chán. Có một chỗ thú nhất, là cái rừng thông nhỏ, trong có ghế đá ngồi, giữa có cái tượng đá ông PUGET là một nhà điêu-khắc có tiếng sinh ở *Marseille* tự thế-kỷ thứ 17, tượng hình đứng, tay cầm cái búa và cái đục, mắt như đương ngắm-nghĩa cái gì, dưới tượng có khắc một câu rằng : « Đá cầm-thạch trông thấy ta phải rung mình » (*Le marbre tremble devant moi*), nghĩa là cái tay ông chạm khéo đến nỗi phiến đá trông thấy cũng phải rung động, câu ấy tưởng cũng có ý-tử lắm vậy.

Thứ tư, 26.

Hôm nay tàu *André Lebon* ở bên ta sáng, có ba ông phái-viên Bắc-kỳ ta là ông Phạm, ông Hoàng và ông Nguyễn cũng sang chuyến này. Tàu chuyến này lại đỗ tại ngoài bến *Pinède*, là bến xa hơn nhất. Ra đón các ông, hỏi chuyện đi tàu, chuyện nước nhà, anh em gặp nhau vui-vẻ lắm.

Thứ năm, 27.

Nghe diễn-thuyết của bọn học-sinh thuộc về đảng « Quốc-gia hành-động » (*Etudiants d'Action française*). Đảng này ở nước Pháp, tuy số người ít, mà thế-lực mạnh lắm, vì đảng-nhân có kỷ-luật và lãnh-tụ là những người giỏi cả, nhất là hai ông CHARLES MAURRAS và LÉON DAUDET, cùng làm chủ-bút báo *Action française* ở Paris. Đảng này chính là đảng quân-chủ ở Nghị-viện, thuộc về bên hữu, chủ-ý là muốn lấy quân-chủ thế vào dân-chủ, nhưng hiện chưa

thực-hành được thời hăng hết sức bảo-thủ những nền-nếp cũ trong nước, và thứ nhất là công-kích đảng quân-khích làm loạn. Tuy cái chủ-nghĩa quân-chủ thật là trái với phong-trào dân-chủ đời nay, cho nên nhiều người không phục thật, nhưng mà cái chủ-nghĩa duy-tri trật-tự, bảo-tồn quốc-túy thời nhiều người lấy làm ưa, và từ khi chiến-tranh chi-hậu, quốc dân theo về đảng này càng ngày càng thấy nhiều. Nhưng xét ra đảng này có thế-lực, phần nhiều là nhờ cái tài cồ-động của hai người lãnh-tụ trên kia, hai ông viết báo thật hay, dầu ai không phục cái chủ-nghĩa của hai ông cũng phải chịu hai ông là người không tầm-thường. Ông cồ-động khéo lắm, chú-ý nhất là bắt học-sinh các trường, nhất là các trường trung-đẳng và cao-đẳng, vì biết rằng tương-lai nước nhà là ở bọn đó. Ông MAURRAS vốn là người ở gần *Marseille*, nên đảng-nhân thật ở tỉnh này nhiều; học-sinh các trường cũng họp thành một hội, ông là bọn học-sinh này, ông trong cái trường này, ông dạy ra cái trường này, ông là cái cây này, ông là quốc gia này, ông là như thế này, coi ai cũng là một cái Baudoin, lời nói viết - thực Pháp hơn, ông như bọn văn-sĩ học lên thầy, ông nghe diễn-thuyết này. Ông có chủ-nghĩa với người không phục chủ-nghĩa, không cứ người già hay trẻ, coi cái thái-độ, sự hành-động khác nhau lắm.

Thứ sáu, 29.

Nhà « Pháp - việt Phan - điếm » (*Restaurant franco - annamite*) trong Đẩu-xảo khai-trương, có làm tiệc mời các phái-viên đến dự vui-vẻ lắm. Nhà này là của mấy người Tây buôn ở

gòn lập tại trường Đấu - xảo để dọn  
 com An-Nam cho người Tây dùng.  
 N... cái com An-Nam nhiều  
 khâu có mason lắm; thứ nhất là khen  
 ước mắt của ta, nói rằng trong các  
 nước chằm không gì bằng nước  
 mắt (đây là nói thật nước mắt Phú-  
 ốc, không phải những thứ pha-phách  
 ở ngoài Bắc ta). Thế mới biết: « Bụt  
 nhà không thiêng », đồ ăn của mình,  
 mình cứ khinh thường, mà người ta  
 lại hay làm trọng.

Chủ-nhật, 30.

... chiều hôm nay có cuộc diễn-  
 thuyết to ở nhà « Vạn - quốc kịch-  
 trường » (*Théâtre des Nations*). Cuộc  
 diễn-thuyết này là do Hội « Liên-hợp  
 các quốc gia » (*Union des grandes Associations françaises*) tổ-  
 chức, không những ở đây, ở khắp các  
 tỉnh-thành trong nước Pháp nữa. Diễn-  
 giả kỳ này là quan <sup>định</sup> ở Paris xuống. Đại-tướng là một tay võ-  
 tướng đã có công <sup>đóng</sup> chiến-  
 tranh, quân <sup>đội</sup> ở ngoài quốc gia, tranh  
 thành <sup>địa</sup> (Ta nhân sự) <sup>đặc</sup> thành  
 từ <sup>đó</sup> về <sup>đây</sup> quy <sup>định</sup> được  
 hành <sup>động</sup> Châu-nhà <sup>đang</sup> 18  
 về thi cái khi <sup>đó</sup> về việc hành-  
 lược Nam-Việt, <sup>đang</sup> bị-luận  
 từ <sup>đó</sup> ra chỉ có <sup>đang</sup> sự-  
 ản <sup>động</sup> Nhật-nam được nhiều việc sai-  
 lầm, <sup>đang</sup> nhiều tài-liệu  
 quý-báu <sup>đang</sup> sử-học sau này nghiên-  
 cứu về <sup>đang</sup> chiến-tranh vừa rồi. Trong  
 quân-đoàn <sup>đang</sup> có tiếng là một bậc  
 mãnh-tru <sup>đang</sup> quyết và can - đảm  
 lắm. Tru <sup>đang</sup> chiến-tranh thời ngài  
 đã phần nhiều lập-công ở các thuộc-  
 địa châu Mỹ, biết cái tính-chất hiếu-võ  
 của những dân da đen ở các thuộc-  
 địa ấy (nhất là dân *Sénégalais*), nên  
 đã một hồi ngài xướng lên cái thuyết  
 lập một quân-đoàn bằng người

da đen để giúp việc phòng - bị cho  
 nước Pháp. Ngài thường nói : « Nước  
 Pháp không phải là một nước chỉ có  
 38 triệu người mà thôi đâu, nước Pháp  
 chính là một nước có một trăm triệu  
 người đó », là có ý kể cả số người  
 các thuộc-địa vậy. — Coi đó thời biết  
 cái tính-cách của người diễn - thuyết  
 hôm nay thế nào. Đại-tướng MANGIN  
 chính là một người nhiệt-thành về cái  
 « đế - quốc chủ - nghĩa » đó, nghĩa là  
 muốn khuếch - trương thế - lực nước  
 Pháp cho rất to rất mạnh, khiến cho  
 thành một cái đế-quốc lớn trên thế-  
 giới. Ngài là một ông võ-tướng, có cái  
 tư-tưởng hùng-cường thế, cũng không  
 lấy gì làm lạ vậy. Nay ngài ra diễn-  
 thuyết, ta thử nghiệm xem người đến  
 nghe đối với ngài thế nào, thời tức  
 là dò được cái dư-luận nước Pháp đối  
 với cái chủ-nghĩa ấy thế nào vậy.

Một cuộc diễn-thuyết của một hội  
 lớn như thế tổ-chức thì chắc là chính-  
 bị lắm. Trong ngoài cảnh-sát rất là  
 nghiêm-mật, vì đại-tướng cũng là một  
 bậc yếu - nhân của Nhà - nước, vả lại  
 trong số những người đến nghe, các  
 quan to ở Marseille và các trọng-yếu-  
 nhân-vật cũng nhiều. Người vào nghe  
 phải mất tiền mua vé trước, tùy hạng  
 ngồi, như mua vé xem hát vậy. Nhà  
 kịch-trường kê cũng đã rộng, mà người  
 ngồi các hạng chật hết cả, kể có tới  
 hai nghìn con người.

Đại-tướng diễn-thuyết về « nguyên-  
 nhân và kết-quả sự chiến-thắng của  
 Đại-Pháp », đại-khải tán - giương cái  
 công của nhà quân đã thu-hoạch được  
 sự chiến-thắng ấy. Bọn quân-nhân và  
 bọn trung-lưu-xã-hội đến nghe nhiều  
 lắm, cho nên đến những đoạn tán-  
 giương như thế thì vỗ tay như pháo rạn.  
 Ngài nói cũng bình-thường, không lấy gì  
 làm hùng-biện lắm; xét ra vỗ tay phần  
 nhiều vì người hơn là vì lời nói.

Nói độ chừng một giờ đồng-hồ, đọc

Bài viết sẵn, chớ không phải úng-khầu nói. Nói đến chỗ « nước Pháp là một nước có trăm triệu người », cử-tọa vô tay một hồi lâu. Cứ xem như thế thì phần nhiều người nước Pháp còn ưa cái « quốc - gia chủ - nghĩa » lắm. Cái phong-trào quá-khích mới, tuy cũng có nhóm lên nhiều nơi, nhưng ngoài bọn lao-dộng, trong dân-gian ít người theo. Xét như một cuộc diễn - thuyết hôm nay thì đủ làm minh-chứng vậy.

Duy đến khi diễn-thuyết xong, đại-tướng dời nơi kịch-trường lên xe hơi đi, thời thấy ngoài phố lao-nhạo, người tùm-dông tùm-đổ, cảnh-bình chạy tấp-nập (lúc này trông mới biết lính cảnh-sát nhiều), không ai hiểu là chuyện gì, vì người đông quá. Nhìn kỹ ra thì thấy cảnh-bình đang nắm bắt một người mà người ấy chống-cự, không chịu cho bắt. Người đứng xem, kẻ nói ra, kẻ nói vào, kẻ thì bênh người ấy, kẻ thì nói nên bắt; sau thấy tha, và người ấy lại tự-do đi như thường. Hỏi ra thì đầu là người là thuộc về đảng quá-khích, khi đại-tướng ở nhà hát ra có lên tiếng thóa-mạ, và muốn chạy lại xâm-phạm vào người, nhưng bị người ta đẩy ra. Sau nghe đầu xét trong người không có khí-giới, nên cảnh-sát cũng tha. — Lại xét một việc này thì biết cái phong-trào quá-khích cũng nhom-nhóm trong dân-gian vậy.

Thứ tư, mồng 3 tháng 5.

Đến thứ bảy này thì quan Giám-quốc MILLERAND đi kinh-lược ở Bắc Phi-châu về, sẽ đến Marseille. Nền mấy ngày nay trong thành-phố sửa-soạn đón tiếp ngài. Gần nhà trọ mình có làm cái bài-phường, chằng đèn điện, tối thấp đẹp lắm. Mấy bữa nay đi chơi phố buổi chiều vui-vẻ lắm. Nước này là nước dân-chủ, mà sửa soạn đón ông Giám-quốc cũng linh-đỉnh tấp-nập như người ta đón ông quân-chủ vậy.

Trong Đẩu-xảo mấy hôm nay cũng thấy làm riết lắm. Vì đ... chỉ-nhật quan Giám-quốc sẽ vào... ng... quá-khích. Bọn mình cũng phải s... ra ngoài... để hôm ấy ra nghênh-tiếp đây! Chà là sẽ trọng-thề lắm.

Thứ năm, mồng 4

Chiều hôm nay lại đi nghe di... thuyết. Ở Marseille này, người diễn-thuyết hay thì ít, nhưng cái phong-trào diễn-thuyết coi ra thịnh lắm. Từ... mình đến đây tới giờ, đi nghe không biết mấy lần rồi; ấy là chưa đi được khắp đấy. Nếu cứ xem nhật-trình mà đi cho hết thì không tới nào không mà có tới đến hai ba nơi cùng một giờ.

Bữa nay là cuộc diễn - thuyết của Hội « Nữ-quyền » (*Ligue française pour le droit des femmes*). Diễn-giả là một bà thầy-kiến là về vấn-đề « cần phải cho đàn-bà... tham-phán ». Đàn bà đến nghe... lắm. Cả tòa tri-sự hội... Hội-trưởng hay là... trong một b... giáo-dạy ra đứng... cái cây thuyết... ung... rằng v... thạo v...

Rồi... đồng-b... Baudoin

nên pháp-luật thế Pháp hội... bác giỏi lắm. Nói... lên... ó-ràng. Thường nhận ra... - thuyết bao giờ cũng rõ-ràng... há, ít khi hùng-hồn được như đạo... nhưng thường dịu-dàng dễ... đó cũng là sự tự-nhiên, song... biết đàn-bà diễn-thuyết về mĩ-tu... an-chương có lẽ hay hơn về chính-trị pháp-luật

PH. Q.

(Còn nữa)

LỊCH-SỬ DÂN-TỘC TA KHAI-THÁC VỀ CỎI NAM<sup>(1)</sup>

khâu có mặt ở đất nước này, làm một thứ dân-tộc lớn-lao, dân-số triệu người, chiếm được có cái đất 242.000 cây-lô-mét ở trong xứ Trung-Nam, ba kỳ, làm một nước đứng đầu trong Đông-Pháp; chúng ta có từng nhớ đến cái năng-lực dân-tộc ta xưa kia, sửa-sang đất nước này là thế nào hay không?

Ngày nay làm chủ-nhân-ông ở xứ Trung-Nam, Bắc ba kỳ này, mà tựa dưới bóng cờ Pháp Bảo-hộ ấy là dân-tộc nào? Là dân-tộc An-Nam ta đó. Chúng ta được làm chủ-ông ở đất nước này, không phải là thừa thiên-tạo địa-thiết xưa kia, đã có công-xá phẳng-phiu, ruộng-nương béo tốt, dân-tộc ta đời đời có sẵn, cứ ngồi đó mà hưởng cái lợi đâu. Nguyên-lai đất ta là một xứ núi rậm rừng sâu, trời con cầm thú nó làm tổ hang, chim đinhan-mường nó vẫn chiếm giữ tổ-lếm nhân-tộc ta cùng nhau lại đó trừ đi cái rừng rậm, cái núi ngoài quần-sơn, cái sông, thành-nhị (Thần-nhân) chất-trần, sửa-tức nước về biển, xóm-thành, nhà Châu-nhà mà người ta cho con cháu thì cái khi xưa, mới có nước Nam-Việt, làm ruộng, săn ruộng ở Trung-Nam chỉ có người làm một thứ nghề, Nhật-nam đẹp, làm một nghề chủ-nhân-muội, mà ở đây, thế thì chiếm-lãnh được một phần ở trên mặt địa-cầu, dễ lấy, lấy đó mà làm cái sản-nghiệp trung-Hà về đường thực-dân, đến nay vẫn ở thế thịnh-vượng và vẫn được lâu bền tự-năng-lực dân-tộc ta cũng mạnh mẽ thay!

Nay muốn chứng-minh cái năng-lực dân-tộc ta, thì nên xét về nòi giống dân-tộc ta, và cái lịch-sử dân-tộc ta sinh-tự ở đất nước ấy những khi biến-thiên ra thế nào.

Người nước ta xưa nay ở đất nước này, nòi giống cũng lắm thứ khác nhau; ở thượng-du thì có giống Mèo, giống Mán, giống Thai, giống Chàm; ở Trung-kỳ thì có giống Xiêm-thành; ở Nam-kỳ thì có giống Chân-lạp; nhưng ngày nay làm người đại-biểu trong đất nước này, thì chỉ người giống An-Nam ta là thịnh hơn cả.

Nay xin nói về giống người An-Nam ta khởi-nguyên. — Giống người An-Nam ta tức là một giống trong loài da vàng; hoặc có người bảo giống ta là giống Mông-cô, hoặc có người bảo giống ta là giống Mã-lai, nhưng đều chưa có bằng-cứ nào cả; nay xét về trong sách-vở và chứng về những sự mắt thấy tai nghe, thì giống Nam-man là cái nguyên-tổ giống người nước ta; xét trong sách *Lê-ký* thì nam-phương gọi là giống Man, giống ấy thích chửi vào trán và ngón chân giao nhau; lại xét trong sách *Sử-ký* đời nhà Lê nhà Lý quân-sĩ đều thích vào trán có chữ rằng « *Thiên-tử-quân* » ấy là hiện-chứng về sự thích vào trán; còn như sự ngón chân giao nhau, thì tôi lúc bé từng thấy có một hai người già, hai ngón chân cái xoạc ra mà giao lại với nhau, không có thể di dầy được, ấy là hiện-chứng về sự ngón chân giao nhau; đời nhà Hán gọi nước ta là Giao-chỉ-quận, chùng cũng lấy nghĩa thế.

Dân-tộc nước ta tuy là giống Nam-man, nhưng mà đến sau lại hỗn-hóa với giống khác, mà thành ra giống An-Nam ta ngày nay; khi hỗn-hóa ấy thì hỗn-hóa về giống nào? Hỗn-hóa về giống Tàu đấy; bây giờ nói rằng giống ta hỗn-hóa với giống Tàu, thì dễ thường cũng có người bảo tôi nói thế là khêu cái lòng cảm-cru cho quốc-dân mà lại theo cái thói hú, chỉ biết mê-tin người Tàu như trước chẳng. Thừa rằng không phải thế đâu: nhân-chúng riêng là

(1) Dịch bài Hán-văn của ông Nguyễn Bá-Trác đã đăng ở Bản-chí kỳ 44.







cổ đất Trung-Đông, sai người nói với Giao-châu, xin lấy bắc-bộ cũ của họ Âu-Đâu ở miền sơn làm khu vực có mặt nước, và đại niên-hiệu của họ lên-gia đời Tống (khoảng 424 năm), sau này là Phạm Dương-Mại lại lên xâm vào bộ Nhật-nam; bộ Cử-nam vì thế bị trục - nhược dân đi; quan Giao-châu thứ - sử là Đàn Đạo-Tế đem quân đi đánh, Dương-Mại sai xin hoà, lui về Lâm-ấp. Đời vua Lý Thái-tử nước ta, vua Lâm - ấp là Phạm Chí lại xâm lên phía bắc chiếm bộ Nhật-nam; khoảng năm Trinh-quán đời Đường, vua Lâm-ấp là Đâu-la chết, quốc - nhân lập con nhà cô là các vị vua, đời hiệu là Hoàn-lấy công-quốc; quan đô-hộ đời Đường là Trương Chu đem quân vào đánh phá tan, Hoàn-vương mới bỏ xứ Lâm-ấp dời nước vào xứ Xiêm; cuối đời Đường vì có loạn người Hoàng Sào định-nhà-biểu cũng đa-sự, ở Ái-châu thêm nữ Dương Đình-Nghệ khởi lên ở núi Cửu-Lâm-ấp ở vùng núi Cửu-Lâm, rồi ra khỏi ngoài cõi nước ta, lập một cái thành ở Ó-châu nhân-tên là Phật-thệ-thành tức thuộc về xã Ngụy - diều, huyện Thanh-thủy, tỉnh Thừa-thiên ngày nay).

Tây-lịch năm thứ 958, đời vua Chu Nguyên-thế nước Tàu, người Xiêm có sang ở Tàu nước Tàu xưng là Xiêm-thành-quốc; chiếm - lĩnh được những đất tự Quảng-Nghệ trở về nam đến Bình-thuận, đắp thành Đồ-hàn (tức là cái đất thuộc về huyện Tây-viên, huyện Phú-cát hai huyện ở tỉnh Bình-định ngày nay).

Xem thế thì từ tây-lịch năm thứ 138 người Khu-Liên tự-lập làm Lâm-ấp-vương cho đến tây-lịch năm thứ 958, cộng là khoảng 820 năm, người Xiêm nhiều lần xâm lên phía bắc, tuy quan thứ-sử nước Tàu như Chu Phiền, Đàn Đạo-Tế đã từng đem quân vào đánh, nhưng không có thể chiếm - cứ được nước của họ, quận-huyện được nước của họ, về sau họ

lại mở lên được phía bắc đến núi Hoành-son, mà biệt - lập làm một nước Xiêm-thành. Chao ôi! Dân - tộc Xiêm - thành cũng không phải là giống hèn dẫu: nay chúng ta thử đi chơi mà xem những cái di-tích kiến-trúc ở núi Mĩ-sơn tỉnh Quảng-nam, thì cái văn-hóa của dân-tộc họ xưa kia thế nào khá rõ.

Tuy vậy, cái năng-lực của dân-tộc họ đã như thế, mà về sau dân-tộc nước ta lại có thể diệt được nước họ, chiếm được đất họ, mà thay quyền họ, khiến cho quốc-hiệu Xiêm-thành chỉ còn có cái danh-từ ở trong lịch-sử mà thôi, mà tự núi Hoành-son về phía nam, đều thuộc về lãnh-thổ của dân nước Việt ta; ấy đủ chứng-minh cái năng-lực dân-tộc nước ta ưu-mĩ là như thế; nay hãy nói về sự dân-tộc nước ta đi chinh-phục Xiêm-thành.

Trước tôi đã nói cái thời-kỳ dân-tộc nước ta chiếm-cứ Xiêm-thành, là thuộc về cái thời-kỳ dân-tộc ta độc-lập. bởi vì chỉ cái thời-kỳ ấy, thời công - nghiệp khuếch-trương quốc-thổ mới có thành-hiệu được.

Xét trong sử chép, tây-lịch năm 1042 đời vua Lý Thái - tôn hiệu Thánh - vũ nguyên-niên, vua thân-chinh đánh Xiêm-thành, chém được vua Xiêm là Sạ-Đầu, dẫn binh vào Phật-thệ-thành bắt thế-thiếp vua Xiêm và những người cung-nữ hát hay về khúc điệu Tây-thiên đem về, về đến đất Lý-nhân (nay tỉnh Hà-nam) triệu Xiêm-phi là nàng Mị-Ê lên chầu, nàng nói: « Vợ này là vợ mán, gái này là gái què, dám bì dẫu với các ả cung-tần được, nước tôi đã tan, chồng tôi đã mất, phận tôi chỉ xin cầm một cái chày thôi! » Tức-khả, lấy chày cuốn vào mình lăn xuống sông mà chết. Quan tổng-dốc Nguyễn Văn-Mạc ở Trung-kỳ thảo ra quyền Nam - Phong-sử, có đề một câu rằng: « Dầu ai sang cả mặc ai thân này nước chảy hoa trôi xa gì » là ý khen nàng Mị-Ê trinh-tiết thực có như vậy. Chao ôi! Thành Phật-thệ xa cách ở cổ nam, mà vua Lý Thái tôn thường đi thân-chinh kéo thẳng vào đến sào

huyết, thì là người mạo - hiểm biết là đường nào!

Cách đó 27 năm, đời vua Lý Thánh-tôn hiệu Thần-vũ nguyên - niên lại đi thân-chinh Xiêm-thành, bắt vua Xiêm là Chế Củ mang về, Chế Củ xin hiến Địa-lái, Ma-linh, Bô-chính ba châu để chuộc tội, xin về nước, vua cho về (Ma-linh nay huyện Minh-linh, huyện Do lệnh thuộc tỉnh Quảng-trị; Bô-chính nay huyện Bình-chính, Minh-chính, Bô-trạch thuộc tỉnh Quảng-bình), ấy là bắt đầu nửa phía nam tỉnh Quảng-bình và nửa phía bắc tỉnh Quảng-trị thuộc vào bản-đồ nước ta đó.

Tây-lịch năm 1075 đời vua Lý Nhân-tôn năm Thái-ninh thứ tư, sai ông Lý Thường-Kiệt đi tuần-biên về địa-đồ ba châu, đổi châu Địa-lái làm châu Lâm-bình, châu Ma-linh làm châu Minh-linh, mộ dân đến ở.

Đời vua Trần Anh-tôn năm Hưng-long thứ 14, (1306) đem nàng Huyền-trần công-chúa gả cho vua Xiêm là Chế Mân, vua Xiêm dâng Ô-châu, Lái-châu hai châu, mới đổi làm Thuận-châu Hóa-châu, sai ông Đoàn Nhữ-Hải đi chiêu-dụ cư-dân, đặt quan cai - trị; thế là bắt đầu phủ Thừa-thiên thuộc vào bản-đồ nước ta đó. Người đời bảo một tỉnh Thừa-thiên là cái đồ sinh-lễ của bà Huyền-trần công-chúa đấy. Chao ơi! một cái thân liễu-bồ mà được hay vào cái giá-trị một tỉnh; ngày nay trông thấy cái quang-cảnh non sông tốt đẹp ở Bình-lĩnh Hương-giang, thì lại càng khiến cho người nhớ đến bà Huyền-trần công-chúa vậy. Đến đời vua Trần Anh-tôn năm thứ hai mươi cũng vào thân-chinh, bắt vua Xiêm là Chế Chí, phong cho em hắn làm vua, từ đó nước Xiêm với nước ta mới bắt hòa.

Đời vua Trần Dụ-tôn (1368) vì vua Dụ-tôn chỉ ngày ngày đam về sự hoang-du không nghĩ chấn-hưng lấy quốc-chính, mà vua Xiêm là Chế Bồng-Nga bấy giờ lại là kẻ có tài-lược, hắn thường luyện-binh tập-tướng muốn những sự báo-thù; đã từng cử-binh ra đòi lại Hóa-châu, và do đường hải-dạo lên đánh đến thành Thăng

long mấy lần. là lúc Xiêm nước ta bấy giờ Chấn-thủ-sứ, sửa sang lại thành Hóa-ch

Đời vua Duệ-tôn năm Long-k (1375) vì Xiêm-thành vào cướp vua Duệ-tôn quyết-y thân-chinh, sức những người ở Thanh-hóa, Nghệ-Tân bình (tức Lâm-bình) đi sửa-sang lộ, lại sai Lê Qui - Ly quản - việc chở lương-thực ở Nghệ-an, Thuận-hóa, Tân-bình; vua Duệ-tôn tự làm đại-tướng thống - lĩnh quân thủy cùng tiến đến Nhật-lệ hải-khẩu (tức cửa bể Đồng-hải tỉnh Quảng-bình) đại-binh đóng đồn luyện-tập ở đó.

Năm 1377, quan-quân nước ta vào bề Thi-nại tỉnh Bình-dịnh, lại đi thẳng vào đánh thành Đồ-bàn; vì mắc phải cái mẹo người Chế Bồng-Nga hó trá-hàng, vua Duệ-tôn trận-vong; từ đấy về sau, người Xiêm hoặc do hải-dạo, hoặc do sơn-dòng, liên xâm-phạm đến thành Thăng - đến nỗi vua và vua Phế-đế phải bỏ chạy mấy lần. Chao ơi! Cái thế-lực dân-tộc ta lúc bấy giờ cũng suy-yếu lắm thay! May mà có ông Trần Khát-Trần đánh một trận ở Hương-giang (nay thuộc về huyện Hưng-nhân huyện Tiên-lữ ở tỉnh Hưng-yên) được chúa Xiêm là Chế Bồng-Nga, mà cái vạ Xiêm-thành từ đó mới xẹp.

Đời vua Trần Thuận-tôn năm Quang-thái thứ tư (1391) sai người Lê Quý-Ly lĩnh-binh đi tuần Hóa-châu, duyệt-định quân-gũ, tu-tạo thành-trị. Đến đời Lê Qui - Ly thay đời triều Trần ra triều Hồ, xưng-đế chưa đầy một năm, nhường ngôi cho con là Hán-Xương; đời Hồ Hán-Xương năm Thiệu-thành thứ hai (1402), sửa sang đạo-lộ, tự thành Tây-đô đến Hóa-châu, theo con đường mà đặt ra từng trạm; đến tháng sáu năm ấy, sai đại-tướng là Đỗ Mãn đi đánh Xiêm - thành, đại - quân vào đến cõi Xiêm, tướng Xiêm là Chế Sát-Nam

bị giết ở đây. Khi sứ Xiêm  
 Chiếm cái đống đất ấy, khi sứ Xiêm  
 khi có mai mối, khi sứ Xiêm  
 đi ma niệm, khi sứ Xiêm  
 phân đất đó làm trấn Thăng-bình và  
 sang Nghĩa, (tức là phủ Thăng-bình tỉnh  
 Nghệ-an, phủ Tư-nghĩa tỉnh Quảng-  
 chơn ngày nay); xứ thượng-du đất ấy, thì  
 trấn Tân-ninh, (tức là đất Chiên-dàn,  
 Tân-gia, đất Thu-bồn tỉnh Quảng-nam  
 ngày nay); ấy là hồi bắt đầu tỉnh Quảng-  
 nam tỉnh Quảng-nghĩa thuộc về bản-đồ  
 nước ta.

Đến khi họ Hồ phải nhà Minh nó diệt,  
 thì phủ Thăng-hoa lại bị người Xiêm  
 chiếm giữ châu-huyện ở đó chỉ còn cái  
 danh mà thôi.

Khi vua Lê Thái-tổ khởi-bình ở Lam-  
 sơn (1418) trước thu-phục lấy những  
 thành Nghệ-an, thành Tân-bình, thành  
 Thuận-hóa mà tác thành rồi sau mới ra  
 đánh ta có thể định-vị (1428) sai  
 những quân đem ngựa 357 con đi  
 vào Hóa-châu để chặn; lại đem  
 những quân cho an-sáp  
 vào xứ Thuận-hoa, Tân-bình.

Đời vua Lê Nhân-tôn năm Thái-hòa thứ  
 tư (1446), lại cử đại-binh đi đánh Xiêm-  
 thành, đến thẳng Thi-nại-hải-khẩu, đánh vỡ  
 Đò-bàn-thành, bắt chúa Xiêm là Bí Cai, lập  
 lại làm vua, mà bấy giờ chức trấn-thủ  
 ở Thuận-hóa là ông Lê Trích-Công đơng  
 chuyên-lực về những sự chiêu-tập lưu-  
 dân, khuyến-miễn nông-tang, huấn-luyện  
 sĩ-tốt, để trấn-chỉnh về cái chính-sách  
 khai-thác cõi nam.

Đời vua Lê Thánh-tôn năm Quang-thuận,  
 định lại bản-đồ thiên-hạ, và chiêu-tập  
 những kẻ lưu-vong, để khai-khẩn hoang-  
 điền, bởi thế một dải Thuận-hóa, bờ-cõi  
 một ngày một mở-mang, dân-cư một ngày  
 một phần-thịnh; đến năm Hồng-đức  
 nguyên-niên, (1470) vua thân-chinh đánh  
 Xiêm-thành, tiến-binh vây thành Đò-bàn,  
 bắt được hơn 30.000 người, lại bắt vua Xiêm  
 là Đò Toàn, mở đất đến Thạch-bi-sơn;  
 tướng Xiêm là Bô Trì chạy về Phan-lung,

giữ lấy đất ấy xưng là Xiêm-thành vương,  
 sai sứ ra xưng-thần phụng-cống, mới  
 phong cho bản làm vua, lại phong cho  
 Hoa-Anh và Nam-Bàn hai vua nữa (tức  
 là thủy-Sá và hỏa-Sá), chia nước Xiêm ra  
 ba nước để làm cái chính-sách cơ-mi đó;  
 ấy là hồi bắt đầu tỉnh Bình-định, tỉnh  
 Phú-an thuộc vào bản-đồ nước ta.

Năm 1558 đời vua Lê Anh-tôn, đức  
 Thái-tổ bản-triều ta vào trấn Thuận-hóa;  
 bấy giờ cõi nước Xiêm chỉ còn có miếng  
 đất tự núi Thạch-bi về phía nam mà  
 thôi. Đức Thái-tôn Hiếu-triết hoàng-đế  
 bản-triều ta (1648) đem quân vào đánh vỡ  
 Xiêm-thành lấy được miếng đất tự Thạch-  
 bi cho đến Phan-lang, đặt làm đồn Thái-  
 Khang (tức nay tỉnh Khánh-hòa), tự Phan-  
 lang trở về phía nam đến Phan-ly còn là  
 nước Xiêm-thành. Đến đời đức Hiền-tôn  
 Hiếu-minh hoàng-đế ta (1694) lấy nốt đất  
 ấy bỏ cả quốc-hiệu nó đi, đặt ra Thuận-  
 thành trấn (tức nay tỉnh Bình-thuận) thế  
 là nước Xiêm mất; ấy là hồi bắt đầu tỉnh  
 Khánh-hòa tỉnh Bình-thuận thuộc vào  
 bản-đồ nước ta.

Kể từ đời vua Lý Thái-tổ hiệu Thánh-vũ  
 nguyên-niên, cho đến đời đức Hiền-tôn  
 Hiếu-minh hoàng-đế bản-triều ta, cộng là  
 649 năm, nước ta đối với Xiêm-thành  
 trong khi đó, tuy rằng gặp phen bắc-thuộc  
 quan-lại Tàu họ có lúc buông-thả,  
 hoặc gặp phen quốc-vận suy-vi, như đời  
 vua Trần Phế-đế, bị người Xiêm nó hung-  
 hăng xâm-nhiều; nhưng mà cái chính-  
 sách khai-thác cõi nam, kết-quả vẫn đạt  
 được mục-đích, khiến cho cái cõi đất phía  
 bắc giáp Hoàn-sơn, phía nam giáp Chân-  
 lập của nước Xiêm-thành xưa kia, rút lại  
 là về của dân-tộc ta cả, nhân đó mà  
 khẩn-tịch lấy, giáo-dục lấy, khiến cho  
 nơi linh-thổ của dân-tộc ta một ngày một  
 mở mang, sự sinh-tụ của dân-tộc ta một  
 ngày một thịnh-vượng; thế thì cũng khá  
 rõ ràng cái năng-lực của tổ-tiên ta khuếch-  
 trương quốc-thổ ba bốn trăm năm về trước  
 vậy. Song cứ trong cái lịch-sử nước ta đi  
 đánh lấy Xiêm-thành mà xem ra, thì nước

Xiêm kia cũng đã có nhân-dân, thổ-địa, chính-trị, pháp-luật như vậy, mà rút lại phải chuyên sang tay người ; cái công-lý ưu-thắng liệt-bại, thực có thể coi đó, mà làm gương được.

Chao ơi ! Cái lịch-sự nước ta đánh lấy Xiêm-thành đã như vậy, mà cái lịch-sử nước ta sửa-sang Xiêm-thành thời thế nào ? Nay xin theo trong sử sách ghi-chép mà kể qua về cái đại-lược kinh-lý đất Xiêm như sau.

Tỉnh Quảng-bình đặt quan từ giữa đời Trần, tỉnh Thuận-hóa đặt quan từ cuối đời Trần, tỉnh Quảng-nam đặt quan từ đời Nhuận-Hồ, nhưng đều là chỉ đặt lấy tiếng dấy mà thôi, chớ đất họ vẫn giao cho người họ quản-trị, đáng cũng là cách bảo-hộ dấy thôi ; đời Lê Hồng-đức về sau tuy cái cách đặt quan có hệ-trọng hơn trước, nhưng vẫn cho người họ với người mình chia quyền quản-trị ; đến đời đức Thái-tổ bản-triều ta mới thuận dùng người mình quản-trị đất họ, hết thấy chủ-quyền ở tay người mình cả.

Đời vua Lý Nhân-tôn năm Thái-ninh thứ tư, đặt ra Lâm-bình Minh-linh hai châu mộ dân đến ở, là sự khởi-diềm dân ta dời vào cõi nam. Đời Nhuận-Hồ hiệu Khai-đại nguyên-niên, thiên những dân ở các xứ người nào không cỏ ruộng mà có cửa, thì khiến đi vào Thăng-hoa, và cùng với những kẻ di-dân ở bản-xứ, đều biên lại làm đội-quân. Đời Lê hiện Chính-trị nguyên-niên, đức Thái-tổ bản-triều ta vào trấn xứ Thuận-hóa, những người làng Tống-sơn và quân nghĩa-dũng tỉnh Thanh tỉnh Nghệ nhiều người đem cả nhà để đi theo ; về sau lịch-triều ta hễ phen nào bắc-phạt, thì tất là cướp lấy dân ở tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh đem vào để khai-khân đất ấy. Vả lại vì người Xiêm nó ngoan-ngạnh khó trị, lịch-triều ta khó nhọc về sự đánh dẹp, mới thực-hành cái chính-sách tảo-đăng, thuận đem người mình dời đến sinh-tụ ở đất Xiêm ; tự đó về sau nhân-dinh phồn-thịnh, điền-địa mở mang, ngày

nay hóa ra trung-vi-đo là cái công-liệt-thánh sai sẽ vào ng

Nhưng mà đ<sup>o</sup> phải sai ng<sup>o</sup> quá-kh<sup>o</sup> về đường sinh-tụ, giáo ; sách sử chép rằng năm Cảnh-hu thứ 38 đời Lê có mở khoa Cử, đời Thuận-hóa ; kẻ trấn-thần là Ngô nói : « Đất Thuận Quảng trải qua bị đã lâu ngày, nghiệp học hoang-phế, thấy có người nào đi ứng-hạch ». X thời biết được cái phong-hóa đời còn khuyết-diềm vậy. Tuy vậy, sự vẫn chưa khai, mà cái chất vũ-dũng vẫn giỏi biết theo việc nghĩa, biết cần việc dùng ra làm việc chiến-đấu thật là giỏi lắm nên liệt-thánh Bản-triều ta dùng Trung-kỳ để chống-chế họ Trịnh và đánh Cao-miên ; nhà Tây-sơn dùng để kêu-quân Thanh-khẩu, đều là người xứ Thuận, Quảng cả. Chao ! Trong khởi-giới vài trăm năm, đem cái t<sup>o</sup> Đông-phương, mang lấy trận-vong ; từ gai góc khó nhọc d<sup>o</sup> hoặc, lại đối với tô-quốc sơn-hà hết cái chia-vụ đương-binh thảo-tặc ; các bậc tiên-Thuận-Quảng này thật là đã hết cái t<sup>o</sup> nhiệm khó nhọc ở đất nước ta vậy.

Nước Xiêm-thành đã lấy xong, rồi từ tỉnh đến nước Chân-lạp ; bởi vì chẳng đạt đến bờ b<sup>o</sup> Nam-hải, thì cái công khai-thác về cõi nam của dân-tộc ta chưa xong ; lại nói về cái lịch-sử dân-tộc ta đi lấy nước Thủy Chân-lạp.

Hiện xứ Nam-kỳ ngày nay tức là nước Thủy Chân-lạp ngày xưa, hiện nước Cao-miên ngày nay tức là nước Lục Chân-lạp ngày xưa đó ; cái lịch-sử đời tiền-cổ của Chân-lạp, cứ sử Tàu chép ra, thì không được tường, vậy hãng bỏ lược qua, xin chỉ xét về cái lịch-sử từ đời trung-cổ đến nay. Đời vua Thái-tổ nhà Lý hiệu Thuận-thiên năm thứ ba (1012), vì nước ta có họ Lý tự-chủ, nước Chân-lạp mới lập, ba năm một lần sai sứ đến ; sau Chân-lạp lại kéo đảng với nước Xiêm-thành liên

vào ăn cướp, rồi vua Huệ-tôn sai quân đánh Chân-lạp, đến khi bản-khẩu có mặt, dân-hóa, vì nước Xiêm-thành phụ-cần, cho nên kinh-lý sang nước, mà Chân-lạp thì còn đề nghị đến đời vua Thái-tôn Hiếu-triết (chữ đề năm thứ mười (1657) vua Chân-lạp mất, Nặc-Ông-Chân kế-lập, đem quân xâm-phạm cõi ta, vua Hiếu-triết ta thì quan Trấn-biên-doanh phó-tướng là ông Tôn-thất Yển, đánh tan quân Chân-lạp ở Hưng-phúc-thành (nay huyện Phúc-lĩnh tỉnh Biên-hòa) bắt được vua nó là Nặc-Ông-Chân đem về, giam ở tỉnh Quảng-chinh sau tha cho về, lại cho làm vua ở đời nó, nhưng phải xưng-thần nạp-cống. Vua người Chân chết, người Nộn kế-lập, sai kẻ bày-tôi là Ô-Đài làm phản, đem quân Xiêm-la về đánh người Nộn chạy sang nước ta, sai quan Thống-binh Lâm đi đánh, đẹp có thể Ô-Đài chết, người Nặc-Thu xin người Thu là chính-phái họ Chân-lạp, nên đặc-phong cho là chính-vương ở thành Long-áo; lại phong cho người Nộn làm phó-vương cho ở Sài-gòn.

Đời vua Hiếu-triết năm thứ ba mươi mốt (1679), khi ấy nước Tàu có những quan trấn-thủ ở đất Quảng-đông, chức Long-môn-tổng-binh là Dương Ngạn-Địch, phó-tổng-binh là Hoàng-Tiến; chức Cao-châu, Lôi-châu, Liêm-châu tổng-binh là Trần Thăng-Tài, phó-tổng-binh là Trần An-Binh, đem ba nghìn quân và ba mươi chiếc chiến-thuyền, chạy thẳng vào cửa Tư-hiền và Đà-nẵng, tự-tổ ý rằng không chịu hàng phục nhà Thanh, xin đến đây làm kẻ thần-bộc. Bản-tribiêu ta bấy giờ đương lưu-ý về việc khai-khẩn đất Chân-lạp, cho nên dung-nạp lấy bọn ấy, rồi cho lũ người Dương Ngạn-Địch ở đất Mĩ-tho, cho người Trần Thăng-Tài ở đất Bàn-lân (nay tỉnh Biên-hòa), khiến cho khai-khẩn lâm-mãng, và thiết-lập thị-phố.

Đời vua Hiếu-minh năm thứ bảy (1697) mới đặt ra phủ Gia-định, sai ông Nguyễn Hữu-Kinh vào kinh-lược đất đó, chiêu-tập những kẻ lưu-dân từ châu Bỏ-chính trở về phía nam cho vào ở đất Gia-định, lập làm xã-thôn và phường-ấp; người giống Tàu ở đất Lộc-dã (nay tỉnh Biên-hòa) gọi là ấp Thanh-hà; ở đất Phiên-trấn (nay tỉnh Sài-gòn) gọi là xã Minh-hương, nước ta chia vạch bờ cõi đất Chân-lạp, bắt đầu từ đời ấy.

Vì có người Hoàng Tiến với vua Chân-lạp đối bên cầu-khích, nên chính-vương là Nặc-Thu làm phản, đắp Bích-đồi, Cầu-nam, Nam-vang ba thành, làm khóa sắt ngăn sông đề tự-thủ; phó-vương là Nặc-Nộn sang ta cáo-biến, vua ta sai chức thống-binh ở Vạn-long đi đánh không được; mới sai ông Nguyễn Hữu-Kinh thống đốc Bình-khang, Trấn-biên hai đồn và tướng-sĩ ở Long-môn chia đường đi đánh, người Nặc-Thu chạy, bản-tribiêu mới lập con là Nặc-Thâm đề thay.

Lúc bấy giờ lại có kẻ di-dân nhà Minh là người Mạc Cửu, cũng giữ nghĩa chẳng chịu làm tôi nhà Thanh, tránh nạn sang ở Chân-lạp, chiêu-tập lưu-dân, lập ra bảy xã gọi là đất Hà-tiên; năm 1708 người Mạc Cửu xin qui-phụ, bản-tribiêu mới phong cho làm chức tổng-binh, giữ đất Hà-tiên; sau người Mạc Cửu mất, bản-tribiêu lại phong cho con là Mạc Thiên-Tích làm đô-đốc trấn-thủ đất Hà-tiên, người Thiên-Tích mới đắp thành-lũy, mở đạo-lộ, đặt thị-trường và đón thầy dạy bảo nhân-dân xứ đó.

Bấy giờ nước Chân-lạp biến-loạn luôn; cha con Nặc-Thu thì nhờ thanh-thể Xiêm-la cứu giúp, mà con Nặc-Nộn là Nặc-Yêm thì nhờ thanh-thể Bản-tribiêu cứu giúp; nước họ vì cái cơ tranh nhau ngôi vua, mà quân ta cũng phải thường-thường đem sang cứu-viện; như năm 1714 ông Trần-Thượng-Xuyên và ông Nguyễn Cửu-Phú đem quân đi giải vây cho người Nặc-Yêm ở thành La-bích; lại như năm 1748 phải quan điều-khiển là ông Nguyễn-Hữu-Doãn đem người Nặc-Ông-Tha trở về nước.

Năm 1749, con Nặc-Thảm là Nặc-Nguyên đem quân Xiêm-la về đánh Nặc-Tha, mà tranh lấy ngôi vua ở trong nước, rồi lại cử-binh xâm-phạm đất Côn-man và dâng bắc thi thông với Trịnh - vương để đánh bản - triều. Năm 1752 vua Hiếu - vũ hoàng - đế ta mới phái quan thống-suất là ông Thiện-Chính, quan tham-mưu là ông Nguyễn Cư-Trình đốc tướng-sĩ ngũ-doanh đi đánh Nặc-Nguyên, Nặc-Nguyên thua ; bỏ kinh-thành Nam-vang, chạy xuống đất Hà-tiên, nương theo với người Mạc-Thiên-Tích. Năm sau, Mạc-Thiên-Tích dâng sớ về Bản-triều, tâu rằng Nặc-Nguyên xin hiến Tâm-bôn, Lôi-lạp các đất ấy để xin chuộc tội, ông Nguyễn Cư-Trình cũng thượng-sớ tâu rằng : « Cái việc khai-cương thác-địa, nên dùng cái chính-sách tâm-thực. » Vua Hiếu-Vũ mới nghe lời tâu, nhận lấy đất hai phủ cho người Nặc - Nguyên về nước, sau người Nặc-Nguyên chết, người chú họ là Nặc-Nhuận xin hiến đất Trà-vang và đất Ba thác để cầu được quyền-giám quốc sự; người Nặc-Nhuận liền phải người rẻ là Nặc-Hình giết chết, con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy xuống Hà - tiên; quan đô - đốc Mạc-Thiên-Tích xin vua Hiếu-Vũ ta phong cho Nặc-Tôn ; vua bèn sai người Thiên-Tích và tướng-sĩ ngũ-doanh đưa Nặc-Tôn về nước. Nặc-Tôn mới hiến đất Tâm-phong-long và cắt đất Hương-áo, Cần-bột, Chân-sâm, Sài-mạt, Linh-quỳnh năm phủ tạ ơn ông Thiên-Tích, Thiên-Tích đều đem dâng về Bản - triều. Trương Phúc Du, Nguyễn Cư-Trình xin dời đồn Long-hồ lên Tâm-bào xứ (tức tỉnh Vĩnh-long ; ở xứ Sa-đích, thì đặt làm Đổng-khẩu đạo, xứ Tiền-giang thì đặt làm Tân-châu-đạo, xứ Hậu-giang thì đặt làm Chu-đốc-đạo; đem năm phủ của Nặc-Tôn nạp hiến trước kia, lệ-thuộc vào đất Hà-tiên, đặt làm Kiên-giang và Long - xuyên hai đạo ; đất lục-tỉnh xứ Nam-kỳ từ đó mới toàn thuộc về Bản-triều ta kinh-lý vậy.

Về hồi loạn Tây-son, đức Thế-tổ Cao-

hoàng-đế ta vì lòng thương xót khôi-phục trung-nguyên, sai sứ vào kinh đô Xiêm-la để kinh doanh đến Lục-tỉnh, phải sai người qua-khám ở đương khi đối-đầu, nhờ cái đất Nam-kỳ lục-tỉnh để luyện-binh súc-nhuệ, và nài đó để đường sinh-tụ giáo-huấn.

Đến khi đức Thế-tổ ta đặc-quốc được sáu năm (1807), sai sứ đem sắc tâu phong, ban cho Lục-Chân-lạp quốc trong ấn khắc rằng : « Cao-miên vương chi ấn » lại định cho công

Về sau được bốn năm nữa, vì nước Xiêm-la đem quân sang đánh thành La-bích, đức Thế-tổ ta đưa thư trách Xiêm, vua Xiêm thư tạ lỗi. Năm Gia-long thứ mười, ông Lê Văn-Duyệt đem một vạn đồng với quân Xiêm đón người về nước, đắp thành Nam-vang, vương ở ; lại phái ông đem một nghìn người Nam-vang để

Ý là Bản-triều Cao-miên là cái đồ cơ-mi lấy đó, để cầu cho nó mở hết, nhân dân đã phồn thịnh rồi đến cái chính-sách kinh-lý Cao-miên; chỉ vì tự đó về sau quan-lại nước ta sang đó, không được người giỏi, cho nên cái công lao bảo hộ Cao-miên chưa được hiệu quả, mà chợt gặp ngay cái cuộc Đại-Pháp bảo-hộ này.

Nay xin đem cái sự-tích Bản-triều ta khi khai-thác đất Nam-kỳ, hoặc lúc thì mượn những kẻ lưu-dân Tàu, hoặc lúc thì chiêu những loài di-chủng Xiêm-thành (1), hoặc lúc thì đem những dân Quảng-nam Quảng-nghĩa mà dời sang đất đó, đến khi đức Thế-tổ ta thu-phục Gia-định rồi, mới lợi dụng đất đó để làm nơi căn-cứ, chia ra làm Phiên-trấn, Trấn-biên, Trấn-vĩnh, và Trấn-định bốn doanh; sai văn - thân là ông Trịnh Hoài - Đức, Lê

(1) Ông Nguyễn Cư-Trình chiêu-đụ Côn-man, bắt được trai gái 5900 người đều cho vào Nam-kỳ.

Quan Đô là Phất Cau, Hoàng M... cái đ... hai người... Ki... sóc-suất những... lại phát ngu... quân-sĩ và cho dân... an hoang-địa gọi là đồn-điền ngày thu-hoạch, đem thóc gạo vào công-khố, gọi là kho đồn-điền, quan văn quan vũ phải mộ nông-dân hay thành đội, gọi là đội đồn-điền, kẻ binh-mình người nào mộ được mười người trở lên thì chuẩn cho làm cai-cơ, được trừ xưa dịch; bấy giờ dân Quảng-nam... Bình-định Phú-yên nhiều... nước.

Chao ôi! nước Chân-lạp có nước, cứ trong sử truyện, thì dương về đời vua Chrong-đế... Kiến-sơ thứ ba... có tên nước... mà ta... phải là không... quốc-thống. có... hân-hoi; nay xét cái di tích chùa Đế-thiên đế-thích, thời biết cái văn-minh của dân-tộc Chân-lạp về đời tiền-cổ là dương nào! Thế mà dân-tộc ta kỳ-thủy chiêu-phục được họ, trung-gian chiếm giữ được nửa phần quốc-thổ của họ, kỳ-chung lại làm ông chủ-nhân bảo-hộ cho họ, tuy rằng công cuộc chưa xong, nhưng mà tự đời vua Hiếu-triết cho đến đời vua Thế-tổ, mới có một trăm năm-mười năm, mà hay khiến dân-tộc Thủy Chân-lạp phải rạt về phía tây; cảnh-thổ Thủy Chân-lạp hết chảy vào tay ta; và lại hay khai-khẩn được thổ-địa, sinh-tụ được nhân-dân, dựa đó để làm cái cơ-sở lập-quốc; cho đến ngày nay, lại nhờ đất đó để làm cái nguồn giàu cho tài-hóa; xem thế thì cái năng-lực dân-tộc ta và cái công-nghiệp Bản-triều ta khai-thác cõi Nam chẳng vĩ-đại lắm ru!

Cứ trên đó mà xem ra, thì phía nam đại-lục châu Á này, ở cái lúc chưa chia ra Giao-

châu Quảng-châu về trước thuộc về nhà Lương-Hán thống-trị, là gồm gộp cả chín quận ở Lĩnh-nam mà nói, bảo đó là thổ-địa của nước ta vẫn có sẵn, thực là chưa phải. Đến đời Ngô Tôn-Quyền mới chia cái đất Giao-chỉ, Cửu-châu, Nhật-nam gọi là cõi Giao-châu; còn như cái đất Nam-hải, Xương-ngô, Hợp-phố, Uất-lâm, Quỳnh-nhai, thời là cõi Quảng-châu.

Cõi Quảng-châu gồm có cả đất năm quận, mà không thoát khỏi được cái phạm-vi của nước Tàu; thế mà cõi Giao-châu ta chỉ có cái đất ba quận, mà hay độc-lập được làm một nước; coi vậy cũng đủ rõ là dân-tộc ta khi xưa có cái năng-lực-tự-lập. Từ đời vua Thánh-tôn nhà Lý cử-binh đi đánh phương nam, cho đến đời đức Thế-tổ bản-triều ta, mới có hơn bảy trăm ba mươi năm, mà hay khiến nước Xiêm nước Lạp kia đã có lịch-sử, đã có văn-hóa ở phương nam, rút lại thổ-địa họ ta hay quận-huyện được, nòi giống họ ta hay hỗn-hóa được, khiến cho đất nước ta gia-tăng trong ba phần có đến hai phần; ngày xưa thành Thăng-long ở Hà-nội, nguyên là trung-tâm-điểm nước ta, mà ngày nay thời đã lệch về cõi bắc; phải lấy đô-thành Thừa-tiên ở xứ Trung-kỳ làm đất trung-ương. Những bậc tiên-dân ta ở đất nước này khi xưa, phải gánh vác cái trách-nhiệm trọng-dại, phải đề-tạo cái lịch-sử quang-vinh, nguyên là có hai việc; một là việc hân-ngữ bắc-khẩu, hai là việc khai-thác nam-thùy vậy. Trong khoảng bảy tám trăm năm, một phương-diện thì chống quân Nguyên, bắt giặc Hồ, một phương-diện thì diệt Xiêm-thành, chiếm Chân-lạp, trèo đèo lặn suối, gọi gió tắm mưa, trời bao nhiêu huyết-hãn, để gìn-giữ lấy, mở-mang lấy

một vùng quốc-thổ ba mươi một vạn hai nghìn thước vuông này, non kia ai đắp mà cao, sông kia ai bới ai đào mà sâu, chúng ta ngày nay mở đến địa-đồ quốc-thổ mà xem, cũng nên tư-niệm đến công-nghiệp tiên-dân ta ngày xưa, chớ không nên mặt-sát nói giống ta là nói giống hèn-yếu vậy.

Dân-tộc ta đối với quốc-thổ này, vừa mới kinh-qua cái thời-kỳ chiếm-hữu khuếch-trương, mà chưa hạ-cập đến cái thời-kỳ kinh-hoạch bố-trí; cái phương-pháp kinh-hoạch bố-trí thế nào, thì ngày nay nhờ có Đại-Pháp bảo-hộ và tán-trợ cho, như là những việc đạo-lộ thì khai-thông, hiềm-trở thì khai-tạc, thị-tràng thì thiết-lập, hải-cảng thì kiến - chúc, và những sự kinh-lý về phần thổ-địa, vân vân.

Tuy vậy cái công-việc Bảo-hộ Chính-phủ kinh-lý ngày nay, là cái công-cuộc thuộc về bình-thức-văn-minh ở hiện-thời; mà cái sự nghiệp tô-tiên ta đề-tạo khi xưa, là cái sự-nghiệp thuộc về tinh-thần-tiến-thủ của một dân-tộc, nay chúng ta thử đi du-lich đến cửa Hoành-son và cửa Hải-vân, hai cửa hùng-quan ở xứ Trung-kỳ, tuy rằng đường đá rêu phong, vết thành mây tỏa, nhưng mà mắt ta trông cái hình-thể non cao rừng rậm kia, uyên-nhiên trông thấy cái hồn dân-tộc ta vẫn còn bàng bạc phiêu-dương ở đó; chúng ta lại thử bới thuyền đi ra chơi cửa bể Cần-giờ, cù lao Phú-quốc mà xem, mắt trông cái quang-cảnh một dải bình-nguyên, muôn thôn khói jừa ấy, thì cũng đủ trông thấy cái công-nghiệp của tô-tiên ta dành để lại cho người sau. *Mãng giang nẫu cá ngạnh nguồn, đến đây nên phải bán buồn mua vui.*» Đọc câu ca ấy thì có thể biết được liệt-thánh ta khi xưa vào trấn Thuận Quảng đem dân Thanh Nghệ vào đóng đồn ở đất Quảng-trị vậy. *Thương anh em cũng muốn vô, sợ*

*trường nhà Hồ sợ phá Tam-giang; phá Tam-giang rồi rầy đến triều nhà Hồ Nội-tân có thể biết triều ta kinh-lý Nhà bè nước chèo đĩnh Đồng - nai thì có thể biết được cái quang-giờ di-dân vào xứ Nam-kỳ vậy.*

Chúng ta sinh ra ở đời nay, thấy cái cảnh-trạng biến-thiê được những câu ca dao ở miền cũng đủ chứng rõ cái hồn dân-tộc ta khi xưa; hướng chi nào điện, nào là lãng-tâm ở kinh-thiên, tô-tiên ta đã lao-thần khổ đạm kinh-doanh, để vì dân - tộc ta lại cho cái biểu-hiệu văn-minh; khiến người nước khác ta, còn có thể rằng nước này này là dân-tộc ôi! cái công - nghiệp rộng lớn lắm ru!

Chúng ta ngày nay hoặc có người thì nhận mình là nhân-vật tân-thời-đại, hoặc người thì cậy mình là có cái tư-tưởng tân-văn-minh, mà than-thở cô-thời nước ta là hủ-lậu, chê bai tinh-chất dân-tộc ta là bạc-nhược. Chao ôi! Những người nói thế, chẳng hóa là con người quên tổ mà bỏ mình đấy ư; nếu chẳng thế chẳng nữa, thì cũng chẳng qua là cái lời ngu dốt nói liêu đấy thôi.

Nếu những bậc tiên - dân ta hẳn là hủ-lậu, hẳn là bạc - nhược, không có cái năng-lực tự-trấn tự-lập chút nào, thì chắc là thổ-địa nước ta cũng đã cùng với đất Quảng-châu, đất Nam-chiếu đồng-thời hủ-nhập về địa-đồ Trung - quốc đã lâu rồi, tên nước Việt-Nam còn có đâu nữa:

mà vả lại là bởi vì phát thực-dân, nỏ đư... cái đư... con cháu... nhân bề mà... lợi yển-sào... ở Quảng - nam... ăn thóc gạo ở xứ Đông-nai, chủ... miền Phú-quốc ấy chứ?

am-nghĩ đến sự đó, thì chúng ta ngày nay thật không nên khinh-miệt dân-tộc mình, quên nhãng tổ-tiên mình và chỉ các vua các quan nước mình khi xưa vậy.

Chúng ta bây giờ giở lịch-sử ra mà xem, các vị nhân-quân hiền-tướng khi xưa, mang lấy cái trách-nhiệm hộ-trì cho dân-tộc ta... là chắn... người; vô-luận cái... mình... quan-hệ... mà ta... hững sự bà... Trung-vực... nam, ôn Lý Thường-Kiệt... đánh châu Khâm châu Liêm, tuy cái chí xâm sang đất Bắc chưa được thỏa, mà cái khí oanh-liệt cũng còn đủ khiến cho người Tàu phải tiêu-diệt cái lòng xâm lấn nước người đi; lại vô-luận như những sự các vua nhà Lý nhà Trần đi thân-chinh nước Xiêm-thành, năm Quang-thuận, năm Hồng-đức triều Lê di-dân vào Thuận Quảng, và cái chính-sách của liệt-thánh bản-triều ta thôn-tĩnh nước Xiêm nước Lạp, ấy đều là những sự quan-hệ về cái phương-châm khai-thác cõi nam; mà tức như những sự ông Nguyễn Trung-Ngạn nhà Trần khắc đá kỷ-công ở cõi đất Lào (1); vua Nhân-tôn nhà Lê đi đánh Tồn-bồn-man lấy đất đó đặt làm châu Qui-hợp (2); vua Thánh-tôn nhà Lê đi đánh nước Lão-

qua mở đất đến Kim-sa-hà (3), lại đi đánh Bồn-man đặt làm đất Trấn-ninh, tuy vì cái cơ sơn-lâm hiểm-trở, chưa có thể đạt được cái mục-dịch mở sang phía tây, nhưng mà cái tinh-thần mạo-hiêm tiến-thủ, hồ dễ đã ai kịp được!

Thưa ôi! chúng ta ngày nay kế-thừa cái cơ-nghiệp của tổ-tiên, lại y-thác ở dưới bóng cờ Bảo-hộ; nhờ có cái công tổ-tiên ta đề-tạo cho, mà chúng ta mới được cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống ở đất nước này, chẳng bị con mãnh-thú con độc-xà nó làm hại, giống Mèo-Mán, giống Chàm Thai nó xâm - lãng; lại nhờ có Bảo-hộ làm ơn khai-hóa cho, mà chúng ta mới được đi xe trên đất cạn, đi tàu dưới luồng sông, bước lên đường phẳng-phiu, họp được chợ đông-đúc, ngoài không có giặc, trong không có cướp, khiến cho chúng ta được làm một hạng quốc-dân nước thái-bình, an-cư lạc-nghiệp; thế thì chúng ta nên cố gắng thế nào, cho hết cái trách-nhiệm chúng ta sau này, để kế-tục lấy cái công-nghiệp chưa tới hoàn-toàn của tổ-tiên ta vậy.

Trước kia tôi đã nói nước ta tự đời đức Thái-tổ bản-triều về trước, là cái thời-kỳ khai-thác, mà chưa kịp đến cái thời-kỳ chỉnh-đốn, bước sang cái thời-kỳ chỉnh-đốn, thì lại gặp ngay cái dịp Đại-Pháp bảo-hộ nước ta; thì cái công chỉnh-đốn, dân-tộc ta nên nhờ Bảo-hộ thay quyền vì ta kinh-lý, đã đành thế rồi. Nhưng mà Đại-

(1) Thuộc về phủ Tương-dương tỉnh Nghệ-an. — (2) Là đất Thượng-du thuộc tỉnh Nghệ-an đến tỉnh Quảng-bình. — (3) Là sông Mê-công.

Pháp chỉ đem cái chủ-nghĩa bác-ái, vì ta trở báo, và vì ta gìn-giữ mà thôi; còn về phần tự-phần tự - miễn, thì ở về thân ai? nên trông ở cái thân dân-tộc ta vậy.

Thế thời đồng-bào ta nên kể-thiệu cái công-nghiệp của tổ-tiên ta, mà nghĩ thế nào để tô-diêm cho miếng quốc-thò của tổ-tiên ta dành lại cho ta, chớ tự khinh mình, chớ tự bỏ mình, để làm mất cái tính-chất dũng-cảm tiến-thủ của dân-tộc ta; kể đi học kia, thầy Bảo-hộ đã vì ta bảo cho khuôn-phép, thì ta nên tự mình nghiên-cứ những điều hữu-ích về tiền-đồ; chớ có nghĩ rằng đem thân vào học-giới chẳng qua chỉ cầu lấy y-thực và quan-chức về mai sau, mà về đường tiến-bộ của dân-tộc, thì không hề tâm quan-hệ chút nào; kể làm ruộng, kể làm thợ, kể đi buôn kia, thầy Bảo-hộ đã vì ta bảo cho cách-thức, mở chỗ đường lối, thì ta cũng nên giảng-câu lấy cách mưu-sinh, khiến cho có lợi-ích về đường kinh-tế của quốc-dân ta, làm thế nào để lợi-dụng lấy vật-chất thiên-nhiên và sản-nghiệp nhân - vi ở đất nước này, để tăng-tiến lấy ngạch xuất-sản, thu về cái của lạc-chỉ; chớ có chỉ mưu những nghề lòn-mồn, tinh lấy kẻ đủ no, hay hoặc tìm được cách riêng để chiếm lấy quyền-lợi riêng, mà tự khoe rằng cái đạo doanh-sinh thế là đã đủ.

Ngày nay không phải là cái ngày chúng ta chỉ lợi-dụng đất nước này để mưu về đường thân-gia khoái-lạc dân, chính là cái ngày chúng ta nên lợi-dụng đất nước này để mưu về đường xã-hội lợi-ích đó; muốn đạt cái công-nghiệp làm lợi-ích cho xã-hội, thì phải nên cố-kết lấy cái lực đoàn-thể cho quốc-dân; nhưng mà cái cách

kết đoàn-thể nên cái gì thực-hành để tiếp nối nhau, để họp hội Âu-tây thế này vào, ng qua-không nơi mà thể-nhập; sà  
Nhật-bản và tôi đã từng (A-Đông) liên-hợp đoàn thể của dân họ trừ những điều thù-lạc vắng tại cách thông-thường, từng không có liên-hợp nào chỉ có hư-văn mà không thực-sự; phạm trong nước vô-quan-giới, hay là thương-giới công-giới; đã lấy một cái đoàn du-lịch để du-hành ở xứ nào, hay hoặc đã khai ra một hội nghề để tiếp lấy một cái đoàn-thể thì hẳn là có một cái học-hội, hoặc một cái thương-hội, một cái nông-hội, một cái công-hội, tùy theo đó mà phát-sinh ngay, không đợi đến lúc... xong rồi là... hai ba năm... lạc, cái... quần cũng đã... du-lịch đầy đường, văn du-ký đầy báo, chỉ hư-văn phô-trương ra thì có, mà xét những điều thực-tế hành-vi, thì chưa thấy có cái cơ-quan gì là có thể đối với dân-tộc ta mưu về đường tiến-bộ được. Vậy tôi xin có một lời đề kinh cáo đồng-bào chư-quân-tử rằng: Chúng ta nếu muốn cứu vãn cái tính-chất tiến-thủ cho dân-tộc ta, thực-hành cái công-nghiệp của dân-tộc ta, muốn đề-tạo cho dân-tộc ta, mà mở-mang cái tiền-đồ về tương-lai, thì nên cố-kết lấy đoàn-thể cho dân-tộc ta; mà cái cách để kết đoàn-thể, xin chớ chuộng về hư-văn, mà phải cầu lấy thực-tế mới được.

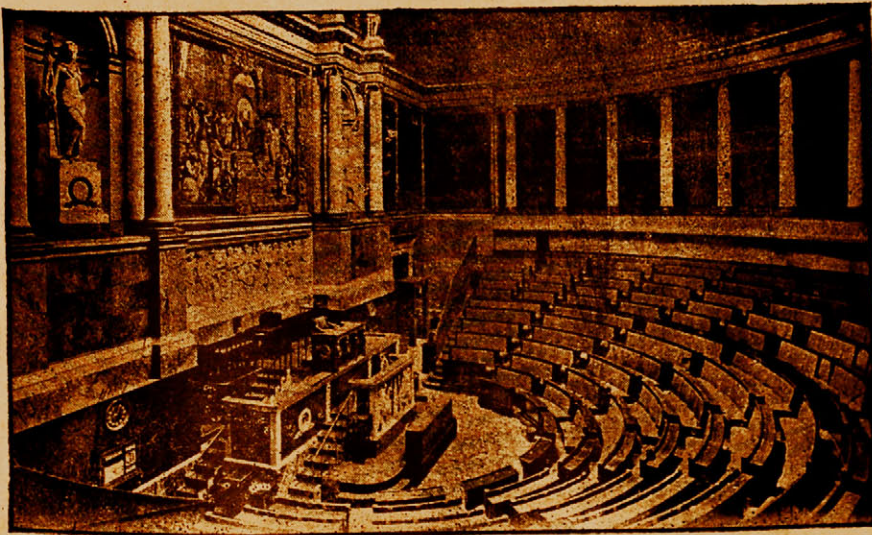
Nguyên hán-văn của NGUYỄN BÀ THẠCH  
Tùng-vân NGUYỄN ĐÓN-Phục  
dịch quốc-ngữ

Những cảnh đẹp ở Paris



Sở Invalides

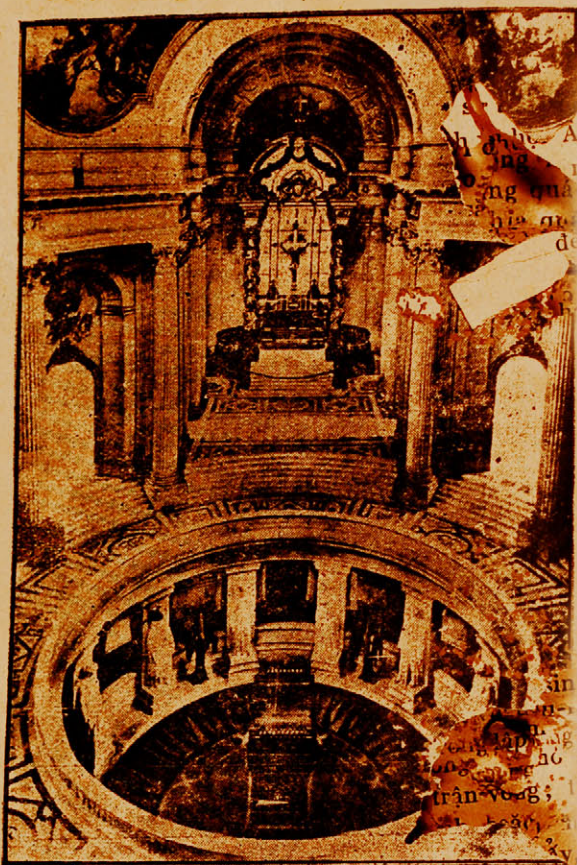
(Dưới cái mái tròn là lăng vua Nã-phá-luân)



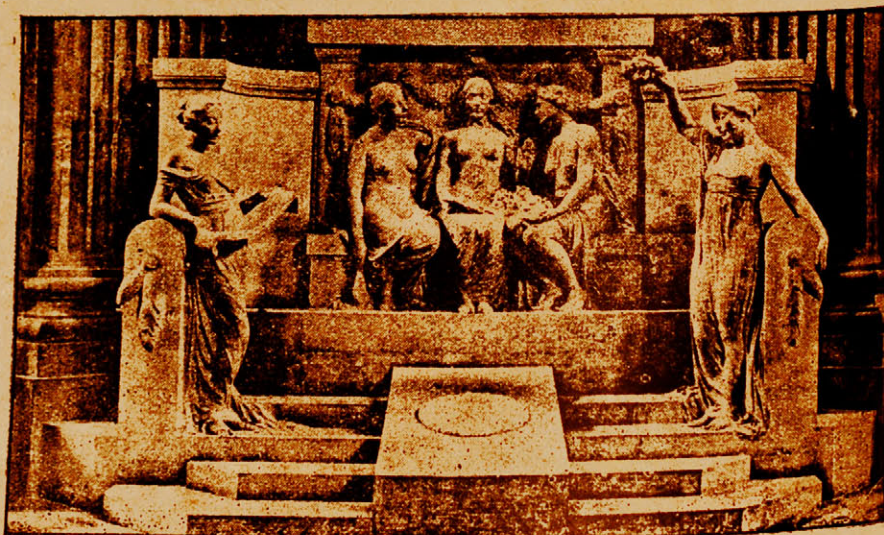
Nơi nghị-trường ở Hạ-nghị-viện

(Bệ trên là chỗ ông Nghị-trưởng ngồi; bệ dưới là nơi diễn-đài, các ông nghị-viên lên nói; chung-quanh là chỗ các ông nghị ngồi; từng trên có cột là

Những cảnh đẹp ở Paris



Lăng vua Napoléon (Nã-phá-luân)  
(Trong sở Invalides. — Xem N. P. số 64, trang 260-261)



Mộ ông Jean-Jacques Rousseau (tàn dịch Lu-thou)

NHO-GIÁO (1)

...bì...ng...  
 ...re...ai...  
 ...chủ...cái...đạo...  
 ...Ki...  
 ...nân-hạnh...  
 ...các ông nói câu chuyện, là  
 ...là...  
 ...đựng...  
 ...chữ...niên...  
 ...ta có nơi đi lại chơi...  
 ...cho sự đoàn-thể và lợi...  
 ...học-tập. Ông MONET lại bảo...  
 ...một vài chuyện...  
 ...chuyện...  
 ...tôi không dám...  
 ...nói trước...  
 ...chuyện...  
 ...có thể vui...  
 ...rằng các ông...  
 ...phải học-tập...  
 ...chỉ...  
 ...mình...  
 ...ay...  
 ...N...  
 ...đạo...  
 ...ông...  
 ...nay, nghĩa là...  
 ...Đà...  
 ...thế-kỷ...  
 ...ngày...  
 ...Nho-học...  
 ...cái phong-trào...  
 ...rộng...  
 ...đi...  
 ...đã...  
 ...phản-phát...  
 ...mình...  
 ...đời...  
 ...nào...  
 ...ngày...  
 ...hầu...  
 ...được...  
 ...cái...  
 ...cho...  
 ...tiếng...

thì thiết-trưởng la cũng không nên vội-  
 vàng phá-hoại đi làm gì, không những  
 là không nên bỏ hẳn đi, mà ta lại  
 nên tham-bác điều hay điều dở rồi đem  
 dung-hóa với cái học mới, thì có lẽ  
 cũng thành được một học-phái rất có  
 giá-trị, cũng chẳng kém gì những học-  
 phái khác.

Vậy Nho-giáo là một giáo-thuyết rất  
 tôn-trọng ở nước ta từ xưa đến giờ.  
 Nay ta thử xét xem cái tôn-chỉ của Nho-  
 giáo là thế nào, nó khởi-phát từ bao  
 giờ, ai tổ-chức thành ra một học-phái  
 rất mạnh, nó biến-đổi từ đời nọ qua  
 đời kia ra làm sao, và sự kết-quả về  
 đường tiến-hóa lợi-hại thế nào.

Nho là « học-giả chi xưng », nghĩa  
 là người đi học biết chữ gọi là Nho.  
 Lại có nghĩa nữa là ai hiểu biết được  
 đạo trời đất và đạo người thì gọi là  
 Nho : 通天地人曰儒. Vậy thời đạo  
 Nho là đạo của người đi học, biết xét  
 nghĩa-lý phải chăng, biết giữ cương-  
 thường luân-lý.

Cứ như ý-kiến những người Nho-  
 học thì đạo Nho khởi đầu kể từ đời vua  
 Phục-Hi (4477 — 4363), nghĩa là kể từ  
 ông vua đầu tiên nước Tàu, mà đã đặt  
 ra thư-khế để thay cái tục lấy dây thắt  
 nút, và chế ra bát-quái để giải-thích sự  
 biến đổi của âm-dương. Từ đó về sau  
 lấy bát-quái của vua Phục-Hi, cửu-trù  
 của vua Đại-Vũ làm gốc triết-học của  
 Nho-giáo ; lấy điển, mô, huấn, cáo là  
 các lời khuyên răn của những đế-vương  
 thánh-hiền đời trước làm gốc luân-lý-  
 học; lấy điển-hình chế-độ của Nghiêu,  
 Thuấn, lễ-nhạc của Chu-công làm gốc  
 chính-trị-học. Bất-cứ việc gì cũng phải

(1) Bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM, thanh-tra các trường Sơ-học Bắc-kỳ, diễn tại  
 « Việt-Nam Thanh-niên Hội » ở Hà-nội ngày chủ-nhật 22 Octobre 1923 (mồng 3 tháng chín An-  
 Nam).



trường học... thờ cúng... trong...  
 cái đ...  
 Ki...  
 đặt gi... trong s...  
 hình-đạo, vì...  
 ch... đời. Như... chính  
 thì thường chỉ có những... có học  
 đời theo được mà thôi, còn nhân-  
 chúng thì mờ-mịt, cứ bị cá vật-dục  
 nó đun-đây, làm những việc vô-lý, và  
 chìm đắm vào những điều mê-hoặc,  
 hay tin những việc quỷ... Là vì lẽ  
 rằng người ta sinh ra...-thể này  
 thường phải lắm sự... cực-khổ,  
 mà lắm lúc lại khi... được cái  
 duyên-có tại đâu... của ta... thế-  
 gian có đầy nh... với tiếng... vui,  
 ch... mà ta...  
 uôn... có th...  
 史 là...  
 áp, v. v., dùng... phương-thuật  
 huyền-hoặc để đánh... lừa những kẻ ngu  
 dại, khiến cho thần-dân lẫn-lộn, đến  
 nỗi nhà nào cũng có vu-sử: 民神雜揉。  
 家爲巫史. Vua phải sai quan tìm cách  
 cấm giữ đừng để cho những việc ở  
 dưới đất thông với quỷ-thần trên trời,  
 命重黎絕天地通 (1), nghĩa là không  
 cho dân tin nhầm những việc quỷ-thần,  
 để việc người đi việc người, việc trời  
 đi việc trời.

Tuy vậy, bọn vu-sử có cái thể-lực  
 mạnh đến nỗi vua phải công-nhận, đặt  
 quan đề cai-quản chúng nó: 司巫掌  
 羣巫之政令 (2). Mà vua quan cũng  
 phải tin dùng chúng nó, xem như là  
 khi vua đi thăm đi phúng cỗ tang-tế,  
 phải cho vu-sử đi trước cầm cành đào,  
 đọc thần-chú đề xua đuổi những tà-  
 thần ác-khí: 王弔則與祝前 (3). Xem  
 thế thì biết là cái đạo chính tuy lớn-

nghiêm hơn, nhưng vẫn không có cái  
 thể-lực mạnh bằng những điều huyền-  
 hoặc của bọn vu-sử.

Người đời xưa lại có cái tính không  
 quả-quyết, việc gì cũng dùng đến bốc-  
 phệ 卜筮, nghĩa là bói mai-rùa và bói  
 cỏ thi. Xem như là ở thiên... phạm  
 trong kinh Thư nói rằng: Vua có điều  
 gì nghi-ngờ thì trước hết tự trong  
 bụng phải suy-nghi xem thế nào, rồi  
 bàn với khanh-sĩ, hỏi những nhân-dân,  
 sau cùng thì hỏi bốc-phệ: 汝則有大  
 疑. 謀及乃心. 謀及卿士. 謀及庶  
 人. 謀及卜筮. Tuy rằng sự bốc-phệ  
 để sau cùng, nhưng kỳ-thực thì việc gì  
 cũng quyết ở bốc-phệ cả. Mà thường  
 những việc quân-quốc hay việc cúng tế,  
 việc gì cũng phải bói rồi mới dám quyết,  
 thành ra sự bốc-phệ có cái địa-vị rất  
 to trong sự hành-vi của người đời xưa.  
 Vì rằng Nho-giáo vẫn cho là trăm sự ở  
 thế-gian này đều bởi mệnh trời đã định  
 rồi, vậy muốn biết cái mệnh trời thì  
 phải lấy cái lẽ rằng việc gì cũng do ở  
 âm-dương và ngũ-hành mà ra, hễ ai  
 biết theo cái lẽ ấy mà suy-đoán, thì có  
 thể biết được sự hung-cát của đạo trời.  
 Tin như thế chưa chắc đã đúng với  
 sự thực; nhưng người đời xưa lấy  
 việc ấy làm quan-trọng lắm.

Đại-lược đạo Nho trước đời Xuân-  
 thu là thế. Về sau, từ khi nhà Chu phải  
 dời đô về phía Đông, nước Tàu loạn-lạc,  
 mệnh-lệnh nhà vua không ai theo, chừ-  
 hầu thì người xưng hùng, kẻ xưng bá,  
 đánh giết lẫn nhau, nhân-dân thật là  
 khổ-sở. Lúc bấy giờ có những bậc  
 hiền-triết xướng lên học-thuyết này  
 học-thuyết nọ, đều có ý mở trí dạy  
 dân cả. Trong lúc ấy có một người  
 thấy cương-thường đồ-nát, đạo thánh-  
 hiền mờ tối, bèn lập-chỉ định dựng lại  
 mới cương-thường, lấy vương-đạo xưa  
 nay để làm kỷ-cương cho những kẻ

(1) Thư-kinh: Lữ-hình. — (2) Chu-lễ: Tư-vu. — (3) Chu-lễ: Nam-vu.

có cái trách-nhiệm đến việc thiếu-hạ. Người ấy là Khổng phu-tử, ông thánh nước Lỗ.

Khổng phu-tử không phải là ông tì-tò đạo Nho, nhưng đạo Nho nhờ có ngài mới thành ra một học-phái rất có thể-lực về luân-lý phong-tục và chính-trị của những nước ở Viễn-Đông này. Vậy nay ta xét đến đạo Nho thì ta phải biết lịch-sử Khổng phu-tử và cái tôn-chỉ của ngài dạy người ta là thế nào.

Khổng phu-tử người làng Xương-bình huyện Khúc-phụ (nay thuộc về phủ Duyện-châu, phía nam tỉnh Sơn-dông bên Tàu). Ngài là dòng-dõi người nước Tống (Hà-nam), đến ông tổ ba đời mới dời sang ở nước Lỗ.

Ông thân-phụ ngài là Thúc Lương-Ngột làm quan võ, lấy người vợ trước để được chín người con gái, mà không có con trai. Người vợ lẽ để được đứa con trai tên là Mạnh-Bì, nhưng lại có tật ở chân. Đến lúc đã già, ông Thúc Lương-Ngột mới lấy bà Nhan-thị sinh ra ngài. Ngài sinh vào tháng mười năm Canh-tuất là năm thứ 21 đời vua Linh-vương nhà Chu, sánh với lịch tây là năm 551 trước Thiên-chúa Gia-tô.

Cứ cái lẽ tự-nhiên thì ai cũng sinh-trưởng như nhau cả, nhưng thường hề ai đã làm được công-nghiệp gì to tát, hay là đã sáng-lập ra cái tôn-giáo nào, thì hậu-thế hay bịa đặt ra lắm chuyện la-lùng, để làm cho khác với người thường. Đến những bậc như Khổng phu-tử là người lấy sự thực trước mắt mà dạy thiên-hạ, thế mà cũng còn có những chuyện như là bà Nhan-thị trước lúc sinh ra ngài thấy có con kỳ-lân nhả tờ ngọc-thư có chữ đề rằng: « Thủy-tinh chi tử 纘衰周爲素王 », nghĩa là con nhà Thủy-tinh, kế nhà Chu đã suy, mà làm vua không ngôi. Bà Nhan-thị thấy vậy lấy làm lạ bèn lấy dây lụa mà

buộc sừng lân kỳ-lân nhả tờ ngọc thư. Đến hôm rằm tháng mười Ấu-tay Duyện rằng khi sinh ra ngài thấy một đốm rồng xuống đất, ngài nói rằng: « Tôi và có năng lực, bị điều gì thì cứ trời, tôi cứ làm năm vì sao; phúc của tôi cũng như sao nghe có năng lực, cũng nói rằng: « Tôi cảm sự sinh ra ngài 天感生聖 nghĩa là trời cảm cái lòng cầu-nguyện cho sinh ra con thánh.

Những huyện ấy có cần phải nói là chuyện huân người ta đặt ra không? Thiết-tưởng ngài là người di học, biết suy nghĩ, cũng hiểu là thế-tục hay ưa nhàn nhai, chứ thánh-nhân chẳng ưa gì ta về sự thông-minh, cũng còn về đường sinh-vật, ngài ở trong cái cõi nhân-giới, ngài cũng được Pá-lạp-phật nói rằng: « Ngài là một vị Phật, ngài là một vị Phật, ngài là một vị Phật, ngài là một vị Phật; từ đời đời mà dạy người, biết cái đạo của vua vương đời trước cũng làm tiêu-biểu cho thiên-hạ. Ấy ngài là thánh chỉ bởi có thế mà thôi.

Vì lúc trước bà Nhan-thị có lên cầu-tự ở trên núi Ni-khâu, cho nên mới nhân điều ấy mà đặt tên cho ngài là Khâu 丘. Có sách lại chép rằng ngài sinh ra trên cao và gồ lên, cho nên mới đặt tên là Khâu, tên chữ là Trọng-Ni 仲尼.

Ngài lên ba tuổi thì ông thân-phụ mất. Còn sự học-hành dạy-dỗ thế nào thì sử không chép rõ, chỉ có một chỗ nói rằng: Thủa ngài hãy còn nhỏ, chơi với trẻ thường hay bày những đồ lễ bái và bắt chước những cách cúng tế. Ấy là một điều nhỏ-mọn, nhưng thật là một cái ý-tưởng khiến cho ta hiểu được cái bản-tính của ngài trọng về lễ-nghi, mà cái đạo của ngài dạy người ta cũng cốt ở lễ-nghi hơn cả.

Năm 19 tuổi thì thành gia-thất, nhưng



我者期月而已可也。三年有成。(1)

Nay ta muốn biết cái sự-trạng của Không phu-tử, thì ta phải biết cái tình-thể nước Tàu lúc bấy giờ là thế nào. Nước Tàu về đời nhà Chu thì chỉ có một quãng ở vùng sông Hoàng-hà mà thôi, nghĩa là vào độ chừng 5, 6 tỉnh ở phía bắc bên Tàu bây giờ. Lúc đầu nhà Chu mới được thiên-hạ, thì chia nước ra phong cho những con cháu và những công-thần cả thảy đến hơn 70 nước làm chư-hầu. Đến đời Xuân-thu tính cả lớn nhỏ đến 160 nước. Những nước ấy to thì bằng một vài tỉnh của ta, nhỏ thì bằng một phủ một huyện gì đấy. Hãy xem về sau nói rằng Không phu-tử đi qua nước Tề, nước Vệ, nước Trịnh, nước Trần, v. v., người không biết thì tưởng đi nước nọ qua nước kia như thế, có lẽ xa-xôi lắm, nhưng xem trong bản-đồ bây giờ thì chẳng qua cũng chỉ quanh-quẩn ở trong tỉnh Sơn-đông và tỉnh Hà-nam mà thôi. Những nước chư-hầu được quyền tự-chủ trong nước, chỉ phải triều-cống vua nhà Chu, và khi có sự chinh-phạt gì thì các nước chư-hầu phải theo mệnh-lệnh Thiên-tử mà đem binh đi tòng-chinh. Ấy lúc Chu thịnh thì chế-độ là thế, về sau nhà Chu suy-nhược, chư-hầu mạnh lên, nước nọ kiêm-tիր nước kia, nhà vua cũng chịu, không sao mà ngăn cấm được.

Các nước chư-hầu về nước nào không là nước ấy làm bá cả một phương, như nước Tề, nước Tấn, nước Tống, nước Tần, nước Sở, nước Ngô, nước Việt, v. v. Sự chiến-tranh mỗi ngày một nhiều, hết nước này đánh nước nọ, thì nước nọ đánh nước kia. Thiên-tử thì bị chư-hầu áp-chế; chư-hầu lại bị quan đại-phu áp-chế. Dân thì bị giặc-giã giết hại tàn-phá, cực-khổ vô-

cùng, trong thiên-hạ không còn có kỷ-cương gì nữa. Trời Âu-Áy đại-loạn trong sự loạn lạc này.

Phàm cái gì bị điều gì thì cũng loạn lạc rồi. Vì năm vì sao tu-phong về hay không thể chỉ vì sự trời đất dễ cho yên và quả là thì thôi. Nhưng Không phu-tử thì ngài thông nghĩ thế; ngài cho cái bụng yến-thể là một cái tội đối với xã-hội. Vì ngài ta si cũng có nghĩa-vụ đối với đời mà trốn không làm cái nghĩa-vụ của mình tức là một điều không hợp乎 đạo làm người. Ngài càng thấy sự loạn-lạc, phong-tục bại-hoại thì càng muốn ra sức đòi loạn lạc. *Luận ngữ*: « Nếu thiên-hạ loạn lạc thì ta cũng có cần gì phải làm gì? » *Luận ngữ*: « Nếu thiên-hạ loạn lạc thì ta cũng có cần gì phải làm gì? »

Muốn làm thiên-hạ yên thì phải có người nói làm được, chớ chỉ lấy cái nói không, thì chẳng bao giờ thành-công. Ngài hiểu cái lẽ ấy cho nên ngài cố tìm cách ra hành-chính, ngài muốn gặp được ông vua nào biết ngài, mà giao cho ngài cái quyền-bình để sửa đổi phong-tục và chính-trị, làm cái gương cho các nước khác bắt chước. Có rõ cái ý ấy thì mới hiểu cái lẽ tại làm sao mà ngài không chịu giữ cái địa-vị cao-thượng làm ông thầy dạy học, mà lại cứ đi hết nước này sang nước nọ để cầu lấy một chút trước-vị. Cái chủ-ý của ngài là vụ lấy việc hành-đạo, chớ có phải là cầu danh-lợi đâu. Cũng bởi cái lẽ ấy cho nên học-trò ngài là thầy Tử-Lộ nói rằng: « Người quân-tử ra làm quan là làm việc nghĩa, 君子之仕也行其義也; không làm quan là trái với nghĩa 不仕無義(3). »

Khốn thay! Ông trời đã sinh ra

(1) Luận-ngữ: Tử-lộ. — (2) Luận-ngữ: Vi-tử. — (3) Luận-ngữ: Vi-tử.

đăng thánh-n<sup>h</sup>... mà l<sup>à</sup> không cho  
đăng thánh-n<sup>h</sup>... tại đề thi-  
hành cái đ<sup>ạo</sup>... ra từ  
h<sup>ầu</sup> có mai... qua nước  
t<sup>h</sup>ật gì đã trong sách...  
ch<sup>ỗ</sup> bản, cũ...  
ng<sup>h</sup>... hỏi viết... ở đây ơ  
ch<sup>u</sup>... gi<sup>ống</sup> vừa... rừng, lâu  
đã toan lấy đất Ni-kh<sup>ê</sup>...  
ngài, nhưng quan đại-phu nước Tề là  
Yến-Anh không thuận, cản ngăn Tề-  
h<sup>ầu</sup> không cho. Ngài thấy thế, bèn bỏ  
nước Tề trở về nước Lỗ. Bấy giờ ngài  
đã 35, 36 tuổi rồi, n<sup>g</sup> nước nhà  
đ<sup>ạy</sup> học-trò và t<sup>h</sup> thêm cho  
hoàn-toàn cái đ<sup>ạo</sup>...

Năm thứ 19... của ta...  
nhà Chu, bấy giờ... đã 51  
tuổi rồi, vua... ngài  
... là  
... hình.  
... lên  
... giờ  
... bộ Hình.

Bấy giờ thật là một cái cơ-hội để  
thi-hành cái đ<sup>ạo</sup> của ngài. Ngài đặt ra  
luật-lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập  
ra phép-tắc để tống-táng người chết ;  
lớn nhỏ phân-biệt, trai gái không lẫn-  
lộn, trong nước thịnh-trị, người đi  
ngoài đ<sup>ường</sup> thấy của roi không nhặt,  
kẻ gian-phi không có, tình-phép đặt  
ra không hề dùng đến. Ngài làm Đại-  
t<sup>ư</sup>-kh<sup>ẩu</sup> đ<sup>ược</sup> 4 năm, vua nước Lỗ  
cho ngài nhiếp-tướng-sự, nghĩa là  
cho ngài quyền-nhiếp việc quan Tề-  
t<sup>ướng</sup>. Đ<sup>ược</sup> 7 ngày ngài giết người  
Thiếu-Chính-Mão là một người gian-  
ác thời bấy giờ. Đ<sup>ược</sup> 3 tháng thì việc  
chinh-trị của ngài thành đ<sup>ược</sup> cái  
hiệu-quả rất to : việc gì cũng có trật-  
t<sup>ự</sup>, con trai thì chuộng trung-tín, con  
gái thì chuộng trinh-thuận. Cái cảnh  
thịnh-trị thật là rực-rỡ lắm.

Đây là lời chép ở trong sử như thế,

còn sự thực, có đ<sup>ược</sup> như thế hay  
không, thì ta không dám quyết. Dẫu  
thế nào mặc lòng, lúc ấy chắc nước  
Lỗ cũng có cái thế cường-thịnh đ<sup>ược</sup>,  
cho nên nước lân-bang như nước Tề,  
sợ nước Lỗ thịnh lên thì thiệt-hại cho  
mình, mới tìm cách đề phá-hoại những  
công việc của Khổng phu-tử. Nước Tề  
chọn lấy 80 người con gái đẹp, múa  
hát rất giỏi, và 30 con ngựa tốt đem  
sang bày ở cửa nam thành nước Lỗ,  
để dâng cho Lỗ-h<sup>ầu</sup>.

Thời bấy giờ các nước chư-h<sup>ầu</sup> có  
nhiều nước có vua và lại có quan đại-  
phu là một bậc quyền-thần trong nước,  
cũng hơi giống như vua Lê chúa Trịnh  
của ta ngày trước, quan đại-phu nước  
Lỗ là Qui Tôn-Tư ra xem hai ba lần  
và có ý muốn nhận những đồ ấy, bèn  
vào b<sup>ằ</sup>m với Lỗ-h<sup>ầu</sup> và đem Lỗ-h<sup>ầu</sup>  
ra xem. Lỗ-h<sup>ầu</sup> xem lấy làm thích  
lắm, bỏ việc ba ngày không ra thính-  
chính.

Khổng phu-tử thấy vua vì sự vui  
chơi bỏ tr<sup>ê</sup> việc nước như thế, chắc là  
việc gì cũng hỏng cả, ngài bèn từ-chức,  
rồi bỏ sang nước Vệ. Ngài cũng tưởng  
rằng vua nước này không dùng đ<sup>ược</sup>  
ngài, có lẽ vua nước khác dùng đ<sup>ược</sup>,  
cho nên ngài đi hết nước n<sup>ào</sup> qua nước  
kia. Trong mấy ông vua đã đón rước  
ngài, ông thì thấy công việc to quá, sợ  
làm không nổi, nói thoái-thác là tuổi  
đã già rồi, thi-hành cái đ<sup>ạo</sup> của ngài  
không kịp nữa. Ông thì bị quan đại-  
phu sợ ngài tranh-đ<sup>o</sup>ạt mất quyền-lợi,  
xui đ<sup>ừng</sup> dùng ngài.

Lại có một lẽ tại làm sao mà vua  
các nước chư-h<sup>ầu</sup> không dám dùng  
ngài — mà lẽ này dễ thường mạnh hơn  
cả — là thời bấy giờ các nước chư-  
h<sup>ầu</sup> còn muốn lấn quyền của Thiên-  
t<sup>ử</sup>, mà cái chủ-n<sup>g</sup>hiã của ngài thì lại  
cốt tôn-ph<sup>ù</sup> ngôi thiên-t<sup>ử</sup>, giảm bớt cái  
quyền của chư-h<sup>ầu</sup>. Ngài nói rằng :



ngịch mà Ph... lại định sang giúp là nghĩa làm sa... Ngài nói lời rằng : « Ta có nói điều... nhưng ta cũng có nói... cũng thì... cũng được mà... đã trong sách... người Bắc, n... ở đây... tuy... giúp người Phật-Bật là người... khiến nó bỏ tà theo chính, thì cái lòng ngay chính của ngài có mất đâu. Và người ta có cái tài-tri... phải đem ra mà dùng, chứ để... không hay sao. Ngài nói thế... ngài cũng không đi. Sau... sang với quan đại-phu nước... của ta... nhưng đi đến... tin người... là nó... mà ta... hi... năm... ngài đến... chuyện, vua nước Vệ... đàn chim nhận bay trên trời, ngài... không để tâm nghe chuyện ngài nói. Ngài thấy vua nước Vệ không có ý dùng ngài, ngài bèn bỏ sang nước Trần. Ngay năm ấy quan đại-phu nước Lô là Quý-Tôn Tư mất, dặn con là Quý-Tôn Phi đón ngài về làm tướng giúp nước. Quý-Tôn Phi không nghe lời dặn ấy lại cho đón người học-trò ngài là thầy Nhiễm-Cầu. Được ít lâu ngài bỏ nước Trần đi sang nước Thái, qua đến nước Diệp thì vua nước Sở cho người đi đón ngài và định lấy 700 dặm đất mà phong cho ngài, nhưng lại bị quan lệnh-doãn là Tử-Tây can ngăn đi, ngài lại trở về nước Vệ, lần này nữa là lần thứ năm.

Từ đó ngài thấy đi nước nào cũng chẳng thành-công gì, ngài bèn ở nước Vệ đến năm sáu năm, và không đi đâu nữa. Sau Quý-Tôn Phi cho người sang đón ngài về nước Lô. Lúc ấy ngài đã

68 tuổi, ngài bỏ nước Lô đi tất cả là 14 năm. Bấy giờ ngài cũng biết mình đã già rồi; cho nên ngài cũng không cầu ra làm quan nữa. Ngài chỉ chuyên về việc dạy học-trò và làm sách. Ngài soạn lại kinh *Thu*, là một bộ sách cổ nhất nước Tàu, xếp đặt lại kinh *Thi*, chỉnh lại kinh *Lễ* và kinh *Nhạc*. Ngài cắt nghĩa kinh *Dịch* là sách yếu-trọng của Nho-giáo về đường lý-học. Ngài làm ra kinh *Xuân-thu* là bộ sách sử của nước Lô. Khi ngài đang làm bộ sách này, thì người nước Lô đi săn bắt được con kỳ-lân què một chân, ai cũng cho là điềm không lành, đem bỏ ra ngoài đồng. Ngài đi xem trông thấy thì bưng mặt mà khóc rằng : « Ngô đạo cùng hĩ 吾道窮矣 », nghĩa là cái đạo của ta cùng rồi. Kinh *Xuân - thu* chép đến chuyện ấy là hết.

Khi chưa sinh ngài thì có kỳ-lân ra nhả ngọc-thư, đến khi ngài sắp mất thì kỳ-lân ra mà lại què mất một chân. Vậy con kỳ-lân ấy quan-hệ đến số-mệnh của ngài là thế nào thì ta không biết. Mà con kỳ-lân ấy là con vật thế nào thì dễ thường cũng khó lòng mà biết rõ được.

Học-trò ngài 3.000 người, mà những bậc tinh-thông được lục-nghe thì 72 người. Ai cũng tôn-kính và yêu mến ngài như là cha sinh ra vậy.

Một buổi sáng thầy Tử-Cống trông thấy ngài vắt tay sau lưng kéo lê cái gậy, thủng-thỉnh đi ngoài cửa mà ngâm rằng :

Thái-sơn đồ,  
Lương-mộc nát,  
Triết-nhân sắp đã nghèo tàn hay sao?

Hát xong ngài vào, bệnh mỗi ngày một nặng, được bảy ngày thì mất. Bấy giờ là năm thứ 41 đời vua Kinh-vương nhà Chu (tức là năm 478 trước Thiên chúa Gia-tô giáng-sinh).

Học-trò ngài thương tiếc vô - cùng đề tâm-tang ba năm. Thầy Tử-Cống,

làm nhà trên mộ ở hết 6 năm mới thôi. Mộ ngài nay ở Khổng-lâm, cách huyện Khúc-phụ hai dặm, có cây-cối sầm-uất, nay những người ngoại-quốc đi lại viếng thăm cũng nhiều.

Một người lúc sinh-bình cũng hành-động như mọi người, mà rồi về sau bao nhiêu những công việc của mình đã làm, bao nhiêu những lời của mình dạy bảo, thành ra luật-phép cho non năm trăm triệu người ở phương Viễn-Đông, trong khoảng hơn 2 nghìn năm nay, mà cái đức-vọng cứ càng ngày càng tôn-trọng thêm lên, thì người ấy là người thế nào? Nếu không phải là bậc chí-thánh thì sao được như thế. Bậc chí-thánh ấy cũng không có tự-xưng mình là thánh là thần gì cả. Ngài thường nói rằng: « Ta không phải sinh ra là biết, nhưng chỉ thích việc dòi xưa và cố sức mà tìm tòi kê-cứu đây thôi(我非生而知之者。好古敏以求之者也)(1) », hay là: « Ta dám đâu chận là bậc thánh hay là bậc nhân. Ta chỉ cố làm việc nhân mà không chán, cố dạy người mà không mỏi, ấy ta biết ta chỉ được có thế mà thôi (若聖與仁則吾豈敢。抑爲之不厭。誨人不倦。則可謂云爾已矣)(2) ». Mà ngài cũng nhận là không có sáng-tạo ra điều gì. Ngài nói rằng: « 述而不作 » (3), nghĩa là ta thuật cái đạo của thánh-hiền đời trước để dạy người, chớ không có đặt ra cái gì mới lạ cả.

Tóm lại mà nói thì đạo của ngài chỉ có mấy câu sau này: « 祖述堯舜。憲章文武。上律天辰。下襲水土 » (4) nghĩa là tổ-thuật cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn, lấy cái đạo vua Văn vua Vũ làm khuôn phép, trên thì hợp với cái lẽ trời đất, dưới thì thủy-thổ nào cũng dùng được. Ngài xếp đặt cái đạo ấy thành ra có mối-manh, và giảng-giải

một cách rõ-ràng, khiến cho từ đây về sau trở nên một học-phái có thể-lực rất mạnh mẽ cho nên tuy ngài không sáng-tạo cái đạo ấy, mà hậu-thế tôn-giải ngài một bậc giáo-tổ và thầy dạy người. Ngài nói rằng: « Phu-tử là một cái gì mà người ta không thể quên được, ở nhà thì cha-con, vợ-chồng làm tam-cử, đi ngoài thì giảng-buộc cái nhân-luân trong xã-hội. Nghĩa là ngài chủ lấy những điều thiết-thực quan-hệ đến sự người ta là vấn ở đời mà dạy người, chớ không làm sự viển-vông khó-khăn, hay cái gì xa-kỳ-dị. Môn-đệ ngài nói rằng: Phu-tử không nói đến những việc bạo-hành, loạn-hội và những việc (亂神)(5). » Cái đạo của ngài là đạo của lòng-tâm chân-vương; từ đời trước đến đời sau, những việc người ta làm để hằng trong thấy mặt người ta. Ngài nói rằng: « Đạt-xa cái tính tự-nhiên của người ta, để vì đạo mà làm cho người ta xa cái tính tự-nhiên của mình, thì không phải là đạo (道不遠人。人之爲道而遠人。不可以爲道)(3) ».

Vậy cái đạo của Khổng phu-tử, tức là cái đạo Nho mà tôi đã kể lược ở trên kia. Ngài cũng tin có trời, có quỷ-thần. Ngài nói rằng: « Có trời đất nhiên-hậu mới sinh vạn-vật (有天地然後萬物生焉)(7) », mà trời đất đã sinh vạn-vật rồi, thì cứ nhân cái tài-lực của nó mà đôn-đốc thêm vào. Cái gì có thể vun trồng được thì vun trồng cho ngay lên, cái gì nghiêng lệch thì đánh đổ đi (天之生物。必因其材而篤焉。故栽者培之。傾者覆之)(8).

(1-3) Luận - ngữ : Thuật - nhi. - (4) Trung-dụng - (5) Luận - ngữ : Thuật-nhi - (6) Trung-dụng - (7) Dịch : Tự-quái - (8) Trung-dụng.

Đối với muôn sự trong thế-gian thì việc gì cũng có Trời làm, tại lẽ và đã có cái mệnh định trước, ai là người quân-tử không bao giờ oán ai, ai cũng không trách người, các sự đều do Trời định cái mệnh (上不怨, 下不責, 怨者, 天也, 責者, 人也。居, 命也。)(1) là sự xấp xỉ của người quân-tử ở đây có sợ lắm. Có tiết kinh làm và rùng, ki mới là người quân-tử.

Còn như qui-thần là những linh-liêng ở trong trời đất, tuy mà ta không thấy được, tai ta nghe không thấy được, nhưng qui-thần thấu cả muôn vật, không sót cái gì. Đâu đâu cũng hình như là ở tay ta, trên cổ ta, ở bên tả bên hữu ta, mà lúc nào cũng có ở trước ta, mà ta không biết (2). Bởi vậy ta phải tế thần như thờ tiên, phải lấy sự kính trọng là nó, mình thêm lễ, thì nó mới yên mà ta mới yên. Nếu ta có thờ qui-thần, thì người linh ráy đi, thì phải làm, cũng làm điều gì, việc bổn-phận của mình thì mình cứ cố gắng mà làm cho trọn vẹn, rồi tất có trời đất và qui-thần chứng-minh cho, chớ hà-tất phải có kêu cầu thì trời đất và qui-thần mới biết hay sao? Vậy nên Khổng phu-tử dạy rằng: Vụ dân chi nghĩa, kính qui-thần nhi viễn chi (務民之義, 敬鬼神而遠之)(4).

Chính ngài cũng tự mình làm gương cho người ta: một khi ngài đau nặng, thầy Tử-Lộ xin dâng cầu-nguyện thượng-hạ thân-kỳ cho ngài. Ngài nói rằng: «Ta cầu-nguyện đã lâu rồi (女之禱久矣)(5)» Lấy cái lẽ rằng khi người ta cầu-nguyện điều gì là xin bỏ điều lỗi và làm điều lành. Thế mà chúng-thần ngài chỉ lo có bấy nhiêu, vậy thì lúc nào là ngài chẳng cầu-nguyện.

Về đường sinh-tử, thì Khổng phu-tử cũng một ý như mọi người thời bấy giờ, cho người ta có hồn và có phách. Sống là hồn phách-hợp làm một, mà chết là hồn - phách phân - ly nhau ra. Chết rồi thì cái cốt-nhục chôn xuống đất dần dần tan nát đi, còn cái khí tinh-anh thì bốc lên khoảng không-gian, sáng rõ rực rỡ (死必歸土。骨肉斃於下。陰爲野土。其氣發揚於上。爲昭明。)(6), nghĩa là chết thì chỉ mất có cái hài-cốt mà thôi, còn cái linh-hồn không mất được. Cái linh-hồn còn, nhưng có cảm-giác được như người ta nữa hay không, thì không biết. Một hôm thầy Tử-Cống hỏi ngài rằng: «Người chết có biết gì không? — Ngài trả lời rằng: «Nếu ta nói người chết mà có biết, thì sợ những con cháu hiền-thảo, liêu-mạng dễ theo ông cha; nếu ta nói người chết mà không biết gì, thì sợ con cháu bất-hiểu, cha mẹ chết bỏ không chôn. Người muốn biết người chết có biết hay không biết, chuyện đó không phải là chuyện cần kịp bây giờ, về sau người sẽ biết (7)» Dẫu thế nào mặc lòng, mình đối với người chết, bao giờ vẫn có cái cảm-tình riêng: Không có thể cho như là mất hẳn, mà cũng không có thể cho như là vẫn còn sống được. Ngài nói rằng: «Nếu cho người chết là mất hẳn, không tưởng nhớ gì đến, là bất-nhân; mà cho như là còn sống thì là bất-trí, đều là không phải cả (之死而致死之。不仁。而不可爲也。之死而致生之。不知。而可爲也)(8). Phải thờ người chết, phải cúng lễ tổ-tiên, để tỏ lòng tôn-kính, nhưng đừng có thờ bậy. Nếu không phải là bậc mình đáng thờ, không phải cha ông tổ-tiên mình, mà mình thờ cúng, thì gọi là siêm (非其鬼而祭之諂也)(9).

Nhưng ta phải biết rằng việc qui-

(1-2) Trung - dung — (3) Luận - ngữ : Bát - dật (4) Luận - ngữ : Ung - giá — (5) Luận - ngữ : Thuật - nhi — (6) Lễ : Tế - nghĩa. — (7) Khổng - tử Gia - ngữ. — (8) Lễ : Đán - cung. — (9) Luận - ngữ : Vi - chính.

thần và việc sinh-tử là việc u-ần, uyên-áo, thật là khó hiểu. Cái lễ ta phải thờ cúng thì cứ thờ cúng, song chỉ cốt lấy lòng thành-thực cung-kính mà thôi, chớ biết thế nào hết được mọi lễ mà nói. « Chưa có thể thờ được người, thờ qui-thần sao được (未能事人。焉能事鬼) » ; - « Mà sự sống còn chưa biết, biết thế nào được sự chết (未知生。焉知死) (1) ».

Phàm những việc siêu-việt cao-xa là Khổng phu-tử không giải-quyết điều gì cả, mà ngài cũng không hay nói đến, vì rằng cái đạo của ngài chỉ ở trong vòng nhân-sự mà thôi. Làm con thì phải hiếu-đễ, làm người thì phải trung-thứ, ấy là những điều ngài thường dạy người ta ở đời.

Hiếu-đễ là cái lòng kính mến thảo-thuận của những con em ở với cha mẹ anh em trong nhà. Bên Nho-giáo lấy sự hiếu trọng hơn cả các đức-tính khác, cho nên Khổng phu-tử nói rằng : « Đối với cha mẹ thì phải ăn ở cho cha mẹ bao giờ cũng được thỏa lòng, dầu phải ăn rau uống nước lã, mà làm cho cha mẹ được vui vẻ, ấy là hiếu (啜菽飲水。盡其歡。斯之謂孝。) (2). Phu-tử lấy điều giữ toàn-thân-thể làm một điều yếu-trọng trong sự hiếu. Ngài bảo rằng : « Giữ thân-thể của mình không hư hỏng, đừng để cho thân mình phải dơ-nhục, vì rằng thân của mình là bởi cha mẹ sinh ra, cũng như cái cây mọc cành vậy, lẽ nào mà mình dám không kính ? Không kính tức là phạm đến cha mẹ (不能敬其身是傷其親) (3). Vậy nên cha mẹ sinh mình ra cho mình được cái thân-thể hoàn-toàn thì mình phải giữ cho hoàn-toàn mà chết, thế gọi là hiếu (父母全而生之。子全而歸之。可謂孝矣) (4). Sự chí-hiếu là cha mẹ đã tôn kính ai là mình phải tôn-kính người ấy, đã yêu mến ai là

minh phải yêu mến người ấy, mà thờ cha mẹ thì lúc chết cũng như lúc sống, lúc sống thì thờ cũng như lúc đã chết còn (敬其親。愛其所親。事死如事生。事亡如事存。孝之至也) (5). Nhưng lễ lập không nên đi đâu xa, cha mẹ ở đâu thì ở đó, để lỡ có việc gì có sự cần-trắc. Đại-khối, hiểu là lúc sống là phải nuôi nấng cử-lễ, lúc chết phải ai-ràng theo lễ, và cúng tế theo lễ. Mà lễ là tùy cái sức nhà mình (稱家之有無) (9) mà làm những điều phải phép, chớ không phải có làm ma-chay lễ mới là theo lễ đâu.

Người nào biết lấy lòng hiếu mà thờ cha mẹ thì chắc là một người có đức. Ông làm điều bậy bao giờ cũng nên ở phương Vi-ệt Nam, không nên đi đâu xa làm gì. Ông phải giữ thân-thể cho toàn vẹn, đừng để cho thân mình bị tổn-hại; từ đời xưa phật-tử dạy người ta sửa mình thành người có đức hạnh. Việc tu thân thì cốt ở sự thành-đạo. Ngài nói rằng : « Sự hoàn-toàn là đạo của trời, sự cố gắng cho được hoàn-toàn là đạo của người (誠者天之道也。誠之者人之道也) (7). » Vậy người ta bao giờ cũng phải gắng sức để nên người hay người lành. Phu-tử tin rằng người ta sinh ra ai cũng có tính lành như nhau cả, chỉ vì sự tập-quán mà thành ra khác nhau (性相近也。習相遠也) (8). Vậy nếu mình chịu học-tập để giữ lấy cái bản-tính của mình, đừng để cho cái tính-dục nó dơ-nén mất, thì cái lòng lành có thể càng ngày càng phát-minh ra được. Hễ mình biết giữ được cái ý-chí của mình cho hoàn-toàn, cái bụng của mình cho ngay chính, cái thân của

(1) Luận-ngữ : Tiên-tiến. — (2) Lễ : Đán-cung — (3) Lễ : Ai-công-vấn — (4) Lễ : Tế-nghĩa — (5) Trung-dụng — (6) Lễ : Đán-cung — (7) Trung-dụng — (8) Luận-ngữ : Dương-hóa.

minh cho trong sạch, 誠其意。正其心。修其身。(1) thì chắc người ta có thể dần dần lên tới bậc hiền chỉ đạo được. Vì rằng ai đã được cái ý-chí của mình hoàn-tòan, việc gì ác là mình không làm, việc gì tốt là mình không bỏ, thì người đó, không dể mình bắt, người ở đây ở (2). Khi cái ý của mình đã định, thì chí của mình đã định, vua tướng, ông đấm ba-quân có thể bắt ông tướng, chớ cái chí của người không ai cướp đi được. 三軍可奪帥也。匹夫不可奪志也。(3). Mạnh mẽ thay lời dạy của Phu-tử. Khiến lòng người phẩn-chấn mà làm cho hay điều lành vậy.

Đạo của Phu-tử lấy hai thứ người dể dẻ, người quân-tử, người tiên-nhân, là nó dẫu dễ mà ta cũng không bỏ, người quân-tử ở hiền-thiện, mọi người vẫn không làm như vậy, mọi người vẫn làm những việc mọi người làm mà không hòa-thuận với ai. 君子而不同。小人同而不同 (4) — Người quân-tử bao giờ cũng trông cậy vào sức mình, mà người tiểu-nhân thì chỉ trông cậy vào sức của người ta. 君子求諸己。小人求諸人。(5) — Người quân-tử đối với thiên-hạ không câu-nệ điều gì mà cũng không a-dua theo ý người nào, việc gì cũng cứ lấy cái nghĩa công-nhiên để làm chuẩn-đích mà theo. 君子之於天下也。無適也。無莫也。義之與比。(6) — Người quân-tử vẫn biết mình có cái hơn người, mà không có tranh hơn kém với ai, vẫn quần-tụ với mọi người mà không theo bè đảng nào

cả. 君子矜而不爭。羣而不黨。(7) — Làm việc gì thì người quân-tử cũng trọng nghĩa mà người tiểu-nhân thì chỉ trọng lợi. 君子喻於義。小人喻於利。(8) — Người quân-tử chỉ lo không theo được đạo, chớ không lo sự nghèo đói. 君子憂道不憂貧。(9) — Bởi vậy những kẻ chí-sĩ nhân-nhân không có ham sống mà hại việc nhân; có khi xả-thân mà làm cho trọn đạo. 志士仁人。無求生以害仁。有殺身以成仁。(10) — Người ta đối với sự phú-quí, thì ai chẳng muốn, nhưng nếu theo đường chính mà không được, thì không nên cầu làm gì; người ta đối với sự bần-tiện ai chẳng sợ, nhưng nếu theo đường chính mà phải bần-tiện, thì cũng không nên sợ. 富與貴是人之所欲也。不以其道得之不處也。貧與賤是人之所惡也。不以其道得之不去也 (11). Người quân-tử không bao giờ thấy điều lợi mà quên được việc nghĩa. Thường làm sự phi-nghĩa mà được phú-quí, thì đành chịu bần-tiện còn hơn. Bởi vậy Phu-tử nói rằng: « Ăn gạo xấu, uống nước lã, gắp cánh tay làm gối nằm, như thế mà vẫn vui vẻ, chớ cái phú-quí bởi sự bất-nghĩa mà được, thì ta coi như đám phù-vân vậy. 飯疏食飲水。曲肱而枕之。樂在其中矣。不義而富且貴。於我如浮雲 (12).

Đại-khai là sự cử-dộng của người quân-tử có thể làm cái đạo cho thiên-hạ, công việc của người quân-tử có thể làm khuôn phép cho thiên-hạ, lời nói của người quân-tử có thể để làm mực thước cho thiên-hạ, người ở xa thì trông mong muốn đến gần, mà người ở gần thì không bao giờ chán — 君子動而世為天下道。行而世

(1-2) Đại-học. — (3) Luận-ngữ: Tử-hãn. — (4) Luận-ngữ: Tử-lộ. — (5) Luận-ngữ: Vệ-linh-công. — (6) Luận-ngữ: Lý-nhân. — (7) Luận-ngữ: Vệ-linh-công. — (8) Luận-ngữ: Lý-nhân. — (9-10) Luận-ngữ: Vệ-linh-công. — (11) Luận-ngữ: Lý-nhân. — (12) Luận-ngữ: Thuật-nhi.

爲天下法。言而世爲天下則。遠之則有望。近之則不厭 (1).

Tóm lại mà nói, quân-tử là một bậc người đáng tôn đáng kính, mà tiêu-nhân là một thứ người đáng khinh đáng bỉ. Vậy làm người thì bất-kỳ ở cái địa-vị nào, dù sang dù hèn thế nào mặc lòng, cũng phải cố gắng mà tu-linh để gây nên một cái nhân-phẩm cao-thượng. Đây là cái lý-trưởng cực-diêm của nho-giáo vậy.

Khổng phu-tử trước hết xướng lên cái nghĩa thân-ái của nhân-loại. Ngài nói rằng : « Người ta ở trong thiên-hạ, ai ai cũng là anh em cả 四海之內皆兄弟 » (2), ta nên đem lòng thân-ái mà đối-dãi với nhau. Bởi thế môn-đệ ngài nói rằng : « Đạo của Phu-tử chỉ cốt có hai điều là trung và thứ, nghĩa là cái gì cũng cứ ngay thẳng và ở với người ta thì bụng mình muốn thế nào mình cũng dãi người ta như thế, 夫子之道 忠恕已矣. (3). Ngài dạy rằng : « Hễ điều gì mà mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai bao giờ 己所不欲 勿施於人. » (4), thật là một lời quý-hóa mà trước chưa thấy có ai đã nói ra một cách rõ-ràng như thế.

Khổng phu-tử cho những công việc của người ta ở đời quan-trọng hơn cả là việc chính-trị, vì ngài tin rằng sự trị loạn trong thiên-hạ, sự hay dở của nhân-quần đều bởi việc chính-trị mà ra cả. Ngài lại cho việc gì cũng phải lấy sự kính-nghiệm làm gốc, bởi vậy ngài sùng-bái những bậc thánh-quân hiền-tướng đời trước lắm, vì những bậc ấy đã lấy sự nhân-nghĩa mà làm cho thiên-hạ được thái - bình sung-sướng. Nay ta nên lấy những bậc ấy làm chuẩn-đích, làm việc gì cũng phải

trông vào những việc đã qua rồi mà bắt chước, chúng ta phải biết rằng những bậc ấy b... cũng là cái phần ít trong loại người, bởi vậy bao giờ cũng là phần ít rất hay rất tốt lấy quy... bình để... cho cảm bó... thiên-hạ... đường... phần ít... tức là bậc... xã-hộ; tức là người học rộng... cao, người đạo-đức, biết lấy điều nhân-nghĩa mà ăn ở với người ta. Cái phần ít ấy là người hiểu được thiên-ly và... được nhân-sự, cho nên phải... cái phần ít ấy sai khiến người... cái phần nhiều là người... lan, tri-tuệ không được sáng... lực không được rộng... có thể hiểu biết... nên phải noi... lập... từ... mà... trần-vọng; từ... cho không có... những điều nhân... 民可使由之。不可使... (5) Chính là cái nghĩa như thế. Đã được giữ cái quyền chính-trị là biết lấy những điều nhân-nghĩa làm gương cho người ta theo, thì tự-khắc người ta thành ra hay, chẳng khác gì ngôi sao Bắc-cực đứng yên một chỗ, để các ngôi sao khác cứ theo đây mà đi chung quanh. 爲政以德。譬如北辰居其所。而衆星共之. » (6) Hễ người trên làm điều lành điều phải, thì dân cũng noi theo đây mà làm, vì rằng cái đức của người trên thì như ngọn gió, mà cái đức của những người dưới thì như cây cỏ, gió thổi thì cỏ phải lướt xuống mà theo, 君子之德風。小人之德草。草上之風必偃. » (7). Người quân-tử làm việc chính thì không nên vội-vàng, và không nên cầu lấy cái tiêu-

(1) Trung-dung - (2) Luận-ngữ : Nhan-uyên. - (3) Luận-ngữ : Lý-nhân. - (4) Luận-ngữ : Nhan-uyên. - (5) Luận-ngữ : Thái-bá. - (6) Luận-ngữ : Vi-chính. - (7) Luận-ngữ : Nhan-uyên.



非禮勿視 非禮而聽。非禮勿言。非禮勿動。 (1). Giữ được lễ, tức là giữ được mọi nét tốt của người ta.

Song nếu chỉ có lễ không mà thôi, thì thành ra nghiêm-khắc, khó chịu, làm cho nhân-quần ở với nhau phân-biệt quá chừng, bởi vậy phải có cái gì có thể hòa trên với dưới được, khiến người ta ở với nhau tuy phân nhưng vẫn hợp, tuy trên dưới khác nhau, nhưng vẫn là một đoàn-thề. Cái dễ hòa trên với dưới ấy tức là nhạc. Nhạc là dùng cái thanh-âm để kêu gọi cái tâm-tình êm-ái, làm cho trên dưới cùng được vui-vẻ thỏa-thuận. Bởi vậy lễ thì phải lấy kính làm gốc, mà nhạc thì phải hòa làm gốc 禮以敬為本。樂以和為本。 Hễ có kính mà có hòa thì việc gì cũng dịu-dàng ôn-thỏa, không có cái gì là cái phiền-phức cả.

Rút lại mà nói, đạo của Khổng phu-tử là một đạo xử-thế rất hay rất phải, không có điều gì là điều cao-xa kỳ-dị. Cái chủ-dịch của ngài là muốn lấy những điều bình-thường giản-dị để dạy người ta, để ai cũng có thể hiểu được, và lại bao giờ cũng có thể thích-hợp với sự thực, hơn là nói những chuyện siêu-việt viển-vông. Ngài thường hay viện cái thế-lực của cõn-nhân để khiến người ta làm những điều lành và điều hay. Ngài lấy những việc thánh-hiền đời xưa đã làm rồi để làm gương cho người ta bắt-chước. Tuy vậy, cái đạo của ngài không phải là cái đạo thủ-cự. Ngài muốn cái-lương, muốn mọi người ai cũng như vua Thang ngày trước để vào cái thùng tấm rằng : « Cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân 苟日新。日新。又日新。 » (2) nghĩa là : một ngày là một mới, ngày ngày càng mới

thêm, đã rồi rồi lại mới nữa. Thật là ngài muốn sự tiến-hóa, nhưng tiến-hóa một cách từ từ cho đến chí-tiện, chí-nghĩa, không muốn bạo-dộng. Ngài khuyên phải tùy-thời : ở vào thời nào thì làm việc ấy mà biến đổi cho hợp với thời ấy. Ngài nói rằng : 君子居則觀其象而玩其辭，自天佑之，吉無不利。 (3)

Không phải từ thường dạy người ta những cái nghiêm-nhượng từ-tốn. Ngài nói rằng : « Cái gì biết, biết rằng mình biết ; cái gì không biết, biết rằng mình không biết, thế mới thật là biết 知者知之。不知者不知。是謂知知。 (4). Hay là : « Đừng có lo nghĩ về cái mình biết, chỉ lo mình không biết những việc đáng sợ mà thôi 不思人之患也。 (5).

Việc gì cũng phải lấy đạo trung-dung làm đầu. Một người hỏi Phu-tử rằng : « Lấy đức mà báo oán thì sao ? » - Ngài trả lời rằng : « Thế thì lấy gì mà báo đức ? Chỉ nên lấy sự thẳng mà báo

(1) Luận-ngữ : Nhan-uyên. — (2) Luận-ngữ : Nhan-uyên. — (3) Dịch : quẻ Tỳ. — (4) Luận-ngữ : Vi-chính. — (5) Luận-ngữ : Hiến-vấn. — (6) Trung-dung.

oán, lấy đức mà báo đức 以直報怨, 以德報德 » (1) Điều ấy thật là vừa phải, thật là trung-dung. Nhưng chẳng lấy đức mà báo oán thì cao hơn người ta không theo được; nói đức mà báo oán thì thấp hơn người ta. Ngài nói rằng: Ngẫm lại, nếu ta ở đây cứ nghĩ mà hành, Ngài bảo em vậy rằng, khi lần ấy cũng đủ rồi (hà tướng kia) Làm việc gì thì cũng phải nhẽ, ngại rồi hãy làm, nhưng đừng ngại quá mà thành ra quẩn, và cũng đừng hấp-tấp mà làm hỏng việc, cứ trung-dung là phải hơn. Bởi vậy ngài nói rằng: « Cái đạo trung-dung mới thật thay ! 中其至矣乎 (3) ».

Đạo của Khổng tử là ta cá-ái dịu-dàng như thế, chỉ với tiếng nói của ngài dạy người khác, mà người khác cũng không giấu giếm thêm nữa. Ngài nói rằng: « Các anh đừng giấu giếm nữa, mà nói cho các anh biết, 二三子以我爲隱乎。吾無隱乎爾。吾無行而不與二三子者是也。 » (4). — Vì cái tình êm-ái ấy, cái lòng thành-thực ấy, cho nên những môn-dệ ngài kính mến ngài một cách lạ thường. Mà không những là người đương-thời kính-mến ngài mà thôi, đến muôn đời về sau ai đã biết ngài, đã học cái đạo của ngài thì càng ngày càng tôn-kính hơn lên. Dẫu đến bây giờ là cái thời-đại người ta còn đang say-mê vào cuộc tranh hơn tranh kém xô-đẩy nhau ở chỗ quyền-lợi, ai ai cũng muốn bỏ cũ theo mới, muốn thay đổi hết cả mọi đường, thế mà có nhiều người thay đổi xong rồi, ngẫm-nghĩ

cái cảnh đời cũng chẳng thấy hơn gì, ngẫm nghĩ lại tiếc cái đạo của Phu-tử không thi-hành khắp được mọi nơi.

Song cứ bình-tĩnh mà xét, thì đạo của Khổng phu-tử tuy hay lắm thật, nhưng vẫn không được hoàn-toàn, là vì đạo ấy chỉ chuyên dạy về những điều thực-hành mà thôi, bó buộc người ta vào những điều tầm-thường nhỏ-mọn ở thế-gian, chớ không cho cái tinh-thần của người ta được bay-bồng lên chỗ cao-xa, được vẫy-vùng ở ngoài cái cõi có hình có sắc, mà cái tâm-tinh của người ta thường vẫn mơ-màng tưởng-vọng đến luôn. Người ta tuy chìm-dắm lẫn-lóc ở đám bụi trần này, nhưng vẫn tưởng nhớ đến cái cảnh thanh-cao ở đâu đâu mà không thể nói ra được. Hễ lúc nào quên mất cái cảnh ấy đi, thì xem mình hình như còn thiếu mất cái gì, chưa đủ là người thật. Cũng vì thế cho nên ta thường ngẫm-ngui chán-ngán về cái cảnh hiện-tại, không đủ làm cho thỏa cái tâm-trí của mình. Vậy nên bất-kỳ đạo nào, hễ còn bỏ sót cái phần u-ẩn nó làm cho đời người ta có cái thú-vị riêng ấy, thì vẫn là còn có khuyết-điểm.

Sau đây, trước khi dứt câu chuyện, tôi xin lấy mấy lời của một ông giáo-sư nước Pháp tên là HOVELAQUE đã từng khảo-cứu về học-thuật bên Tàu và đã phê-bình đạo của Khổng phu-tử như sau này :

« Khổng phu-tử là một bậc tuyệt-luân trong những người trí-tuệ, biết yêu nhân-quần, biết mến đạo-đức, mà lại biết làm cho người ta cũng biết yêu nhân-quần, biết mến đạo-đức như mình. Nhưng có một điều rất kỳ-diệu là một người mà khiến được cả một dân-tộc kính-phục, khiến được một phần tư nhân-loại trong thế-gian lớn làm ông thánh-sư non hai mươi lăm

(1) Luận-ngữ: Hiến-vấn. — (2) Luận-ngữ: Công-dã-trường. — (3) Trung-dung. — (4) Luận-ngữ: Thuật-nhi.

thế-kỷ đến giờ, như thế thật là cô-kim hãn-hữu. Kể trong nhân-loại tự xưa đến nay chưa ai đã từng có cái thế-lực vừa lan rộng ra, vừa được lâu dài bằng cái thế-lực của Phu-tử, thật là một cái hiện-trạng rất lạ-lùng trong lịch-sử vậy. Cũng vì lẽ rằng trong các tôn-giáo, duy có đạo của Phu-tử là thuần không có dính-dáng gì đến thần-quyền. Đạo của ngài là một môn triết-học không có lẫn tí gì là thần-bí mập-mờ, chỉ chuyên lấy cái chính-lý và cái nghĩa cư-xử ở đời mà dạy người. Không có điều gì là điều huyền-bí vô-lý, không có cái gì là cái sợ hãi ghê-gớm như các tôn-giáo khác vẫn thường dùng để làm cho có oai-linh dữ-dội mà đè nén người đời. Đạo ngài không có dọa nạt mà người ta phải theo; không nói đến thiên-đường địa-ngục để cô-hoặc lòng người, mà cũng không biết đến sự thưởng-phạt họa-phúc gì cả. Đạo ngài là một đạo hùng-kiến công-chính, chỉ thuần về sự nhân-loại thờ-phụng nhân-loại mà thôi. Những người theo đạo ngài đều là bởi cái lẽ tự mình xét ra nên theo, bởi cái lòng tự mình thuận muốn theo, chứ không có gì cưỡng-bách cả. Đạo ngài cũng như các đạo khác, sở dĩ sinh-hoạt được là bởi ở lòng người ai cũng mến, trí người ai cũng phục. Nhưng đạo ngài cũng như các đạo khác lâu ngày thành ra như cái khô-cốt, chỉ còn trơ cái hư-vấn, mất cả tinh-thần, mà người đời thì cứ nhắm mắt theo liều, để cho những bọn, tuy không hiểu đạo, nhưng vẫn chuyên nhận lấy nghề giảng-diễn về đạo, để cầu danh-lợi riêng cho mình. Dù thế mặc lòng, cái tinh-túy của đạo vẫn có người hấp-thụ được mà theo đúng cái tôn-chỉ và tuyên-bá ra được nhiều công-nghiệp hay.

« Song cái đạo của Khổng phu-tử không làm cho nước Tàu được đủ mọi điều hay. Mà đây là tôi nói về tinh-túy đạo của ngài, chứ không nói đến cái

ảnh-hưởng của bọn sĩ-phu làm sai mất cái tôn-chỉ biến đổi mất nguyên-hình của đạo. Song cái đạo ấy tuy đã làm cho nước Tàu cái văn-minh bền-chặt về đạo đức, nhưng cũng làm cho người đời u-tưởng về cái lẽ vô-nghĩa về những cái gì ra ngoài cái lẽ thường, thực đều là bỏ mà đi tìm là phạm những điều gì cao-thượng nguyên-áo là không thiết đến, chỉ biết những cái tầm-thường trước mắt mà thôi. Ở Nhật-bản thì đạo Khổng chỉ có văn hay, chứ không có phần hại, liên đới với cái đạo thực-hành thực-tại. Song có đạo Thần và đạo Phật vẫn được sự sùng-bái những lễ huyền-kỳ khiến cho cái phần tâm-tâm và u-viên của tâm được thoả mãn. Nhưng đạo này chỉ là đạo của lòng khát khao; từ đó đạo này lý không được hay. Ở nước rộng thì không thể. Ở nước rộng thì thực-hành như đạo Lão, mà lại có đạo Khổng và đạo Phật một cách chói-lói quá chừng, thì những đạo cao-kỳ siêu-việt như đạo Lão, từ-bi bác-ái như đạo Phật, không sao thịnh-hành được. Những đạo ấy hoặc thành ra một môn bí-mật riêng của những bậc cao-thượng, hoặc thành ra một sự mê-tin đê-hạ của bọn ngu-dân. Thành-thủ phương bắc nước Tàu và một người đại-biểu rất rực-rỡ phương ấy là Khổng phu-tử vẫn thiếu mất những điều mà Lão-tử đã phát-minh ở phương nam nước Tàu và Phật Thích-Ca đã đề-xướng ra ở Ấn-độ: thiếu là thiếu cái ý-nghĩa về những điều không thể trông thấy được, không thể nói ra được và việc thần-minh để hôn-hợp với những cái hiện-trạng của thế-gian và nhân-loại. Nhưng nếu được đủ mọi điều như thế thì nước Tàu không phải là nước Tàu, mà Khổng phu-tử lại không phải là bậc chí-thánh trong

những bậc thánh-nhân nữa » (1).

Mấy lời phê-bình ấy thì thật là chính-đáng, thật là tinh-vi, tôi nghĩ rằng ta nên ngẫm-nghĩ cho kỹ, để đem những điều hay điều dở của người ta vào cái thời của người Bắc, mà chưa hẳn dễ chớ. Nhưng ở đây cũ cũ, mà cũng chưa hẳn và ràng, khả bất chước được cái của người khác.

những điều cũ cũng không chắc đã là dở cả, mà những điều mới cũng không chắc đã là hay cả; chỉ bằng ta nên kế-cứu cho tường-tận, rồi tham-bác cái mới cái cũ với nhau để giữ lấy cái quốc-túy của người mình. Ấy là cái nghĩa-vụ chung của bọn thiếu-niên ta ngày nay vậy. Nên gắng sức lắm thay!

TRẦN TRỌNG-KIM

## VẤN-ĐỀ TIẾNG TA CHỮ TA

Trước khi tôi bàn về vấn-đề tiếng chữ ta, tôi xin có vài lời đề-độc-đã chur-tôn cùng bạn của ta cả. Tôi vốn là một người rất yêu tiếng Việt, đối với tiếng ta chỉ có một cái mình thêm vào nó ở đây mà ta có thể hiểu nó và tôi cũng có thể hiểu nó. Tôi không có ý định để chữ ta, mà không có ý định để hết. Nhân đây tôi có xem qua một số nhà bàn đến vấn-đề tiếng ta chữ ta cũng nhiều, song - kiến mỗi nhà một khác, chưa phải là cái lời nói xác-đáng của quốc-dân; tôi nhân lại cũng có nghĩ rằng: nước ta bây giờ đang ở cái thời-kỳ bán-khai mà bước sang cái thời-kỳ văn-minh, phạm việc gì cũng phải có phần sửa-sang thay-đổi, mà trong cái chỗ sửa-sang thay-đổi, nào có ai có đủ cái tài thông-minh, cái trí lịch-luyện, có thể cầm cân nảy mực cho quốc-dân ta bây giờ? Bởi vì chưa có người, nên bất-luận là vấn-đề nào, cũng phải thủ-quyết về chỗ quốc-dân công-luận mới được. Tôi không phải có tài gì, song cứ lấy cái nghĩa-vụ quốc-dân và cái tư-tưởng quốc-dân, cũng phải góp một phần

trong trường nghị-luận của quốc-dân; về cái vấn-đề tiếng ta chữ ta đây, tôi có chia ra mấy câu hỏi, mà tôi lại diễn-giải ra sau này, xin đem ra công-hiến để quốc-dân cùng bình-luận, mong các bậc cao-minh trong nước, đối với cái lời bàn của tôi có chỗ nào khiếm-khuyết, xin bổ thêm vào, để ta định lấy cái vấn-đề tiếng ta chữ ta cho thật xác-đáng, họa may mới có một ngày kia mà tiếng ta chữ ta thành-lập được một cách vững-vàng bất-dịch, quốc-dân ta há chẳng may lắm thay.

1° Quốc-dân ta đối với tiếng ta chữ ta, cảm-tình thế nào? — Người ta có cái thần-xác, phải có cái thần-hồn, cái thần-xác nọ chẳng qua chỉ để cho cái thần-hồn kia nó có chỗ phụ vào đó thôi, nếu khi cái thần-hồn kia không còn phụ vào với cái thần-xác nữa, thì người tất chết. Dân ta có nước, nước ta có những gì để lập-thành nên nước, tiếng ta chữ ta có phải là linh-hồn nước ta đó không? Ta có biết cái linh-hồn tiếng ta chữ ta quan-hệ cho ta thế nào, rồi ta mới có cái cảm-tình khăng-khít, ta có cái cảm-tình khăng-khít, rồi mà ta mới biết tôn-trọng, biết

(1) La Chine par HOVELAQUE, page 139 — Cả thiên luận về Khổng phu-tử trong sách ông HOVELAQUE, đã dịch trong Nam-Phong số 50 (Août 1921), trang 116-122.

duy-tri, biết bồi-bổ. và biết chấn-chỉnh  
nữa vậy.

Ta cứ nghĩ rằng: Nước có mạnh là bởi  
dân có giỏi, mà dân có giỏi là bởi dân  
có học, lấy gì để mà học, phải có tiếng  
mà nói, phải có chữ mà viết. Làm sao  
học cho mau? Tiếng phải giữ tiếng  
mình, chữ phải cứ chữ mình. Làm sao  
cứ phải tiếng mình chữ mình, mượn  
tiếng người chữ người không được ư?  
Tiếng của mình chữ của mình, thời  
cái công-phu của mình chỉ phải dùng  
có một tầng, khi mình có học, thời  
điều mình sở-học, theo ngay với tiếng  
mình, mà in ngay vào óc; không như  
thê là tiếng mượn chữ mượn, thời  
công-phu mình phải dùng ra hai tầng,  
mình có nhớ được tiếng và chữ, rồi  
mà mình mới nhớ được điều sở-học.  
Ấy tiếng ta chữ ta quan-hệ cho ta,  
không những chỉ là một cái của sở-  
hữu của ta mà thôi vậy.

Ta lại cứ nghĩ rằng: Ta đã trải qua  
cái thời-kỳ khó-khăn cho ta về sự học,  
là cái khi ta phải mượn chữ Tàu đó.  
Chữ Hán cũng là thứ chữ độc-vận, là  
thứ chữ rất hay, lại là thứ chữ mà  
quốc-dân ta đã phổ-thông được quá  
phần nửa nước rồi vậy. Thế mà đến  
lúc này cũng không còn có thể dễ  
nguyên cho quốc-dân ta học được  
nữa, cũng chỉ vì tiếng là tiếng ta đó,  
nhưng chữ là chữ người ta, trước ta  
chưa có chữ, ta phải dùng vậy, bây  
giờ ta đã có chữ, ta phải dùng của ta,  
mới xứng cái nghĩa rằng: Của ai thời  
người ấy hay, cũng như đèn nhà ai,  
thời nhà ấy rạng vậy.

Trước cũng có người bảo rằng: Ta  
nên đem tiếng Pháp chữ Pháp làm  
phổ-thông. Ý cũng nghĩ rằng: Nước ta  
chịu nước Pháp bảo-hộ, ta có muốn  
thâu-hấp lấy Âu-hóa, thời ta tất phải  
học chữ Pháp mới được. Song, học  
chữ Pháp chỉ là một phần ít người,  
hấp-thu lấy cái tinh-hoa của Âu-học,

rồi mà truyền-bá lại cho quốc-dân ta  
bằng tiếng ta chữ ta, chữ ta có thể nào  
dem cái bản-thể quốc-dân mà học  
chữ Pháp được đâu.

Ta cứ nghĩ rằng: Ta đã trải qua  
cái thời-kỳ khó-khăn cho ta về sự học,  
là cái khi ta phải mượn chữ Tàu đó.  
Chữ Hán cũng là thứ chữ độc-vận, là  
thứ chữ rất hay, lại là thứ chữ mà  
quốc-dân ta đã phổ-thông được quá  
phần nửa nước rồi vậy. Thế mà đến  
lúc này cũng không còn có thể dễ  
nguyên cho quốc-dân ta học được  
nữa, cũng chỉ vì tiếng là tiếng ta đó,  
nhưng chữ là chữ người ta, trước ta  
chưa có chữ, ta phải dùng vậy, bây  
giờ ta đã có chữ, ta phải dùng của ta,  
mới xứng cái nghĩa rằng: Của ai thời  
người ấy hay, cũng như đèn nhà ai,  
thời nhà ấy rạng vậy.

Vậy thời Sĩ-có dân ta đối với tiếng  
ta chữ ta, ta cứ không qui-hóa  
Và có lẽ ta cứ không qui-hóa  
chữ ta, ta cứ không qui-hóa  
ta, ta cứ không qui-hóa  
ng, ta cứ không qui-hóa  
toàn, ta cứ không qui-hóa  
là quốc-tri, ta cứ không qui-hóa  
mau đến, ta cứ không qui-hóa

Ồi! cái cảm-thức của quốc-dân ta,  
đối với tiếng ta, nông hay sâu,  
dày hay mỏng, nề nề vào đầu ta!

20 Tiếng ta chữ ta thuộc về âm-vận  
thê nào? — Quốc-dân ta lấy cái giống  
cha rờng mẹ tiên, mà sinh-sôi nầy-nở  
vào trong cái khu đất nước Việt-Nam  
này, tiếng nói theo ở cùng một phong-  
khí phương Đông mà ra. Như Tàu với  
Nhật-bản với Cao-ly cũng vậy, tiếng  
là thê độc-âm, nên chữ cũng thành là  
thứ chữ độc-vận, tiếng độc-âm chữ  
độc-vận, có bớt được cái công thê-  
nhận đi nhiều, không như thê ở các  
nước Âu-Mĩ, tiếng là thê đa-âm, chữ  
là thê liêu-vận, phải tốn phí mất bao  
nhiều công-phu mới thê-nhận được,  
tiếng quốc-dân ta là nói giống văn-  
minh, có lẽ trời cũng dễ cho ta có  
thứ tiếng dễ nói dễ hiểu, rồi mà thành  
thứ tiếng dễ đọc dễ viết, dẫu rằng ta  
đến bây giờ mới tiến-hóa cũng là chậm,

song biết đâu kẻ hậu-tiến chẳng hơn người tiên-tiến, cái công vô-phông có phần nhẹ-nhàng hơn cái công phác-tạo, nữa là cái nghĩa chỉ có người mới có cái vẻ hoàn-toàn lắm.

Ôi! trời mà cho ta là người Bắc, mà qui-hóa, chính là... ở đây cứ hóa được mau, quò làm... làm cho tiếng ta chữ ta... trị, trông cũng bất-quá... cái đường làm sao cho tri-không người mình khai-thông được mau, để còn tấn-tới cho kịp người mà thôi vậy.

30 *Tiếng ta chữ ta... theo hiệp với âm-vận của ta, phải... — Thiên... không ai có thể... cái lý-số tự-nhiên... mua cho mình... với tiếng... Ta đối với tiếng ta chữ... làm cho mình thêm... hay... chỉ... vậy mà ta... nữa vậy... chưa có... phải... cách mà... cho được có một... chữ... rất tiện cho ta mới thôi. Tiếng ta là... âm, thời chữ ta cũng phải... thể độc-vận, trừ khi ta thường... có tiếng điệp-âm, thời ta phải có chữ điệp-vận; ta thường cũng có tiếng liên-âm, thời ta cũng phải có chữ liên-vận, nghĩa là ta chỉ cứ thuận cái sự-ly tự-nhiên của ta thể thôi, còn cái sự-thể ở đâu đâu nó bắt buộc ta phải cần đến nó, ấy là cái sự giao-thông ở đời, có ta phải có người, có người còn có ta, trước ta phải biết ta, sau ta phải biết người, vì thế mà ta phải học của người, ta phải biết tiếng người chữ người; cũng vì thế mà trong cái chỗ sự học của ta, ta cũng phải xen có tiếng người chữ người. Cái sự ta phải biết tiếng người chữ người, vẫn là ta cũng tính cái đường ích-lợi cho ta, thời cái chỗ đem tiếng người chữ người xen vào tiếng ta chữ ta, sao ta lại không tính cái sự tiện-lợi cho ta ư?*

Ấy thể là tiếng ta chữ ta, cứ phải theo nguyên âm-vận của ta đã đành, còn ta có đem tiếng người chữ người làm tiếng ta chữ ta, cũng phải lựa theo âm-vận của ta, mới là phải thể vậy. Có lẽ rằng: Ta có đặt ra tiếng mới chữ mới nữa, thời ta cũng nên để cho có cái ý-nghĩa hay vào đấy, thời tiếng ta chữ ta mới là có giá-trị vậy.

40 *Tiếng ta nhờ đâu mà nên được một thứ tiếng giàu có? — Cứ cái miệng người chưa thông-hiểu sự-ly, thời một cái câu nói rằng: Tiếng ta nghèo lắm, ấy cũng là một câu nói thường. Song câu ấy nếu xuất-hiện về lúc ông Nhâm-Diên, ông Tích-Quang và ông Sĩ-vương chưa sang nước ta thời phải, chớ mà xuất-hiện về lúc Âu-Á đồng-văn này, thật là người thiên-hiệp lắm vậy. Xưa nay các nước ở quanh mặt địa-cầu, bất-luận là nước nào, tiếng nước ấy mà giàu hay nghèo, đều bởi ở trình-độ dân nước ấy cao hay thấp. Nước ta xưa kia chưa có giao-thông với Tàu, dân ta chưa có học chữ Hán, về lúc bấy giờ, trình-độ dân ta còn thấp kém, nên tiếng ta cũng còn nghèo, sự đó cũng không có lạ gì cả. Từ khi Hán-học thịnh-hành, đến khi tiền-dân ta đã lập ra được thứ chữ nôm, từ bấy đến giờ, tiếng ta thực đã nên thứ tiếng giàu có lắm. Mà ai hay, cái sự tiếng nói giàu có ấy, lại là giàu có tự-nhiên. Quái-quái kỳ-kỳ, làm cho ta phải tổn mất một tí thì-giờ về cái sự khảo-cứu cho ra cái chỗ ấy. Sự tự-nhiên là thế nào? Là cái chỗ ta học chữ Hán, làm sao ta lại không học nguyên âm-vận tiếng Tàu, hỏi cả nước Tàu có một người nào lại đọc chữ Hán như tiếng ta không? Thật là không hẳn vậy. Ấy mới hay là tự-nhiên, tự-nhiên ấy mới là một sự may lạ may lùng, sự may này đáng là một sự nên kỷ-niệm vậy. Bởi ta học chữ Hán có học chạnh ra một thứ tiếng của ta, mà những cái*

tiếng ta học chạnh ra đó, nghiêm-nhiên thành là cái tiếng nguyên chính âm-vận của ta. Những người cứ nói rằng ta nói theo tiếng Tàu, thật là học chưa có công nghiên-cứu, mà cũng lại là mình không biết mình nữa vậy. Có lẽ ta chỉ nên nói rằng : ta đem tiếng ta mà ta học chữ Tàu đó thôi, điều ấy thì có vậy.

Suy thế thời tiếng ta sở dĩ giàu có là nhờ về ta có học chữ Hán. Những bậc thức-giá, thử ngời mà nghiên cho ra cái chỗ ấy, có phải đáng là một điều lý-thú lắm không? Có phải lại là ta đáng tự-dắc lắm không ?

Ấy cũng bởi tiếng nói của ta có được giàu-có, làm cho ta đến lúc này, là lúc ta phải cần có nhiều tiếng mới, để thêm vào với những tiếng nói thường, mà ta cũng không phải mượn tiếng của ai, để cho mất cái giá-trị về cái đặc-sắc của tiếng ta đi. Ai bảo rằng những tiếng nói mới của ta bây giờ, chẳng năm năm mười năm nữa mà cũng thành là tiếng nói thường của ta rồi hay sao ? Ôi ! đến lúc bấy giờ mà ta lại càng có thể tự-dắc rằng : Tiếng ta vốn là giàu-có lắm vậy.

5° *Chữ quốc-ngữ thành-lập được, có nhờ về sự may gì không ?* — Quốc-dân ta đang mê-mẩn về sự học chữ Hán, lại xô dầy về sự học chữ Pháp, thế mà bỗng dưng có ngay chữ quốc-ngữ ở đâu này ra, sự thành-lập nên chữ quốc-ngữ bởi từ đâu, quốc-dân ta đã rõ cả, đây tôi cũng không cần phải nhắc lại chi nữa, có về cái sự may cho quốc-dân ta mà có chữ quốc-ngữ này, có lẽ là tự ông trời xếp đặt cho quốc-dân ta chăng ? Ta học chữ Hán là thứ chữ viết đọc, cho có lập ra được chữ nôm nữa cũng vậy, thế mà tự-nhiên thành ra có thứ chữ viết ngang, ai hay cái chỗ thành-lập nên chữ, lại mới là kỳ nữa, bởi ở cái thể đa-âm đa-vận, mà làm thành ra thứ chữ đọc-âm đọc-vận.

Lại cho đến cái chỗ học cho biết chữ, lại cũng không phải tốn mấy công; hỏi cả thế-giới có nước nào có thứ chữ mà học cái đó ngay mà đã biết được chữ Hán. Thật là không. Sự học chữ Hán là sự tấn-hóa, chữ Hán là chìa khóa cho sự học, chữ quốc-ngữ là chìa khóa để viết, lại là chìa khóa, thế thì cái sự học của ta, ai có thể rút hẳn được thì giờ, mà lên được rất mau vậy.

6° *Những tiếng thuộc về trình-độ cũ, làm sao chúng ta phải nói theo tiếng chữ Hán?* — Trình-độ là gì ? nghĩa là cái bước tấn-tột. Sự quốc-dân ở trên con đường văn minh như thế đó. Trên tôi đã nói trình-độ của ta có cao, thời tiếng nói của quốc-dân ta trước có học chữ Hán, mới có tiếp-thụ được cái văn minh của Hán-học, nào những tiếng *quan - lý*, *thường*, nào những tiếng *binh pháp lễ nhạc*, nào những tiếng *thương môn ty*, biết cơ-man nào là *nhân* mà ta thường nói, đều phải hỏi bằng tiếng chữ Hán, trải hai mươi mấy thế-kỷ đến nay, mà quốc-dân ta đã diễn ra được một cái lịch-sử vinh-quang là của Việt-Nam dân-tộc ở về một góc địa-cầu này vậy.

Ấy những tiếng nói thuộc về trình-độ cũ của ta mà ta cứ phải nói theo tiếng chữ Hán, có lẽ ta cũng phải nghiên cho ra cái duyên-do ấy. Tôi nói đây những người mới nghe dễ thường cho là nói «hoẹt», nhưng ở về phần tôi, đã là một câu có thú-vị lắm vậy! Nghĩa là ta phải tự chiếm lấy địa-vị, thời ta mới có chỗ mà tự-dắc được. Tôi dám quyết chắc rằng các cụ ta ngày xưa, bởi ở cái thông-minh đặc-biệt trong khi các cụ vừa học thấu-hiểu được cái tinh-thần chữ Hán, thời các cụ đã nghĩ ngay ra rằng : những tiếng nói bằng chữ Hán ấy đều có cái ý-nghĩa sáu-xa, bao-quát rất rộng, như chữ

đạo chữ đức chữ nhân chữ nghĩa, đại-loại như những tiếng ấy hay đến đâu, rộng đến đâu, đã dễ ai mà bình-dụng ra được. Ta đã không có thể viết tiếng gì mà thay vào cho được, có thể viết ra từ giờ liệu đi, ta đã học tiếng nga ta mới học chữ Hán ta người Bắc, mở chạnh ngay ra một câu nói ở đây cũn cái chủ-ý các cụ ta là m-và rừng, khi tiếng nói cho ta từ bấy a tương khĩa được khỏi cái tiếng học n-như, v. v. Ôi ! các cụ ta cũng lo-hong, áo con cháu lắm vậy. Quốc-dân ta ngày nay, ai mà không nhớ đến các cụ, ai mà không yêu-quí tiếng mẹ đẻ, lẽ nào mà không phải tôn-trọng, phải duy-trì, phải bồi-bổ và phải giữ gìn chính cho thêm qui-giá lên và người bảo rằng bây-giờ ta nên học tiếng nói bằng tiếng Việt, tiếng nói bằng tiếng chữ Hán, chính là tiếng ta, còn đối vào đâu nữa vậy.

170 Những tiếng nói thuộc về trình-độ mới, nên theo thế nào cho phải ? — Trình-độ cũ là cái đã tồn-tại về trước, trình-độ mới là cái đã tồn-tại về sau. Cái sự tiến-biến phải có dần dần, không phải rằng có thể nào làm cho cả toàn-thể quốc-dân mà cùng bước lên một bước ở trên con đường văn-minh được bao giờ. Trước có bởi tự một phần ít người biết mà sau mới có phần nhiều người biết, trước có bởi tự một ít người hay, mà sau mới có phần nhiều người hay, ấy là cái lẽ xưa nay ở nước nào cũng vậy. Trước ta có học chữ Hán làm cho đến được xã-hội có trật-tự, quốc-gia có lịch-sử, tức cũng gọi là tinh-văn-minh, ấy chính là cái trình-độ cũ của quốc-dân ta đó ; còn cái trình-độ mới tức gọi là động-văn-minh, như ở các nước bên Âu-Mĩ bây-giờ, nghĩa là ta phải làm cho xã-hội sinh-hoạt có được sung-sướng, quốc-gia thế-lực có được phú-cường, mới là văn-minh cực-điểm. Cứ tự cái trình-độ cũ, thời là cái trình-độ của quốc-dân ta đã đi qua được rồi.

Song tự cái trình-độ mới, thời lại là cái trình-độ mà quốc-dân ta còn đang ngong tới đến vậy. Ai bảo rằng quốc-dân ta đã có cái trình-độ cũ mà không tới được cái trình-độ mới, ai bảo rằng quốc-dân ta bất-lật có cái trình-độ cũ cũng có thể ngong tới được cái trình-độ mới ? Phương-ngôn nói : « *Có bột mới gột nên hồ* », trình-độ mới là hồ mà trình-độ cũ là bột vậy. Quốc-dân ta bởi có thực-hành được những tiếng nói bằng tiếng chữ Hán như trên kia tôi đã nói, mà ta mới có cái trình-độ cũ ; đến những tiếng cũng phải nói bằng tiếng chữ Hán mà lại thuộc về trình-độ mới, như những tiếng *văn-minh, phú-cường, cạnh-tranh, tiến-hóa, thủ-cụu, duy-tân, bình-dẳng, tự-do, phương-châm, mục-đích*, cũng là nhiều tiếng khác nữa. những tiếng ấy có xứng-đáng lịch-sự cho tiếng ta là nhường nào ! Những tiếng nói ấy chính là bởi ở cái học-thuật mới của thế-giới bây giờ mà ra cả đó. Những người đã đặt ra được tiếng nói ấy, nói được những tiếng ấy, chính là những người có thể tới được cái trình-độ mới ; những người có biết theo tiếng ấy mà nói, học tiếng ấy mà nói, sẽ cũng là những người có thể tới được cái trình-độ mới, trước lạ sau quen, trước dốt sau hay chữ, ai mà không thể vậy. Những người cứ thấy có tiếng nói mới lạ, bảo rằng chỉ làm trở-ngại cho sự học, trở-ngại cho sự tiến-hóa, ôi ! cũng lắm lắm thay !

Có lẽ rằng những tiếng nói có quan-hệ đến sự học thời ta không thể nào không phải nói bằng chữ Hán cho có chuẩn-đích, còn những tiếng nói không quan-hệ gì mấy, như những tiếng, nào *sa-phòng*, nào *nhà ga*, nào *cu-ly*, nào *cậu bồi*, những tiếng nói ấy là tiếng nói mới, mà cũng là nói theo tiếng các nước, lúc mới là bởi tự miệng người có giao-thiệp với người các nước về lúc ban đầu mà ra, ta nói theo lâu cũng quen đi và cũng không hại gì đến sự học của ta, thời ta có việc gì mà chẳng

thình-kỳ tự-nhiên.

Tóm lại những tiếng nói cũ bằng tiếng chữ Hán là bởi tự cái sự học-thức của các cụ ta ngày xưa mà các cụ đặt ra, còn những tiếng nói bây giờ cũng nói theo bằng tiếng chữ Hán, có phải là bởi tự những người có học-thức và lại có cái nhiệt-huyết đối với xã-hội, đối với nước nhà mà mới đặt ra đó không? Những người cứ ta - thán những tiếng nói là khó nhận và khó hiểu, không biết những người ấy có rõ rằng cái nền văn-chương quốc-văn ta bây giờ, ấy là tự ai đã xây đắp lên đó nhỉ? Các ông hoặc chưa nghiên-cứu tới, song ở về trên chỗ các báo-chương nhiều người đã từng ca-lụng lắm vậy.

Ồ! ở đời cái gì mà không phải là nhân-lực, lại cái gì mà không phải là thiên-nhiên? Cái nhân-lực nọ bao giờ cũng phải cho hết, mà cái thiên-nhiên kia bao giờ nó cũng vẫn đi trước ta để dẫn đường chỉ lối cho ta. Những tiếng nói của ta nói theo tiếng chữ Hán, bảo trước là bởi tự các cụ nhiệt-thành ngày trước đặt ra, mà sau là bởi các ông nhiệt-thành bây giờ đặt ra, song lại bảo rằng ấy cũng là tự-nhiên nhi-nhiên cả thể thôi, sao mà cho là vô-lý vậy. Tức cho đến cái văn-minh mới của ta sau này có lên được cực-diêm, tưởng cũng nhân-lực mà cũng thiên-nhiên, không thể thời ông thầy khai-hóa cho ta bây giờ là nước Đại-Pháp nọ, ở đâu mà lù-lù đến đó nhỉ? Các ông có lòng thương nước, mà có lòng thương đến tiếng nước chữ nước, tưởng cũng không nên phàn-nàn nổi gì hết cả, cứ phải thế mà theo là được.

80 Những tên người tên đất các nước cũng nói bằng tiếng chữ Hán được không? — Tiếng và chữ làm cái dấu ghi cho sự-vật, lại làm cái biểu-hiệu cho những người và những chỗ. Những tên sự-vật của ta đã phần nhiều ta phải nói bằng tiếng chữ Hán, cho đến tên người tên đất của ta cũng vậy. Còn

những tiếng về tên người tên đất của các nước, việc gì mà ta lại không nói bằng tiếng chữ Hán của ta? Tôi nghĩ rằng đáng lẽ là tiếng ta chữ ta, nghĩa là tiếng ta nói, chữ để cho ta nói, ta có mong mau mau toàn quốc-dân ta là thể độc-âm, chữ ta, vẫn đã đổ tổn công-phu là thế, vậy mà ta đặt bằng tiếng chữ Hán, ta lại đặt theo cùng một lối vẫn tất, có phải đã tiện cho sự ký-ức của ta nhường nào, thế thời ta đối với tên người tên đất của các nước tuy có khác của ta, song ta cứ tính cái sự tiện-lợi cho ta, cái sự phải thế của ta, ta có biết gì mà được.

Bảo rằng tên người tên đất của các nước, ta phải nói cho đúng, song có phải nói cho đúng nữa, chỉ như là ta có học chữ Pháp hay chữ Anh, thời khi có đối với người Pháp người Anh mà nói, tất phải nói cho đúng, nếu không nói được thì không những mình kém mồm mà lại chính là một điều vớ vẩn vậy. Còn như ta dịch sang sách ta, ta làm ra văn ta, ta nghe với ta, ta học với ta, ta có phải cốt gì cho ai học cho ai nghe đâu vậy. Ai có muốn đọc sách ta xem văn ta, thì phải theo ta, cũng như ta học của ai thì ta phải theo người ấy vậy.

Bảo rằng tên người tên đất của các nước, ta nếu đọc sai viết sai, thì không còn nghĩa-lý gì nữa, song ta thử nghĩ cho kỹ mà coi, tên người tên đất nào có nghĩa-lý gì đâu, có nghĩa-lý là nghĩa-lý ở về cái điều sở-hữu của người ấy đất ấy mà thôi. Hỏi ta học mục-dịch ở đâu, ta học lấy những điều sở-hữu của người ấy đất ấy cho ta, chớ ta có cốt gì học lấy tên người tên đất ấy cho ta đâu vậy.

Nói cho đến lẽ, có một điều rằng từ xưa đến nay những tiếng cần-dùng cho ta, mà ta đã đều nói bằng tiếng chữ Hán của ta, thời còn một ít tiếng về tên người tên đất của các nước, việc

gì ta lại lười-thôi lập-dị làm chi. Lại còn có một lẽ, ta đâu có muốn lập-dị cũng không được, nói ngay đến một sự văn-chương, thật ta có muốn lập-dị ra cũng không sao được.

Ta phải biết rằng người Nga, có nhiều thứ văn chương, người Bắc, mới có nhiều thứ văn chương, mà lại ở đây cũn trong khi gặp những cái này, không năm bảy chữ, liệu có thể viết được làm sao trôi được, thế nữa, từ một thể văn-thơ, làm sao cho nó trôi voi bỏ bị được nữa chứ.

Cũng có kẻ bảo rằng; một tiếng Âu-la-ba 歐羅巴 với một tiếng Ô-rốp-bờ, một tiếng Pháp-lan-tây 法蘭西 với một tiếng Phờ-răng-xô, đều là ta nói theo âm-vận của ta cả, ta dùng tiếng Âu-la-ba với tiếng Pháp-lan-tây, chỉ ta nghe với ta, sao bằng ta dùng tiếng Ô-rốp-bờ với tiếng Phờ-răng-xô lại tiện cho người các nước nghe được, song tiện điều ấy mà không tiện điều khác, cứ như ta làm ở đây bây giờ, nhiều chỗ ta gặp những tên người tên đất của các nước, ta cứ lấy ngay lấy một chữ đầu, vừa gọn lại vừa dễ hiểu dễ nhớ, có lắm chỗ lại không lấy lấy cũng không được nữa, tức như tên các châu, ta thường nói tắt ngay rằng Âu, Á, Mĩ, Phi; tên các nước ta thường nói tắt ngay rằng Anh, Nga, Pháp, Đức, cho đến tên các ông danh-nhân ta thường nói tắt ngay rằng Bối, Lộ, Lô, Mạnh, nói một chữ được một tên, mà lại dễ nhớ, không như nói mấy chữ mới được một tên, mà lại khó nhận, như thế thời ta nói bằng tiếng chữ Hán, có phải tiện cho ta biết bao-nhiêu. Như bảo rằng ta cứ nói bằng tiếng Pháp mà ta cũng lấy lấy một chữ đầu, nhưng nào có thể được đâu, điều đó đến lúc ta làm văn thời ta khắc hiệu, nghĩa là chữ Pháp hay trùng nhau về chữ đầu, tức như tên năm châu mà đã trùng nhau đến ba, như A-mê-rich, A-phờ-rich, cùng là A-di, liệu như thế thì lấy ra làm sao được.

Vả lại có lẽ rằng ta nói tiếng chữ Hán đã quen, bây giờ ta lại pha lộn tiếng Pháp vào, có nhiều chỗ ngang trái lắm, đại-dề như những tiếng Âu-học 歐學, Pháp-học 法學, thế mà bây giờ ta đem đổi ra làm Ô-học Phờ-học, ấy như thế có phải rằng lạ tai lạ mắt người mình lắm không? Thế nữa là đã trải bao nhiêu năm nay, những tiếng nói đã quen, làm cho đến được ở chốn thôn quê kia, cũng đã có lắm người ràng-rạng, bây giờ ta lại thay đổi, chắc hẳn đâu có sách hay cũng không mấy người muốn đọc, đâu có văn hay cũng không mấy người muốn xem, đọc làm sao được mà đọc, xem làm sao được mà xem, tưởng có khi cầm đến quyển sách bài văn lại bực mình mà muốn ném đi nữa ấy. Nếu khi đã đến như thế, tưởng cái công cuộc khai-hóa của ta bấy lâu nay đã là bỏ đi, lại đến lúc nào mà mới bắt đầu vậy. Ôi! Ấy những tiếng về tên người tên đất của các nước, mà ta cũng không có thể không nói bằng tiếng chữ Hán, càng rõ cái công-đức chữ Hán đối với nước nhà, nói đến đường ngôn-ngữ văn-tự của ta, mà lại càng bấu lăm vậy.

90 Những tên người tên đất của các nước, ta lập ra một cái biểu-hiệu riêng của ta được không? — Người mình kém cái ý nghĩ sáng-tạo, ấy cũng là một cái thông-bệnh của người mình, nhân đây thử thi-dụng một cái sự sáng-tạo còn-con xem sao. Nước ta đến hồi này mới là hồi thực-hành cái phổ-thông-giáo-dục cho cả toàn-quốc, sự học phổ-thông, ta liệu tính làm sao cho khai-thông được mau, tôi nhất-quyết rằng nếu không phổ-thông bằng tiếng ta chữ ta, thời không biết đến bao giờ mà mới khai-thông được vậy. Nghĩa là phổ-thông bằng tiếng ta chữ ta, thời có lẽ rằng không kể đến những người đã lớn, cho đến những người dẫu già cả, không học được chữ quốc-ngữ nữa, nhưng cứ nghe cũng đủ hiểu; trừ những người không có trí khôn,

thời không có nói chi, song hề hơi có tri khôn là khai-thông được hết, vì rằng tiếng là chữ, chữ là tiếng, không trông thấy nhưng có thể nghe thấy, sản tri khôn mà lại sản tiếng, tiếng lọt vào mà bụng tự-nhiên thông-hiểu, khai-thông nào có khó gì đâu. Bấy lâu Chính-phủ Bảo-hộ đảm-đương cái trách-nhiệm khai-hóa cho dân ta, há Chính-phủ lại không hiểu đến cái lẽ phải phổ-thông bằng tiếng ta chữ ta mới mau, hoặc Chính-phủ còn chưa kịp thi-hành đây chẳng. Điều đó thật là quốc-dân ta đang mong mỗi lắm vậy.

Ấy cái lẽ phải phổ - thông bằng tiếng ta chữ ta, có rành rành như thế, thời bao nhiêu sách mới sách cũ, sách nước mình cùng sách nước người đến hồi này ta phải dịch ra hay làm ra, đều bằng là sách quốc-ngữ hết cả. Thế nhưng mà ta dịch sách địa-dư hay lịch-sử của các nước, thường bị có phải một nỗi khó-khăn, ấy là về những tên người và tên đất của các nước, hay có những tên dài hằng năm bảy chữ, mà tiếng đọc lại còn một nỗi hay trúc-trắc nữa kia. Ta nếu muốn cho thuộc được những tên ấy, thật là khổ cái tri khôn ta nhiều. Trên kia tôi đã nói cái lẽ tên người tên đất của các nước, ta bắt-tắt cứ phải học đúng, ta chỉ cần sao cho tiện sự học của ta thôi. Thế nào là tiện cho ta, ta chỉ cần học lấy được mau thôi. Thế thời

bây giờ ta đem những tên người tên đất của các nước, mà ta thử lập riêng ra một cái biểu-hiệu cho ta có được không?

Thử lấy tên ông A-lét-dăng-đô là tiếng chữ Hán gọi là 亞歷山大, bây giờ ta gọi là ông Kèo, như ông Rít-tô là tiếng chữ Hán gọi là 哥倫, bây giờ ta gọi là ông Cột, đến như tên đất, như kinh-thành Sánh-bé-tách-bua tức tiếng chữ Hán gọi là kinh-thành Thánh-dại-bỉ-đắc 聖大彼得, bây giờ ta gọi là kinh-thành Giáp 甲, như tên kinh-thành Công-tăng-ti nốp, tức tiếng chữ Hán gọi là kinh-thành Quân-sĩ-dần-đinh 君士但丁, bây giờ gọi là kinh-thành Ất 乙. Ta sẽ có một quyển sách Tổng-liệt-biểu 總列表 về những tên người, chép đủ cả ba thứ chữ Hán chữ Pháp và chữ ta. Ta lại có một thứ địa-đồ riêng, cũng biên đủ cả ba thứ chữ như quyển sách chép tên người ấy, ấy là để tiện cho ta khi ta có phải đi cầu đến đó thôi, chớ còn như ta học phổ-thông cứ một thứ tiếng đặt riêng ra kia mà học, nghĩa là cái mục-đích ta học, chỉ cốt cho mau là được.

Ồi ! ấy cũng là một cái ý sáng-tạo, lại cũng là một cái biệt-cách của tiếng ta chữ ta, những bậc thông-hiểu nghe có được không ? (1)

(1) Cái vấn-đề phiên-dịch tên người tên đất này cũng khó lắm. Tôi thiết-tưởng theo hẳn về một đường nào cũng không tiện, có một cách chiết-trung là hơn cả. Hiện nay nhiều tên chữ Hán đã sáp-nhập vào tiếng An-Nam và thành phổ-thông rồi, như tên các đại-châu (Á-châu, Âu-châu, Phi-châu, Mĩ-châu, Úc-châu), tên các đại-dương (Thái-bình-dương, Đại-tây-dương, v. v.), tên các nước lớn (nước Pháp, nước Anh, nước Đức, v. v.), tên các đô lớn (Ba-lê, Luân-đôn, Bá-lâm, v. v.), tên các danh-nhân (Nã-phá-luân, Hoa-thịnh-đốn, v. v.), thì cứ dùng theo chữ Hán cũng tiện, vì những tên ấy có thể cho là tiếng An-Nam được cả; còn hết thấy các tên người tên đất khác, nếu nhất-thiết dịch theo chữ Hán hay là dịch theo tiếng ta cũng không tiện cả, và đặt ra một thứ biểu-hiệu riêng như lời luận-giả bàn lại là phiền lắm, vì các tên về địa-dư lịch-sử biết bao nhiêu mà kể, nếu mỗi tên dịch ra bằng một cái biểu-hiệu riêng thời những công-phu đề học cho thuộc các cái biểu-hiệu ấy cũng đã khó nhọc thay. Tôi tưởng cứ nên viết theo chữ tây, không cần phải dịch ra làm gì, là vì rằng người nào được chữ quốc-ngữ chắc cũng hơi biết văn tây, dấu đọc có sai đi ít nhiều cũng không đến nỗi sai lắm bằng dịch hẳn ra chữ Hán hay tiếng ta, và lại tiện cho sự tra-cứu. Như trong câu : ông Bá-Đa-Lộc ở ở xã *Origny en Thiérache*, tên xã ấy nếu dịch ra chữ Hán hay là tiếng ta thì khó-khăn lắm và biết đâu mà tra-cứu cho được, bất-nhược viết bằng chữ Pháp, dấu đọc sai đi cũng không hề gì mà mặt chữ còn đó. Còn trong khi làm văn-văn, thời làm-thời sẽ tùy-tiện mà biến-hóa, lấy cho âm-vận thanh-thoát, cũng không khó gì. Duy những bài nghị-luận khảo-cứu thời tưởng cứ theo cách ấy là hay hơn cả. — Vấn-đề dịch tên người tên đất này, tôi đã từng nói tường trong một bài diễn-thuyết ở Paris, sau này sẽ dịch ra quốc-ngữ. — PH. Q.

10<sup>o</sup> *Tiếng ta chữ ta không thống-nhất được, cái hại thế nào? Làm thế nào cho có cơ thống-nhất?* — Tự xưng bí kim, cái gì không phải thống-nhất là được, nhỏ từ một nhà, lớn là nhà vua, mà ra cả thiên-hạ, bầy người Bắc, mô bất-cứ là giới nào, nếu ở đây cũn ra được một cái phạm-vi ràng, khi-đời trông ra đều có cái *ta* tương-khứ-lở, còn có nói gì đến cái *nhô*, *v* được đâu. Quốc-văn ta đương *bùn* *ng* *oi* *thai*, ai mà không tưởng mong chớ có một ngày kia mà cái phạm-vi quốc-văn ta cực-kỳ rộng-rãi, cái thể-chế quốc-văn ta cực-kỳ chỉnh-bị, cái tài-liệu quốc-văn ta cực-kỳ phú-thiệm, cái khí-tượng quốc-văn ta cực-kỳ hùng-nhã, làm cho đến cái giá-trị quốc-văn ta có thể cao-siêu, cái thể-lực quốc-văn ta có thể lãnh-trướng, bấy giờ mà quốc-văn ta thành-lập mới là hoàn-toàn vậy.

Song đó còn là cái hư-tượng còn tang mong-ước, nào đã có cái thực-tượng trắng tuyết rờ-ràng. Lại còn có một nỗi là: có cái *đ* *n*-tượng đang lo sợ nữa kia, cái *đ* *n* đặt ấy ở vào đâu, nếu tiếng ta chữ ta không thống-nhất được, thì thật là hại cho ta về cái đường tiến-hóa lắm vậy.

Ai không biết rằng dân ta sinh ra bởi cùng một giống, tuy ngoài xa ở về mạn rừng núi, có giống Mường, giống Mán, giống Thổ, giống Nùng, bởi họ ở xa nhau nên tiếng nói có khác hẳn nhau; còn như gọi là dân trung-châu thì không kỳ là kẻ Bắc người Nam, đều bởi ở tự cái tinh-tinh giống nhau, cái phong-tục giống nhau, mà thành ra ngôn-ngữ cũng giống nhau hết cả. Bảo rằng tiếng nói đã giống nhau, có điều gì mà còn sợ rằng không thống-nhất được. Song trước khi ta định-liệu cho thống-nhất, ta phải biết thế nào là không thống-nhất, đâu gọi rằng tiếng nói giống nhau, song chỉ giống nhau cái đại-thể, còn các chi-tiết thật là phân-phân bất-nhất quá lắm vậy.

Nào ai hay trong cái chỗ phân-phân bất-nhất, là cũng chẳng qua chỉ vì trước xưa kia núi sông cách-trở, đường-sá không thông, kẻ nấp một nơi, người chúi một chỗ, không ai biết đến ai, không ai cần đến ai, không ai có trao đổi với ai, không ai phải trông nghe ai, bởi cái sự giao-thông không có mật-thiết với nhau, mà thành hẳn ra cái sự ăn nói không có phù-hợp với nhau. Kể khu-vực nước ta, có chia ra Bắc Trung Nam tam-kỳ, mà tiếng nói đã hiển-nhiên là đại-đồng tiểu-dị, tiếng các xứ khác nhau cũng có, tiếng một xứ khác nhau cũng có, đại-khái như tiếng Bắc-kỳ nói là *được*, tiếng Trung-kỳ lại nói là *đặng*, tiếng Bắc-kỳ nói là *dùng*, tiếng Nam-kỳ lại nói là *sái*, lại cho đến *nô* *kia* với *mô* *tê*, *vào* *ra* với *vô* *ra*, có nhiều tiếng khác không thể kể cho hết, ấy tiếng các xứ khác nhau là thế. Còn trong một xứ tiếng nói cũng khác nhau, như ở ngay Bắc-kỳ có nhiều thứ tiếng thổ-âm, nào là vần *L* với vần *N*, nào là vần *Tr* với vần *Ch*, nào là vần *D* với vần *GI*, cùng là vần *R*, lắm người cứ bậ thế nào viết thế, không có phân-biệt gì cả. Bởi thế mỗi khi ta có cầm tờ báo của người trong Nam-kỳ, xem bài văn của người Trung-kỳ, cùng là ta có cầm cái thư của người nhà quê đưa cho, lắm chỗ đọc mãi không ra, xem mãi mới hiểu, thật là chán quá. Thế có phải là tiếng ta chữ ta không có thống-nhất đó không?

Bởi cái sự tiếng nói không có thống-nhất, đã làm khó-khăn cho sự học-hành, vừa làm trở-ngại cho sự giao-thông, còn mong sao cho có chuyên-hoán được trí-thức và dung-hợp được tư-tưởng của xã-hội được chăng? Thế nữa là lại còn có mong gì cho xã-hội có ý hợp-quần, có tinh đoàn-thề?

Ôi! tiếng ta chữ ta nếu không có thống-nhất được, tưởng cái sự hại không có thể kể cho cùng được vậy.

Ấy ta đã biết như thế là không có thống-nhất, ta phải tính làm sao cho có thống-nhất, trước đây mà không có thống-nhất, còn bảo là tại khi-vận chưa khai-thông, tới nay mà lại còn không có thống-nhất, thật là tự tại nhân-tri không có vận-dụng. Bây giờ ta thử hỏi cái sự thống-nhất với không thống-nhất nào cái trách-nhiệm ở vào ai đây, có phải ở về những nhà ngôn-luận cùng những nhà trước-thuật đó không? Những nhà đã có biết ngôn-luận, đã có biết trước-thuật, có lẽ toàn là những nhà đã có sớm bụng nghĩ, nhanh mắt trông, và mau chân bước vậy. Bụng đã nghĩ được sớm, mắt đã trông được nhanh, mà chân lại bước được mau, thời cái gì mà không phải lo-tinh, cái gì mà không phải thực-hành, có lẽ nào cái hại to như cái sự tiếng nói không có thống-nhất, mà lại ngồi yên mà nhìn hay sao?

Ôi! nói đến cái sự phải thống-nhất lấy tiếng ta chữ ta, hình như quốc-dân ta, mắt đã máy, mũi đã giục, mà mày và mặt cùng nóng-nảy cả lên rồi đó vậy.

Có một điều hơi khó-khẩn cho sự thống-nhất ấy là vì trong chỗ học-giới của ta bây giờ, hình như có chia ra hai phái, nếu dùng những tiếng nói bằng chữ Hán, thời có tiện cho người cựu-học, lại không tiện cho người tân-học, thế mà dùng những tiếng mới bằng tiếng chữ Pháp, thời lại chỉ tiện cho người tân-học, mà không tiện cho người cựu-học. Nói cho phải, tân-học còn có ít người, chớ mà cựu-học là cả toàn-số quốc-dân. Và

cái công-cuộc khai-hóa của ta bây giờ có phải rằng ta phải khai-thông lấy cả toàn-quốc hay là ta chỉ khai-thông lấy bọn trẻ ta về sau đây đâu; ấy thì là ta muốn thống-nhất lấy tiếng ta, là phải theo một thứ tiếng ta, cùng là một thứ tiếng ta là tiếng nói bằng tiếng chữ ta vậy.

Cái công-cuộc thống-nhất tiếng ta chữ ta thế nào, tưởng trước phải có cái cơ-quan thống-nhất, sau phải có cái quyền-phép thống-nhất, sau nữa lại phải có cái thể-chế thống-nhất. Lấy gì làm cái cơ-quan thống-nhất, tất phải có cái viện văn-học hay là tòa tu-thư, trong viện ấy hay tòa ấy, tất phải có đủ tay văn-học là người cả ba kỳ, rồi mà điều-định với Chính-phủ cho có được cái quyền-phép để thu nhặt lấy các thứ tiếng của dân ba kỳ, rồi mà lại lựa định lấy cái thể-chế cho chính-đáng, tiếng nào nên san, tiếng nào nên đề, tiếng nào nên thông-dụng, đến khi lập thành ra được một bộ tự-vị tiếng ta, hành ra cho cả quốc-dân có thể dùng, đến bây giờ rồi mà hoặc nhà ngôn-luận, hoặc nhà trước-thuật đều cứ phụng dấy làm qui-thức nhất-định, ai bảo rằng tiếng ta chữ ta còn có nỗi không thống-nhất nữa chẳng?

Ôi! cái công-cuộc thống-nhất lấy tiếng ta chữ ta cũng to-tát lắm thay! cũng nặng nề lắm thay! họa chẳng là có thể-lực như hội Khai-tri-tiến-đức mới đả-mương nổi được vậy, quốc-dân ta chẳng mong lắm thay!

Cử-nhân NGUYỄN KHẮC-BÌNH



ĐOÀN-THIỆN TIÊU-THUYẾT MỚI

Truyện Cô Phụng

đến Dalat... trợ ngay... Tô-Lương cũng là người Bắc, mới... năm xưa. Người xứ ta ở đây cũng... thành ở giữa rừng, không... nhưng sự phồn-hoa tưởng không... đâu. Sáu khẩu thì nhỏ, vai kịch... thì nhiều, mà ý tôi lại không hợp với... mọi người, nên chỉ tôi cũng không thiết... giao-du đâu cả. Từ khi vào chỉ biết... Tô-Lương hơn, và chẳng lại ở nhà Tô-Lương, nên những khi canh kbuya... cảnh vắng, dưới bóng trăng mờ, chuyện... trò-mưa tính cuộc tương-lai, hay... những lúc gió táp mưa nguồn, hai anh... em ngồi trong nhà gianh, uống chén... nước chè, giờ quyền tạp-chí, kẻ đọc... người nghe, luận bàn đến tình-thế... quê nhà, xem cũng nhiều câu ý hợp, vì thế anh em lại càng ưa nhau lắm.

Một buổi sáng... lẽ, sương rơi... mù-mịt, lại thêm... mưa phùn, ngoài đường... người qua lại... cũng ít. Trông ra cái quang-cảnh... mưa phùn, chúng tôi ngồi trong nhà... uống chén nước nóng, lấy làm thú-vị... vô-cùng!

Tôi bảo Tô-Lương: — Hôm nay ngày... nghỉ, cái giải-trí của anh em mình là... đi câu.

Tô-Lương cười và đáp: — Tôi đã... sửa-soạn sớm rồi.

Tô Lương nói vừa xong, thì có một... người đàn bà trạc chừng 25, 26, đầu... vẫn tóc trần, da mặt bủng, mình mặc... áo cát-sơ-mia cũ, chân đi đôi guốc sài-gòn... đã vệt cả gót, tay phải ôm con, tay trái xách cái va-ly bẹp chỉ còn một... quai, đi thẳng vào trước Tô-Lương, nói... nhỏ nhẹ rằng: — Lạy ông, hôm sau

có mấy người về Bắc, xin ông thương... tình làm phúc cho mẹ con tôi thêm... đồng về tàu.

Tô - Lương nói: — Kia, đã tháng... trước cô về mà?

— Dạ, thưa.. thưa, cháu ốm... rồi...

Tô-Lương cười nhạt, bảo người... nhà đưa cho đồng bạc và nói rằng: — Thôi, đây là tôi thương thẳng bé con, tôi cho nó, còn cô về hay không thì... mặc, tôi không ưa những sự dối tôi.

Người đàn bà toan nói, thì Tô-Lương... bảo đi ra.

Tôi thấy người đàn bà trẻ tuổi, nói... tiếng Bắc, thì đã đỡ chừng ngay một... cô thông, cô ký nào, hoặc chổng chết, hoặc sa-cơ mới lưu-lạc, mà sao Tô-Lương... đã có lòng cho tiền lại có ý... hất-hủi. Tôi ngồi dang nghĩ-ngợi thì... Tô-Lương hỏi: — Kia, bác có biết... người nào đấy không?

Tôi ngờ-ngác, trả lời: — Không.

— Kia, cô Phụng con ông Huấn Nhu... ở Hải-phòng, bác không biết à?

— Không, tôi bấy lâu đi làm xa, ít... qua Hải-phòng nên không rõ.

Tô - Lương lắc đầu nói: — Ông bà... Huấn khi xưa thực là người phúc-hậu, mà tiếc thay đến cô ta bây giờ không... còn giữ được một tí gì là nề-nếp con... nhà gia - giáo! Ngán thay nước nhà, đang lúc giao-thời, nên cương-thường, gương tiết-liệt không còn được như... xưa. Tôi đã từng ngắm thấy nhiều gia-đình... mà những sự êm-dềm đã gần... như tiêu-tán cả.

— Nếu đã một nhà gia-giáo nề-nếp... thì sao cô ta còn lưu-lạc vào đây được?

— Bác không rõ, để tôi nói bác... nghe. Ông Huấn Nhu giấy chữ Hán ở

trường Pháp-Việt thì ai không biết. Khi ông đang ở Hải-phòng thì cô Phụng này mới hơn mười tuổi đầu, ngày ngày hai dãy phố Đâu-cầu-dắt ai là chẳng trông thấy chiếc xe nhà, trong có cô bé con trắng-trẻo, để cái chòm tóc dài, một ngày bôn lượt đi về con đường Chợ-con.

Đấy là lúc ông Huấn còn dạy ở trường Pháp-Việt và cô Phụng đang học trường con gái.

Chẳng bao lâu ông Huấn về hưu. Ông bà thu xếp về ở Mĩ-hào cho gần họ-mạc. Ý bà Huấn muốn cho cả cô Phụng về quê theo học việc tề-gia, vì bà sợ rằng con gái ở xa cha mẹ thì đức-hạnh khó được hoàn-toàn. Nhưng ông Huấn lại không thể, vì tính ông mến sự học, mà cô Phụng lại là con chăm học, sẵn có khiếu thông-minh, nên ông Huấn nhất-dịnh gửi cô Phụng và cậu con trai bé tại nhà ông Hàn Ư người họ ngoại để theo học.

Ông bà từ về vui cảnh điền-viên thường nhớ con lắm, nên không sót ngày lễ nào là không cho đón con về chơi, không một tuần nào là chậm gửi tiền cho con ăn quà bánh.

Ông Huấn về quê chưa đầy một năm trời thì kỳ va-căng đã tới, bà Huấn ra Hải-phòng đón cô Phụng và cậu con trai về nhà, ông Huấn vui mừng vô cùng, hết hỏi truyện con gái, lại vuốt-ve con trai, nào xem sách vở con học, nào giục bà Huấn may-vá thêm cho hai con.

Cô Phụng về nhà chưa được hai tuần, xa thành-thị, vắng tri-âm, xem ra buồn-bực, nay xin ra học tư, mai lại đòi ra học tư, cố hết sức biện-bạch để ông bà lại mau cho ra tỉnh đánh đôi cùng chúng bạn.

Bà Huấn từ thấy con về nhà đến nay xem, tính-nết con từ cách ăn-mặc, nói-năng, đến sự đi đứng đều khác xưa

cả, nên thường nói với ông Huấn đề cô ở nhà ; nhưng khôn nổi mỗi lần nói ông Huấn lại gạt đi rằng: « Phải con trẻ phải để cho nó cái tính tự-nhiên thì trong lòng nó có hư đâu. Học hành mới học tấn-tối, nhất lấy đến rằm thì thôi, cái gì mà phải bắt nó thì nét từng tí ».

Bà Huấn nề ông lại thôi.

Cô Phụng ra Hải-phòng học tư, hết va-căng lại vào học luôn trường Nhà-nước, cũng không về nhà. Ông Huấn thấy con không về thì bụng lại định-ninh con ta nay lại chăm học hơn trước.

Ngót ba tháng trong trường có kỳ thi lên lớp. Cô Phụng không được lên lớp mà phải xuống lớp, thế mà cô vẫn không lo, lại nhớn-nhờ chơi-bời hơn trước! Thậm-chí có hôm dám đủ cả hai người học-trò cũng như cô, lẫn sang tận Kiến-an xem nhà Thiên-văn.

Tháng mười năm ấy, một hôm trời mưa to như chút, bà Huấn ở nhà dưới đang bảo đầy tớ là gao, nhà trên ông Huấn ngồi đang ~~đọc sách~~, sự có người nhà ngoài tỉnh về đưa ông bức thư. Ông mở ra xem thì thư của ông Hàn Ư gửi, đại-ý hỏi thăm và kể sự nhớ mong, dưới thư có nói đến sự học của cô Phụng và xin cho cô Phụng về trên này vì nay cô đã lớn tuổi e rằng ở mãi đất Hải-phòng thì hư.

Ông Huấn xem xong thư có ý ngạc-nhiên thở dài, vì xưa kia ông Hàn Ư viết thư về thường khen sự học của cô, mà nay lại nói « thì hư », nên lòng ông lại băng-khuàng lắm.

Ông Huấn gọi người nhà hỏi thì hẳn thưa rằng: « Ra Hải-phòng sáng thứ năm chờ mãi đến bốn giờ chiều cũng không thấy cô Phụng về, có hỏi cô học trò hàng xóm thì nói rằng cô Phụng sang Kiến-an chơi. »

Ông Huấn lại càng căm-tức, căm-tức vì đũa con xưa vẫn chắc là ngoan, chăm học, có bây giờ hư!

Mấy lát về-vi, người nhà dẫn cô Phụng về, em dự Leng-Lợi về, cô Phụng phải mau-hẹn ăn ngủ, mau-hẹn mang áo rách-tệ, những muốn đuổi ngay khỏi nhà cho khuất mặt. Bà Huấn nhảm một bà đồ già, nhưng đoán-chính, rất không ưa những kẻ ăn-lợi, tô son diêm phấn.

Ông Huấn người hiền - hậu có tính khoan-dung lại hay thương con, thường bảo bà Huấn rằng: « Con nó còn trẻ dại, bây giờ nó đã về nhà, để liệu cách dạy bảo dần, chứ nó đã hư, mình đừng đánh chửi lắm, không bổ-ích gì mà tất nó tưởng là ghét bỏ nó, rồi nó thêm tủi thân âu - sầu cũng hại một đời lờ, mà không nó cũng sinh liều ».

Cô Phụng từ về nhà, ăn mặc không được xa-hoa, nói năng phải theo khuôn-phép, lấy tâm hồn giận vô-cùng. Trí cô thường mơ, màng đến những cảnh khoái-lạc mấy năm ở đất Hải-phòng, nào những thứ năn, chủ-nhật được diện áo sa-tanh ư, quần lĩnh-Burui ư, bít tất phin đi với giày Gia-định bóng nhoáng, tay cầm ô tây phát-phối, hết phố nọ sang phố kia, khi rạp hát, lúc cao-lâu, tha-hồ tự-do, không ai ngăn cấm, mà nay thì như chim dốt lồng, ra khỏi cửa nửa bước không được, nói một lời cũng phải gửi phải thưa, ăn mặc thì ra nhà quê đặc! Cô càng nghĩ càng thấy khổ-tâm.

Một buổi bà Huấn vào buồng tìm chùm chìa khóa, gặp cô ngồi trước mặt cái gương, tay cầm con dao cạo, đang tỉ-táy ở trên lông mày, bên giường lại có hộp phấn. Bà Huấn giận quá, bực máu lên, túm ngay đầu cô Phụng lôi ra ngoài sân, bắt đẩy-tờ dè dàu dè chân đánh cho một trận.

Đêm hôm ấy, cô phần thì đau đòn, phần thì tủi thân, trần-trọc suốt sáng. Cô nghĩ được một kế: bây giờ mẹ đã ghét, ở nhà mãi, thì chỉ ốm đòn mà khổ thân, rồi đến sau có lấy chồng thì không khỏi lại mấy cậu khóa, cậu nhiều, ấy lại thêm tủi duyên một đời. Khi ta đi học, ở nhà trường có dạy may, âu là ta ra Hải-phòng, tìm vào nhà chị em bạn để kiếm việc làm, may chăng cũng còn hi-vọng về sau.

Lời ông Huấn nói không sai, chỉ cô Phụng cũng quyết. Sáng hôm sau, com nước xong, ông Huấn cho cô Phụng ra tỉnh mua mấy cái măng-đa trả tiền báo đã đến hạn và mua hàng. Thừa dịp ấy, cô đi luôn ra Hải-phòng. Ông Huấn ở nhà, trời đã tối, mong con nóng cả ruột, càng mong càng mất, đôi ba lượt cho người ra đầu làng trông mà cũng chẳng thấy tăm hơi đâu cả. Ông Huấn lại nghĩ rằng cô đau căm làm sao, nên sớm mai ông lại sai người ra hỏi các nhà quen, nhưng người thì nói không biết, người thì nói cô lại chơi nhưng về sớm. Ông còn phân-vấn. Một lát bà Huấn xem đến quần áo ở trong hòm thì thấy mất và số tiền 19 đồng mấy hào của ông Huấn mới đi lĩnh hũ-bồng cũng không còn.

Ông bà ngo-ngác nhìn nhau, biết là cô đã trốn.

Ông Huấn thương con, biết con rồi hư, lại vừa giận bà Huấn. Chiều hôm ấy ông đi luôn ngay Hải-phòng để tìm và đỡ cô về, nhưng ra đến Hải-phòng thì cô Phụng cũng không có nhà ông Hàn U, và mấy nhà xưa kia cô thường đi lại cũng không có. Ông Huấn tìm con châu-chực ngoài Hải-phòng hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm, sáu, bảy ngày cũng không thấy tin-tức gì cả.

Đang khi ông bà Huấn mong có Phụng thở vắn than dài, tìm ngược đón xuôi, thì cô Phụng ở nhà có Ế

trong làng Kênh đê mưu đường « tiền-thủ » . . .

Một buổi chiều cô Ế đi làm về bảo cô Phụng rằng:— Chị Phụng ơi, bây giờ người khôn của khó, mấy năm nay người mở hàng đặng-tên nhiều lắm, mà người bán giông cũng nhan-nhân, nếu nay chị cũng theo với chúng tôi thì không ăn thua gì đâu. Tôi nói thật. Nay có một bà quan tư, người tử-tế lắm, sắp vào Sài-gòn, mượn tôi tìm một người biết khâu gọi là, vừa đê khâu và chiều chiều đem con bà ấy đi chơi, côm nuôi 15 đồng một tháng, nếu chị ưng, thì chỗ chị em tôi nói với bà ấy một tiếng thì xong.

Đêm hôm ấy cô Phụng nghĩ:— Côm nuôi mà một tháng mười lăm đồng, một năm trời trăm tám, thì cho may-vá, hoa hột một năm cũng còn đê ra được trăm hai, trăm ba, tiền ấy lại cho vay, nhờ trời trong ba bốn năm thì ta lại về được, thôi đê nhờ chị ấy xin cho ta.

Sáng mai trở dậy, hai cô chuyện-trò đến nửa giờ, rồi cô Ế dắt cô Phụng đến nhà bà quan tư. Bà quan tư nhận cô Phụng, đưa cho cô Phụng bốn tờ giấy năm đồng và hẹn đến thứ tư lại xuống tàu với ông bà.

Hai cô ra về cùng cười cùng nói, cô Ế làm được ơn cho bạn có ý tự - đắc, cô Phụng cũng mừng từ nay đã được yên-thân, nhưng trong cái mừng ấy có hơi có vẻ buồn, vì sắp một mình đường xa đất lạ.

Hôm thứ tư cô Phụng xuống tàu, cô Ế ra tiễn chân, mãi lúc tàu sắp chạy mới về.

Thế là cô Phụng xa quê-hương từ đó.

Cô Phụng ở đất Sài-gòn, chỉ-thứ được ba năm trời, không vương-viu tiếng-tấm gì cả.

Ai nghe cái lịch-sử cô Phụng đến

đây cũng chắc từ nay có đã ra người, và lời cô nói khi đi là thực. Nhưng không đã chắc đâu cô Phụng ra người, mà lời cô là thực ! <sup>đây ư.</sup> nay, ở Hóa-công, có đê cho y <sup>nhất lấy ở</sup> gheo, th<sup>ch</sup>, xoa <sup>thủ</sup> mà người nghị-lực đã kém thì <sup>kiên</sup> cũng khó lắm vậy.

Bà quan tư năm ấy ở quá, thầy thuốc bảo lện <sup>nghỉ ở</sup> tám tháng. Có ai ngờ đâu trong khoảng tám tháng trời ở Dalat này, cô Phụng đem thân vào hang, vực, mà ba năm trời ở đất Sài-gòn lại là chỗ cô được yên thân !

Khôn ba năm, cái đại có một giờ phạm phương-ngôn không câu nào cả.

Ở Sài-gòn dân-cư đông, mà cô số dĩ được yên thân, là người quen thuộc ít, đồng-hương, đồng-xứ cũng ít gặp, khi thư-nhàn lại chỉ có ngồi đan den đê bán lấy tiền; chứ như ở Dalat này, dân-sự ít, nhưng người quen cô không ít, người cùng hương cùng xứ với cô cũng không ít, bạn-bè lắm, và mấy năm nay vốn cô cũng khá, thì tội gì cô chẳng ném chút lợi-lạc ở đời mà hại đâu.

Nay chị Sáu gọi đánh tam-cúc, mai cô Tư giữ đánh các-tê. Hết tối thứ bảy, lại chiều chủ-nhật, chẳng tuần nào sai; và ở Dalat này, mấy năm trước làm gì có nhà hát, chớp-ảnh, chủ-nhật đến không lấy quân bài tiêu-khiên thì còn biết chơi gì?

Mấy buổi đầu, cò bạc cô được, cò càng ham lắm, bụng cô đã trương: Ta chơi thường dô tay, cứ thế này, thủng-thẳng đời nào cay, đời nào hại. Rê đâu mấy hôm sau thua, cô tiếc của đâm ra gở, gở mãi sinh cay ! Mà cò bạc đã đến lúc cay-cú, thì còn biết mình là ai? Thôi, lúc này mới là dịp cho cậu Mã, cậu Sở thi-hành cái tài về khoa

hoa-nguyệt. Nào bác tài, thầy thông, thầy ký, cậu cai, chị khâu, bà phán, chị vú, d... 800 bạc kia ghếch lên đùi... tình nửa say, tay con... vú con bác-kia, cũng... Mất fret, lời đưa, thể tình nào chẳng cảm, về nào

...n phải... chỗ cô và những người... cô đang hôn-hở cuộc vui trện... rồi kia, mà ngờ đâu có người nom... n phải cau mặt đau lòng. . .

Cô Phụng bấy giờ so với khi ở Sài-gòn khác xa.

Mấy trăm bạc dành - dùm mấy năm trước cũng gần tan. Sau cô dan-diu với một chàng thanh-niên làm việc ở sở Thương-chánh, đôi bên biết nhau vì quân bài, mà khi lấy nhau thì lễ hôn ở nhà gã bạc. Chàng cũng người ngoài ta, xưa cũng chín-chắn lắm. Ở tỉnh nhà khắp các ông cả bà lớn ai cũng khen, lại nhiều nhà có con gái đã gọi cho, mà chàng đều từ chối cả. Khi mới được tin bỏ vào đây, ông cụ thân-sinh chàng đã định cưới ngay vợ cho chàng, sợ rằng con trai lớn tuổi đi xa nhà đưa ông bạn để hư, mà có vợ đi thì khác nào cái rỏ lại có cái hom, nhưng chàng cũng thoái-thác không chịu.

Lúc chàng mới bước chân đến Da-lat cũng như cô Phụng đến đất Sài-gòn, một quân bài không biết, nội người nhắm không chơi, mỗi bức thư về nhà thì thật là con hiếu-thảo, biết tuân lời nghiêm-huấn, mà ngờ đâu có ít lâu con ma bài-cào bài-phế nó làm tội cũng chẳng kém gì cô Phụng!

Bữa hai người lấy nhau thì cũng chưa đến nỗi công nợ lắm, thế giá sớm biết mà tu-tính ngay thì bấy giờ làm gì đến nỗi. Nhưng cũng không oan,

lúc lấy nhau rồi vẫn cờ bạc, lại nay rượu chè, mai hát xướng, đi đâu cũng cặp kè nhau đi, cậu cậu mợ mợ, cậu thích ngón chơi này, mợ thích thú vui khác, cậu chiều mợ, mợ quý cậu, chưa hết tháng đã hết tiền, công nợ ngày càng nhiều. Trước kia còn e-lệ tiếng-tấm. sau công nợ họ réo-róc quá, mặt đầy mày dạn, quên cả liêm-sĩ.

Lúc này cô Phụng đã biết minh hư, nhưng khốn ăn-năn thì sự đã rồi...

Mấy tháng sau chàng đuổi cô đi, vì đưa con cô bẽ dấy lại không phải con chàng. Từ bấy đến nay cô vẫn lang-thang ở đây, nay đi xin tiền từng người quen để về, mai lại về, sau chán cũng chẳng ai cho. Còn chàng làm sở Thương-chánh sau có người ra nói chuyện với ông thân-sinh chàng, nên ông gửi cho chàng 800 bạc trả hết công nợ và bắt chàng phải xin từ-chức về.

Đấy cái lịch-sử cô Phụng là thế, tưởng ở nước nhà ngày nay những hạng con không ăn lời cha mẹ, hờn giận cha mẹ mà quá chân xầy bước hay quá chơi-bời đến rạc-rải như cô Phụng với thầy Thương - chánh này cũng không ít! Mà cho hay người ta, khi ít đồng tiền, thân được yên lành lại không muốn, cứ phân-nàn, ao-trước những sự giàu sang, chớ có nghĩ đâu càng giàu sang lại càng lắm tai-họa và thất-đức ....

\* \* \*

Tô-Lương nói xong, đồng-hồ đánh chín giờ, tôi mới nghe câu chuyện, lúc trông ra, mưa đã tạnh, mặt trời mọc đã cao, ánh nắng chiếu tận hè, mây quang, khí ấm, tôi vội cầm bút chép lại bài này để bạn nữ-lưu cùng xem, may cũng có điều bổ-ích.

Xuân-Quang ĐOÀN NGỌC-BÍCH

## THỂ NÀO LÀ HU-VĂN ?

Tôi từ ngày được đọc các báo tới nay đã nhiều lần được nghe hải - nội chu-quân-tử bàn-bạc về lẽ tiến-hóa của nước Nam nhà, thường thấy nói: Trình-độ dân ta mà còn chịu thấp kém, dân-trí của ta mà chưa được Khai thông là nguyên-nhân chỉ vì mấy nghìn năm về trước, tuy có thâm-nhập hán-học, nhưng mà chỉ chuộng hư-văn là uyên nguyên ở khoa-cử; nên học thì học một nơi mà làm thì làm một nẻo, tỵ-trung chỉ được ít người hoặc nhờ thiên-phú-chi-tính, hoặc được giáo-dục gia-đình mà công-nghiệp còn lưu trong sử-sách, tiếng thơm còn phảng-phất ở non sông, lại cũng có nhiều người thời giữ cái thái-độ « vô-vi » như tôn-chỉ của đạo Phật, Lão, thật là trái hẳn với tôn-chỉ đạo Nho, khiến cho xã-hội không còn có cơ tiến-hóa nữa. . . .

Nhưng mà đã biết rõ cái tinh-chất của hư-văn là thế nào chưa? Nếu chưa bàn cho đích-xác mà đã khép tội cho hư-văn thì có khi di-oan cho cả đạo-học nữa, mà không khỏi có tội với cõ-nhân. Sau nữa nếu không giải cho rõ ra thì buổi này tuy là buổi trọng thực-nghiệp, ái-chân-lý mà có diẽn-lả ra thành văn chưa chắc đã khỏi vấp vào hư-văn một lần nữa, thì con đường tiến-hóa cũng chậm bước lên. Và chính bĩ-nhân đây cũng xin thú thật cùng các bạn đọc ta rằng, dù không dám tự-nhận là một nhà làm văn, không phải là một tay văn giát mỏng văn-từ cho đầy cái vòng hằng ngày hằng tháng đề mà bợ cái tư-tưởng cũ-kỹ bần-cùn, song mới chấp-chững đi trên con đường ngôn-luận mà chưa chắc đã khỏi vấp vào cái chất hư-văn ! Vì ngày nay ai cũng công nhận rằng trong buổi học - vụ giao-thời mà cái kho quốc - văn hầy còn rỗng lấm, thì người nào có bụng hay là vì cái bụng mà viết nên câu văn đem ra hiển-quốc thì phần ít là xuất-thân ở trong trường tân-học, nhưng ít ra cũng phải có

phổ-thông hán-học mới <sup>đầy đủ</sup> được cái tư-tưởng mới hay, (nhất lấy <sup>đầu</sup> ở trong <sup>đầu</sup> của <sup>đầu</sup> lạc-phái <sup>đầu</sup> theo-phái <sup>đầu</sup> từ bước chân ở chốn hư-văn ra không <sup>đầu</sup> nói đây chẳng qua đề mà là <sup>đầu</sup> cái tội hư-văn của tôi, ch <sup>đầu</sup> đương ra tố-giác ai cả, xin hải - nội <sup>đầu</sup> chu-quân-tử lượng tình cho.

Có người bảo: Hư - văn nghĩa là nhiều thời - đại trải mấy nghìn năm ta biết đem những tư-tưởng, những công-việc, những nhân-vật quá-khứ mà bàn-bạc cho vỡ nát ra, khác nào như tục-ngữ <sup>đầu</sup> câu: «Người dương-gian bàn việc âm-phủ» lại như câu ngày nay vẫn nói: « Chỉ biết cắm đầu làm nô-lệ cõ-nhân, không biết theo cái lệ tiến-bộ chung mà hay hơn cõ-nhân »; còn những công việc hiện-tại, cũng là những hi-vọng tương-lai thời lãnh-nhiên không thêm bàn đến.

Nói như thế là không thấu đến phương-diện chính-trị mà chỉ xét đến phương-diện văn-chương. Bởi vì chính-trị ngày xưa giữ cái « đặc-lập chủ-quyền », trong xã-hội không kể về các tinh-thần-giới và các <sup>đầu</sup> nghiệp-giới bị chính-quyền cự - tuyệt, đến như ngôn-luận văn-chương là « hướng <sup>đầu</sup> đạo-sur » đem xã-hội lên đường tiến-hóa cũng bị sáp-nhập vào môn chính-trị, nghĩa là chỉ cho sự học là một bản chương-trình tiến-đạt lên cái địa-vị cao sang trong xã-hội, rồi mà an - hưởng cái lợi « thành thần bất khả xâm phạm » của quốc-dân; nên muốn giữ vững cái địa-vị cái chủ-quyền ấy thời ở dưới cái địa-vị cái chủ-quyền ấy, nếu có người cao-tài trắc-học, phải tìm cách mà vút bỏ đi, thành ra ngôn-luận không được tự-do, tư-tưởng không cho trắc-việt, rồi thời xã-hội chẳng những không tiến mà lại thoái-bộ đời đời.

Đối với cái thuyết này tất là có người sẽ bảo: nếu thế thì buổi này là buổi ngôn-

luận đã được tự-do, người ta sẽ được đem cái tư-tưởng bọc-năng của mình mà trình bày dân-quốc về công-vụ hiện-trời và tất về vị-tương-lai, thế nghĩa là trong ~~trên~~ ~~trên~~ hết cái độc-khí hư-tron ~~trên~~ ~~trên~~ ngại gì?

phải ~~đang~~ ~~đang~~ đương lúc giao-thời này nhiều ~~người~~ ~~người~~ người muốn đi tìm hư-văn mà còn phân-phái ~~đang~~ ~~đang~~ phải hư-văn ở về chỗ nào, chưa ~~đang~~ ~~đang~~ biết hư-văn làm sao, lại có khi ~~đang~~ ~~đang~~ hư-văn ẩn ở trong mình mà cũng không ~~đang~~ ~~đang~~ biết. Vậy tưởng nên nói rõ hình-dạng hư-văn, tính-chất hư-văn thế nào, đề phòng có trông thấy ở đâu thời tránh xa ra kẻo nó cướp mất tư-tưởng tối-tân kiêm cả tinh-thần thực-tế.

Như cái thuyết trên này thời đều cũng có lẽ phải, song mới gọi là biết một cách mô-phỏng mà thôi, chớ nói quyết hẳn rằng bây giờ hư-văn đã bị tiêu-tán đi rồi thì thật là sai-ly quá vậy. Vì cứ lấy lẽ tự-nhiên mà nói thì ngày nay dấu tư-tưởng đã được tự-do phát-khởi, văn-chương đã được ngay thẳng tự-nhiên, song cái thể-chất của văn-chương cũng không khỏi còn lẫn cái mùi hư-văn sót lại, cái mùi ấy dù đẹp dù hay nhưng ngày xưa đã nhuộm mất những điều cốt của hán-học, nay nếu ~~đang~~ ~~đang~~ gạt trừ bỏ đi thì có khi lại nhuộm mất cái tư-tưởng tân-học nữa, sợ làm cho cái học tuy hoàn-toàn cả tinh-thần thực-tế mà cũng hóa ra hư-ảo hão-huyền.

Cái mùi hư-văn ấy dù đến ngày nay ta còn coi là hay là đẹp là vì nó sặc-sỡ, nó song-đối từng đoạn từng câu; bởi văn-từ buộc phải song-đối từng đoạn từng câu mới cho là hay là khéo, nên không thể vượt ra ngoài cái luật học phải ký-ức cho nhiều, đề lâm-thời sưu-tập những sớ chương-cú cũ mà thêm dệt thành nên «cầm-tú-văn-chương». Tức là đem tâm-tinh hay là thủ-đoạn của mỗi hai người hoặc nhiều người đã quá-cố hay là vẫn sinh-tồn mà chọi với nhau, như một người trung tất đối với một người nịnh, một việc hiếu tất đối với một việc tình; hoặc đem hai cái thời-gian sau trước, cái

cảnh-thế dở hay mà chọi với nhau, tỉ như đương đứng ở cái cảnh mùa hạ lại quay trở lại mà tả cả cái cảnh mùa xuân, đương nói về châu Âu tất đềo thêm châu Mĩ; hoặc tả về người anh-hùng quán-thế thì một bên ông Kha-luân-bổ, tất một bên đối với ông Nã-phá-luân, vân vân, thành ra trong một bài văn linh-tinh loạn-lạc bần phiếm, không có cái đất nào là cái đất đề hành-vi cử-chỉ, không tiếp cái thời nào là cái thời gần với sự cần phải canh-cải thi-hành; bài văn chẳng khác nào như một cái bàn cờ lớn, mà tư-tưởng là những nước, văn-từ là những quân, cứ bày rồi lại xóa, xóa rồi lại bày, hợp rồi lại tan, tan rồi lại hợp, chẳng qua là một sự đề nhân-du giải-tri, không sở-đắc cái lợi-ích nào là cái lợi-ích «chủ-quan», lợi-ích thực-hiệu, đối với cái lợi-ích chủ-quan với thực-hiệu thì hư-văn là cái hoan-lạc mộng-ảo, hoan-lạc khách-quan. Thật thế, bài văn mà cái mặt ngoài thật đẹp thật kêu chẳng qua là đề đối với thính-quan cho khoái-chá, hoặc mạnh hơn nữa là làm cho rung-động bộ thân-kinh, rồi lại tan ngay vào trong không-khí, cũng như kinh *Thư* đã nói: «ngoạn vật táng chí» mà thôi. Còn bài văn nào mà gọi là thực thời tức là tả-cảnh-trí nào là hết cảnh-trí ấy, hết cảnh-trí ấy; nói về sự-lý nào là nói hết sự-lý ấy, nguyên sự-lý ấy, như vẽ «toàn bức» một cái kiểu-mẫu đề cho mọi người làm, hoặc có chứng-dẫn ít nhiều nhân-vật hay sự-lý nào thời cũng như ghi những cái diềm vào cho thêm rõ mà thôi. Ấy văn Tây ngày nay với văn Tàu (văn trong lục-kinh tứ-truyện) ngày trước đều có cái tinh-cách đích-xác thiết-thực, có cái ánh-sáng rõ-rệt tự-nhiên, nên đối với người mình bây giờ phần nhiều không có cái quan-niệm cho rằng là đẹp là vui, vì đã chịu quen cái khí-vị văn-chương về cận-thời khoa-cử. Tự-trung có nhiều người không «trực-nhiệm» phải cái độc-khí văn-chương khoa-cử, song cũng là bị «truyền-nhiệm» ở một hạng người, mà hóa ra ai ai cũng gây thành một cái quan-

giác về văn-chương riêng, nên đối với bài văn nào cũng muốn bắt phải theo quan-giác của mình mới vừa ý, hễ bài nào không hợp với quan-giác thời tiện - thì cho là không hay không thích, không thêm thưởng - thức, mà không cải - cách hành-vi. Cũng bởi thế mà từ khi có báo « quốc-văn » đến giờ, biết bao là mục-đích là tinh-tinh bàn đi nói lại nhiều lần, mà quốc - dân cũng không thấy thực - hành hành - cải, nói cho phải là bởi cái văn-chương là một món giải-trí mà thôi.

Nói tóm lại thời hư-văn là cái văn chỉ cầu công-xảo ở từ-chương cú-cách, nên dù có bao-bọc ít nhiều chân-lý tưởng. song cũng bị một thứ gió riêng « cảm-mĩ » nó làm cho rung - động thần - kinh trong khoảnh-khắc rồi tan đi ngay. Còn văn thực thời nó mãnh-liệt ở tư - tưởng, tư-tưởng mà mãnh-liệt thời những dây buộc tư-tưởng ấy tự-nhiên cũng phải khỏe bền; cho nên người mình bây giờ phần thời đã sẵn có cái quan-giác về hư-văn như trên đã nói mà không có cảm-tình với lối văn Tây ngày nay, nên không mở lòng ra mà đưng lấy cái phong-vị trong bài, phần thời bởi cái kho tâm - não còn hẹp hòi không thể mở ra mà chịu đưng nổi cái phong-vị trong tư - tưởng - giới ngày nay mà gây thành thực hành-giới; vì nó có cái nguyên-động-lực mạnh lắm, thường đâm thẳng vào tận trong cùng trái tim người ta, vào đến đó tức thì nổi lên một trận trào-lưu đưa đi khắp các mạch máu để nuôi cho người ta thành cái sức mạnh để mà thân-

thể lực-hành; cũng khác nào như một thứ rượu mạnh, người khỏe-mạnh thời uống được nhiều, người yếu-đuợc ít thời uống được ít hoặc không uống được. Vậy thời người n - nhất lấy ở tinh thần cho khỏe để uống cho được n chất mạnh của văn-chương. Thái-Tây cùng là cổ-văn-minh Đông-Á vậy.

Mong cho bài này khởi sinh ác-cảm: về các bạn Hán-học ta, thì bỉ-nhân xin dẫn một đoạn « luận-văn » trong sách « tinh-lý »; xem đó thì biết rằng không những bây giờ ta thấy văn Tây mới rõ cái tệ hư-văn của ta về cận-đại.

«Hoặc có kẻ hỏi thầy Trình-tử rằng: «Làm văn có hại đạo không? — Thầy nói: — Hại! phạm làm văn không chuyên-ý thời chẳng được khéo, mà chuyên-ý thì chi-cục ở đó, sao cùng trời đất cùng tạo-tát vậy. Kinh Thư rằng «chơi vật mất chí», làm văn cũng tức là chơi vật vậy. . . . Ngày xưa đi học là cốt nuôi tinh-tinh, ngày nay không rồi học gì, nay kẻ làm văn chuyên ở chương-cú để cho vui tai mắt người, có khác gì trò phường chèo không? — Lại hỏi: Thế cô-nhân có học làm văn không? —Thầy nói: — Ai cũng bảo trong Lục-kinh thánh-nhân cũng làm văn đó; song không biết rằng thánh-nhân cũng là khai-phát những lẽ uẩn-tàng ở trong bụng mà thành văn đấy thôi, nghĩa là hễ có đức thì tức có văn vậy.»

# VĂN-UYÊN

## THƠ TÀU

(ngôn cổ-phong)

Nghĩ-tiền (Hai bài)

擬古

Đào-Tiền, hiệu là Uyên-minh,

人陶潛字淵明)

### BÀI THỨ NHẤT

Miền đông có một bác,  
Bốn mùa áo vải khoác.

東方有一士。

被服常不完。

Gạo ăn nửa tháng vay,  
Mũ đội một năm toạc,

三旬九遇食。

一年著一冠。

Tung-tiu không ai bằng,  
Nét mặt vườn tươi tốt.

辛苦無與比。

尚有好容顏。

Bác ấy người thế nào?

Ta lợi sông sang xem.

我欲觀其人。

晨去越河關。

Thông tốt xanh um ngô,

Mây quanh trắng xóa thêm.

青松夾路生。

白雲宿檐端。

Bác cũng hiểu ý khách,  
Cho khách nghe tiếng đàn.

知我故來意。

取琴爲我彈。

Tiểu-tao chành ngón hạc,  
Nhân-nhã nhẹ dầy loan.

上絃驚別鶴。

下絃操孤鸞。

Ước gì chơi với bác,  
Giống-dã một năm tròn.

願留就君住。

從今至歲寒。

### Lời giải kièm lời bình

Thơ này là thơ nghĩ-nghĩ thiết-tưởng ra một người cao-hiền, đở ngu cái ý cao-thượng của mình, thuộc về mối an-lạc; an-lạc nghĩa là yên về cái cảnh-ngộ bản-khôn, mà vui về cái chí-thú cao-siêu. Xét ra, ở đời thiếu gì người túng-tũ, túng-tũ mà nét mặt vườn tươi-tốt mới khó; nhưng phải biết rằng nét mặt sở-di vườn tươi-tốt được, là vì trong mình đủ có đạo-đức hơn người, thì tự-nhiên cho công-danh là cái muối, cho phú-quí là cái lóng; nếu không thế, sao thầy Nhan-Hồi ở trong ngô hẹp, mà ngày tháng vườn vui? Nay xét trong lịch-sử người cao-sĩ này, lấy thông lấy mây làm sinh-nhai, lấy ngón đàn làm vận-sự, phong-lưu lắm! đời-dào lắm! Túng-tũ gì đâu; cho mới biết gạo thiếu mà ruột vơi, còn hơn gạo thừa mà lưng gầy, mũ rách mà ngất-ngưỡng, còn hơn mũ lành mà khúm-núm; áo vải mà sạch-sẽ, còn hơn áo gấm mà bẩn-dơ. Cụ Đào-Tiền ở về đời Tấn-Tống, cuộc chinh-trị đương tanh-bành, đường đạo-đức đương võ-lở; nếu cụ cũng bắt chước như ai, thì cũng chẳng nghèo. Duy cái gánh cương-thường luân-lý ở đời bấy giờ, không ai gánh nổi, chỉ có chú bản-quí là gánh nổi. Bản-quí! bản-quí! người ta ai cũng ghét mây, mà quân-tử cũng có lúc phải yêu mây; thế-gian ai cũng chán mây, mà xã-hội cũng có lúc phải quý mây!

### BÀI THỨ HAI

Quang trời buổi chiều mát.

Hay-hảy quạt xuân-phong.

日暮天無雲。

春風扇微和。

Ái tố đêm thanh hát,

Rượu đến sáng càng nồng.

佳人美清夜。

達曙酣且歌。

Hát xong ngồi thở than,

Vấn dài lòng bạn lòng.

歌竟長歎息。

爲此感人多。

Nguyệt nhơn-như vẻ ngọc,  
Hoa chấp-chơi màu hồng.

皎皎雲間月。  
灼灼葉中花。

Đêm xuân cuộc hành-lạc,  
Chừng có được lâu không?

豈無一辰好。  
不久當如何。

Lời giải kèm lời bình

Thơ này cũng là thơ nghi-nghĩ thiết-tưởng ra một trường mai-tiểu ở trong cuộc du-xuân, thuộc về mối cảnh-thế; nghĩa là răn đời không nên chìm đắm về những sự vô-ích. Đây, chiều mát đi chơi xuân, đêm thanh nghe giọng yến, lại chén quỳnh diu-dật, lại câu chuyện ni-non, lòng đầy lòng đầy, tờ vương thắc-mắc, còn gì thú hơn nữa. Nhưng phải biết rằng đêm xuân cuộc hành-lạc, vui thì vui thật; nhưng mà trăm nghìn ở trong tay, chỉ để một trận cười là hết; khi đã hết rồi, có vui được thế nữa không? Hồi-tưởng lại cái vẻ ngọc của chị nguyệt, cái màu hồng của ả hoa, nhơn-như cũng là nhơn-như hào, chấp-chơi cũng là chấp-chơi chạy đó mà thôi: vô-ích! vô-ích! Cụ Đào là bậc cao-siêu, nhưng xem đây thì cụ Đào cũng hơi có màu văn hiếu-sắc; cụ Đào là người thanh-tĩnh, nhưng xem đây thì cụ Đào cũng hơi có vẻ bút đa-tình. Duy, cái người cao-siêu, mới tả được cái cảnh nguy-hiềm trong làng sắc; cái người thanh-tĩnh, mới thấu được cái dây khờ-nhục trong cõi tình.

Uống rượu

(Của ông Đào Tiềm)

Làm nhà chen cõi tục,

Xe ngựa đó mà chi.

結廬在人境。

而無車馬喧。

Sao tục mà không tục?

Lòng tiên, cõi tục gì.

問君何能爾。

心遠地自偏。

Vườn đông ra hái cúc,

Kìa kìa núi Nam kia.

採菊東籬下。

然悠見南山。

Sắc đẹp mây chiều tuôn,  
Chim bay riu-rit về.

山氣日夕佳。  
飛鳥相逐逐。  
nhất lấy ở

Cái thú riêng biệt thú  
Toan nói cùng ai nghe.

此中有真趣。  
欲辨已忘言。

Lời giải kèm lời bình

Thơ này là thơ nhân khi uống rượu mà viết câu thơ, thơ này nghĩa tình lắm, ý cao lắm. Thu về mỗi tự-giác tự-tin, tự-thích tự-nhân. Đây, làm nhà chen-chúc ở trong cõi trần-tục, thiếu gì là xe xe ngựa ngựa, mà tại kẻ tinh-tu vườn không nghe thấy có tiếng âm-âm; có sao ở trong cõi tục, mà không nghe thấy tiếng tục? Bởi vì trong lòng mình học đạo đã nhập-tiên, thì cái cõi mình ở nó cũng theo lòng mình mà nó biến ra cõi tiên, nó không tục nữa, đó là nghĩa tam-giới duy-tâm của nhà Phật. Ông Âm-Băng đã từng đem cái hoa đào ra mà thi-dụ rằng: « Hoa đào đối với nhân-diện, thì là hoa đào ái-luyến; hoa đào đối với lưu-thủy bích-sơn, thì là hoa đào thanh-tĩnh. » Thơ này chính là nghĩa ấy. Lại như khi ra vườn đông đi hái cúc, trông thấy cảnh Nam-sơn, mây tuôn dâng chiều, chim bay về núi, thú-vị đường nào; nhưng cái thú-vị ở trong ấy, là cái thú-vị tự-nhiên, cái thú-vị chân-thực; thân này cảnh ấy, đã vào đến cõi trong-vong; toan nói ra cho rõ, nhưng cũng không có thể nói ra cho rõ được. Thơ cụ Đào có tiếng là dễ-dãi nhưng thơ này xem ra thì hay lắm, mà lạ lắm! Thơ cụ Đào có tiếng là nhạt-nhẽo, nhưng thơ này xem ra thì bùi lắm, mà béo lắm!

Tống-biệt

(Của ông Vương-Duy, hiệu là Ma-ước, đời Đường.)

(唐人王維號摩詰)

Xuống ngựa chúc rượu bác,

Hỏi bác đi đâu đây?

下馬飲君酒。

問君何所之。

Bác nói tôi bực mình,

Về khềnh núi Nam này.

君言不得意。

歸臥南山陲。

Cứ đi không hỏi nữa,

Trắng xóa tha hồ mây!

但去莫復問。

白雲無盡時。

Lời giải kiếm lời bình

Thơ này là thơ gặp người thân-hữu nghĩ quan đi về núi ở Cao-trường, mà tặng-biệt mấy câu thơ, thuộc về thể biệt tặng-ngôn. Những câu thơ ng-ngữ rất vô-vị, nhiều câu hay lắm. Như câu "Bể trôn" ở vế trên, "Tặng sứ một cành xuân."

山贈一枝春。 (Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?)

Đến vế dưới, "vị đường nào! Cao-thượng đường nào! Ở đây gặp người tri-kỹ ở giữa đường, vội-vàng ở trên xuống, vào hàng rượu, mời bạn đi đâu. Nếu người bạn đáp được cái-bỏ huyện nhỏ sang huyện xấu, phên này là phên tôi chi đây", thì ông Vương Ma-Cật chắc có câu tặng-ôn mà răn mắt cho bạn rằng: « Ai ốm đừng hỏi

Trắng xóa tha hồ bạc » Duy người bạn đáp lại rằng: « Tôi bực mình về nỗi người thẳng đồng-sự với người cong, không có thể làm ơn cho dân được, thả tôi về nằm khênh ở trong cõi Nam-sơn còn hơn »; cho nên ông Vương Ma-Cật có câu tặng-ngôn để chúc mừng cho bạn rằng: « Cừ dỉ không hỏi nữa, Trắng xóa tha hồ mây! » Dịch-giã dịch đến thơ này, lại nhớ đến thơ người cao-sĩ đời Lục-Triều là ông Đào Hoàng-Cảnh, cũng có câu rằng « Vui gì mà ở non cao? Mây tuôn trắng xóa ta nhiều sự vui. Ta vui ta chỉ ta vui, Yêu ai ta xẻ cho ai được nào.

山中何所有。嶺上多白雲。只可自娛悅。那堪持贈君。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Chao-ôi! Cái mây trắng xóa kia, chỉ sớm ngày mây ẩn-hiện ở đầu non, chiều đến mây tiêu-dao ở sườn núi; có đem mây ra mà gỡ nợ được không, mà tạ nhà tạ ruộng, sắm xe sắm ngựa được không? Hay là chỉ dùng mây làm cái tài-liệu cho mấy câu thơ do-thượng thuận-khiết để truyền lại cho người sau đây thôi; sao cô-nhân ham-mê lắm vậy, vui-thú lắm vậy?

山 中 何 所 有 。 嶺 上 多 白 雲 。 只 可 自 娛 悅 。 那 堪 持 贈 君 。

Tùng-Vân đạo-nhân  
NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

THƠ LAI - CẢO

Thăm nhà Giám

Cổ-tích Thăng-long cảnh quạnh tra,  
Kìa nhà Giám-học Lý-triều xưa.  
Sông Thù mạch đạo từng khơi đó,  
Doanh Nhị nguồn văn lẽ lấp ư?  
Hai dãy danh-bi rêu mốc-mác.  
Một vùng cỏ-thụ lá lơ-thơ.  
Nghìn năm văn-hiến hồn đây tá?  
Khiến khách bi-thu lưỡng thần-thờ!

Chơi chùa Hương

I

Hương-sơn ao-rước bấy lâu nay,  
Non nước chờ ai đã bấy chầy.

Nào khách Động-đào ra hỏi lối?  
Xin mau mở khóa rẽ đường mây.

II

Lòng trần từ đây nhẹ thênh-thênh,  
Cảnh lạ qua xem động mỗi tình.  
Nhấn-nhủ rừng mai tiên-khách biết,  
Mấy lời ghi đề tạ sơn-linh.

Bình-lãng NGUYỄN NẴNG-LỰ

★  
★

Cuối thu

Quả đất xoay vần chóng thế a,  
Lần-lữa nay đã sắp thu qua.  
Ngàn dâu lác-đác vàng pha lá,  
Rậu cúc lơ-thơ tuyết diềm hoa.  
Trắng xóa đầu non làn khói tỏa,  
Đỏ lừ mặt nước cánh phù-sa.  
Gió đưa bát-ngát tin đông lại,  
Kìa mấy cánh mai đáng thướt-tha.

Cảm-hứng

Kìa bóng quang-âm thoáng-thoáng qua,  
Ta ngồi ta nghĩ ngán cho ta.  
Bốn phương cung-kiếm duyên chừa hẹn,  
Cái mặt phong-trần trắng sạm pha.  
Danh-lợi con đường ghê gót bước,  
Văn-chương vãi đoạn hạt châu sa.  
Hiếu trung một gánh vai còn nặng.  
Tuổi đã hai-mươi đầy đó mà.

Thọ-vực NGUYỄN XUÂN-ĐÀI

..

Ngũ canh

I

Ác lặn non đoài, cảnh nhá-nhem,  
Sao thưa nhấp-nhoáng bóng lim-dim.  
Gió đưa vườn cảnh rung-rinh lá,  
Trắng dọi hiên hoa lấp-ló rèm.  
Mờ-mịt đầu nhà mầu tỏa khói,  
Nhật thừa sườn núi tiếng gù chim.  
Giàu nghèo được lúc vừa ngơi việc,  
Trò chuyện vui vầy giấc ngủ êm.

## II

Bốn phương phẳng lặng cảnh trời thanh,  
 Trống điểm hai dùi đã giở canh.  
 Đường vắng người đi nhà khóa chặt,  
 Lầu treo nguyệt đứng bóng xiên chênh.  
 Gọi nhau ngoài ruộng tuần sồi ốc,  
 Cầu Phật trên chùa tiểu tụng kinh.  
 Bụi tối lập-lòe đùa lửa đóm,  
 Phòng riêng cô-khách nào chung-tình.

## III

Trống thành vừa thấy điểm ba dùi,  
 À nợ đêm thanh đã nửa rồi !  
 Hồn khách bàng-khuảng tiên giấc mộng,  
 Bóng Nga tha-thướt vẻ lưng trời.  
 Gió rung cây rợn mình nghiêng rủ,  
 Sương đượm hoa đua miệng mỉm cười.  
 Đèn hạnh chấp-chờn trên án sách,  
 Như trêu như ghẹo một mình ai.

## IV

Non thần phẳng-phất khách còn mơ,  
 Vắng đã nghe dùi trống điểm tư.  
 Mặt nước trắng tà làn sóng dậy,  
 Lưng trời mây tụ vẻ sao thưa.  
 Gió lay tỉnh giấc chim xao-xác,  
 Sương phủ mờ đường vạc thần-thơ.  
 Một góc trời đông hây sắc lạ,  
 Tiếng gà giục khách chớ say sưa.

## V

Hồn mai chợt tỉnh khách thối nằm,  
 Ngồi dậy đã nghe trống điểm năm.  
 Đầu núi lơ-mờ vừng <sup>đầy</sup> nhất <sup>lấy</sup> <sup>ở</sup>  
 Ngọn cây lóng-lánh <sup>thứ</sup> <sup>thứ</sup> <sup>thứ</sup>  
 Riu-ran loài điều trên nhánh hót,  
 Lúi-húi nhà nông dưới <sup>vòng</sup> <sup>chả</sup>  
 Gà gáy tan canh mừng <sup>chả</sup>  
 Trên đường hành-khách <sup>chào</sup>

## Nợ đời

Con Tào trêu người lăm miếng cá  
 Nợ đời trả hết lại xui vay.  
 Viết phăng vắn-tự đem trời bán,  
 Thèm chịu giang-hồ túng đất xoay.  
 Vai chắt quân-thân đôi gánh nặng,  
 Túi lèn thao-lược một xoang đầy.  
 Nay mai bước tới nền chung-đỉnh,  
 Cái nợ trần-hoàn rũ trắng tay.

## Rượu thu chơi trăng

Đêm thu vắng-vặc tiết trời quang,  
 Đối nguyệt như vui tặc dạ vàng.  
 Vẻ ngọc trời-vời lồng đáy chén,  
 Sóng ngân lai-láng lộn mùi hương.  
 Tươi màu hoa cỏ vòng gương  
 Tỏ mặt non sông khắc-lậu trơ  
 Ướm hỏi chị Hằng nay mấy tuổi ?  
 Ra đời trải đã mấy tang-thương ?

Thuật-Quang NGUYỄN HÙNG-TÀI

Bản-chi tiếp được nhiều ngài có bụng yêu lai-cảo để làm dư-luận công-bổ cho duyệt-giả chư-tôn đồng-lâm. Song vì kỳ này nhiều bài quá, không thể đăng hết được. Vậy xin cứ bài lai-cảo nào đưa trước thì đăng trước, còn sẽ cứ theo thứ tự lục đăng dần dần, xin các ngài lượng biết cho.

TIỂU - THUYẾT CỔ

LINH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XVI



PHẢI THƯ XVII

Mượn chuyện công, xin đi đánh giặc  
[báo thù,  
Bị ghen công, phải tạm rút binh về  
[trại.

Nói về Lý công-chúa nghe Mai Anh nói xin trở về sơn-trại, bèn sắp sửa bày tiệc đề tiên-hành. Chợt thấy một người chạy lại trước dinh, quì trước mặt Mai tiêu-thư, phục xuống khóc òa lên. Mai tiêu-thư vội nhìn ra thì là Trương Chí-Long, liền đỡ dậy mà rằng:

— Chẳng hay anh có việc gì cứ nói lên, chớ đừng khóc thảm thương làm vậy.

Chí-Long nói :

— Nay tuy rằng chồng em tôi đã khỏi oan-ngục rồi, nhưng còn nỗi đau của một nhà Chí-Long này, chưa báo được một chút nào. Vậy xin phiền-muội nghĩ thương đến em tôi gặp nỗi đấng-cay, xin cho mượn quân hùng-binh để đi báo-thù cho em tôi với.

Phùng-Ngọc nghe nói, cũng giãm chân cả khóc. Lý công-chúa và Mai-Anh vội vàng đứng dậy ngảnh lại hỏi Mai tiêu-thư rằng :

— Vị kia là ai đó vậy ?

Mai tiêu-thư nói :

— Vị này là linh - huynh Trương Quý-thư ở thôn Mai-hoa đó.

Mai tiêu - thư nói rồi bèn thuật-chuyện lại khi gặp ông lão-nhân, và

đánh giết Nhiều Hữu cứu cho Chí-Long rồi cùng nhận làm anh em, các việc đầu đuôi như thế nào đều thuật lại một lượt. Mai Anh liền ngảnh lại Phùng-Ngọc mà rằng :

— À ra tình-tiết như thế này, sao không báo sớm cho tôi biết ; ngày mai tôi xin đem một đội quân đi đánh phá tan giặc Hỏa-đái, để báo-thù cho chồng chị tôi mới được.

Lý công-chúa nói :

— Đại-vương mới kết-hôn với xá-muộn, ngày mai nên đưa xá-muộn cùng về Thiên-mã trước ; còn việc báo-thù để tôi xin đảm-dang.

Phùng-Ngọc nói :

— Nhạc-gia tôi, cả nhà gặp phải phen thảm-độc này, tôi vẫn muốn nói đề đại-vương và công-chúa biết, và xin binh đi báo-thù. Song lại nghĩ đến binh tướng hai trại chỉ vì Phùng-Ngọc này mà đã phải bấy lâu lao-khổ ; nay mới được cỗi-giáp, mà lại làm phiền phải động-binh, nên Phùng-Ngọc này không muốn khai-xỉ nói ra vội. Bây giờ đại-vương và công-chúa đã có bụng hưng-binh báo-thù, nhưng tôi xin đại-vương không phải thân-chính làm chi, chỉ xin hai trại cho tôi tá-binh độ ba vạn, với vài viên đại - tướng, để cho Phùng-Ngọc này tự đem đi đánh giặc Hỏa-đái, phá tan thành-lũy nó đi, để báo-thù cho nhạc-gia tôi mới nghe.

Mai Anh nói :

— Hoàng-công chớ có khinh giặc.

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

Tôi nghe quân giặc Hỏa-dái nó hung-bạo dị-thường, phải nên đem đại-binh đảo-phá nó đi mới được.

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi nghe : Binh quý tinh bất quý đa, quân giặc Hỏa-dái kia chẳng qua là quân ô-hợp, nếu ta đem quân có tiết-chế lại đánh, thời cũng như rung khô đập bụi mà thôi, xin đại-vương chớ lo. Nhưng phải nên bằm trước lên quan Tuần-phủ, xin cấp cho binh-phủ và ít nhiều thuyền bè, để cho đi đến những chỗ quan-tân ải-khẩu không có điều gì trở ngại mới được.

Đương lúc thương-ngộ thì thấy có thám-mã chạy vào trước dinh báo tin rằng : « Quân giặc Hỏa-dái thấy quân-ta kéo đi vây đánh tỉnh-thành, nó thừa-thể kéo tràn ra đánh phá Long-xuyên, Hà-nguyên mọi huyện, nay đã kéo tràn đến Thác-viên rồi. » Phùng-Ngọc nghe tin báo giờ tay lên chân mà rằng :

— Ấy là trời giúp ta thành-công đó !

Mai Anh hỏi :

— Chẳng hay sao lại biết trước được như vậy ?

Phùng-Ngọc nói :

— Đại-vương tuy đã qui-hàng rồi, song quan dân chắc là chưa có bụng tin hẳn ; nay lại vì sự tu-cứu của Phùng-Ngọc, dấy binh đi đánh nơi xa, thời họ hẳn là nghi ngờ. Gì bằng nhân cái cơ-hội này, mượn việc công để xin giúp đỡ, không những là khỏi lòng nghi-hoặc của họ, mà lại mong được họ giúp cho lương-thảo nữa, há chẳng phải là trời giúp đó hay sao !

Phùng-Ngọc nói rồi, lại ngảnh lại Mai tiểu-thư mà hỏi rằng :

— Chẳng hay ngày trước vào thành nói với quan Tuần-phủ mà giảng-hòa ấy là vị nào vậy ?

Lý công-chúa đáp rằng :

— Vị ấy là tước-phụ của thiếp tên là Đặ-g Bru.

Phùng-Ngọc liền sai người mời Đặ-g Bru đến, thi-lễ mời ngồi xong,

Phùng-Ngọc nói :

— Nay Phùng-Ngọc muốn đi thần-chinh giặc Hỏa-dái, chỉ cần quan Đặ-g phủ ngân-ngạn không đầy cho. Nay nghe tin quân giặc bắt lấy ở ba huyện, tôi muốn mượn một vào yết-kiến quan Tuần-phủ nói cho tôi đi đánh giặc đi. Thời công, thời họ ắt là nghe. Tiện lại xin quan giúp cho lương-thuyền bè thì hay lắm.

Đặ-g Bru vàng mệnh lui ra, liền ngựa đem theo một người hầu đi vào tỉnh-thành.

Nói về Đới Tuần - phủ nghe tin giặc Hỏa-dái nổi nên, rất lấy làm kinh-sợ, muốn đem quân đi đánh dẹp, thì lại sợ quân trại Thiên-mã, trại Gia-quế hẳn còn đóng ở Hoa-huyện, sợ họ thừa-hư vào đánh úp lấy tỉnh-thành chẳng. Nếu không đi ứng-cứu thì lại sợ Huệ-châu thất-thủ, không phải là việc vừa. Đương lúc hoang-mang, chợt thấy báo tin có Đặ-g Bru ở trại Gia-quế đến yết-kiến. Đới Tuần-phủ liền sai mời vào nhà nội-đường, thi-lễ xong, Đới Tuần-phủ hỏi rằng :

— Chẳng hay tước-hạ bao giờ đến son-trại ?

Đặ-g Bru nói :

— Chúng tôi định đến ngày mai cáo-từ đại-nhân xin đem quân trở về son-trại. Song chủ-công tôi là Hoàng Phùng-Ngọc nghe tin quân giặc Hỏa-dái nổi lên đánh phá Long-xuyên, Hà-Nguyên mọi huyện, khi-thể nó rất xương-cuồng. Nên chủ-công tôi muốn mượn và vận quân của hai trại, đem đi đánh quân giặc ấy để báo-hiệu. Bởi vậy mới sai Bru này đến để bằm-mệnh với đại-nhân, và xin đại-nhân cấp-phó cho thuyền-bè lương-thảo.

Đới Tuần-phủ cả mừng mà rằng :

— Nay Phùng-Ngọc hay vị triều-dinh xuất-lực, sau khi lập-công, bản-

chức sẽ tâu về triều-dinh cho. Còn như cần-nhu nh<sup>ư</sup> vật gì, bản-chức đều c<sup>h</sup> -phó<sup>h</sup> sát về vi<sup>ệ</sup>nh.

Đã<sup>h</sup> -ên dự lễ Đới Tuần-phủ đã y<sup>h</sup> tron<sup>g</sup> ; sau đó-từ trở ra về phục<sup>h</sup> -phái<sup>h</sup> cho Phùng - Ngọc biết. Phùng-<sup>h</sup> ma<sup>h</sup> ở<sup>h</sup> mình về liền cùng với Mai Anh<sup>h</sup> -n phải<sup>h</sup>. Trại Thiên - mã thì<sup>h</sup> -n ch<sup>u</sup> -phó<sup>h</sup> tướng hai người :<sup>h</sup> tá<sup>h</sup> Nhân-Dịch và Trần Long. tinh-<sup>h</sup> ba vạn ; Trại Gia-quế thì lưu lại<sup>h</sup> -h-tướng hai người : Mã Tấn và Đan Dũng, và cũng để lại ba vạn tinh-binh. Lập - tức ngày hôm ấy Phùng-Ngọc đem Lý công-chúa và Mai tiêu-thư, từ-biệt chur-tướng, rồi phát hiệu súng đem quân lên đường. Mai Anh tiến đi một độ đường rồi lại trở về huyện - thành, sai Tống Kim-Cương vào tỉnh-thành nói cáo-từ với Đới Tuần-phủ, rồi cùng với Nguyệt-Nga kéo quân về sơn-trại. Đặng Bưu từ khi cáo-từ Đới Tuần-phủ ra về đã sai người đi dò xem kết dich rằng Đới Tuần-phủ đã sai quan Du-kích Trần Văn đi vận lương để trợ-cấp, và sai am-tướng Lý Ứng-Tướng đem 5000 quân làm sách-ứng. Đặng Bưu than

— Hay dầu Đới Tuần-phủ mở lòng thành-thực công-minh thế này, thực là người nhân-dục lắm !

Nói rồi, bèn truyền nh<sup>o</sup> trại đem quân về Gia-quế.

Phùng-Ngọc thời từ Hoa-huyện kéo quân đi, khi đến cảng Mộc - thông, chia quân làm thủy lục hai đường đều tiến lên, và sai Thiên-lý-câu Trần Long đi lên trước thám - thính quân giặc xem còn đóng ở Thác-viên không, thì phải trở về tốc-báo. Trần Long liền lĩnh-mệnh ra đi.

Nhắc lại Hà Túc-Tượng từ khi ở thôn Mai-hoa phải Mai Tiêu-thư đã cho một quả dấm, vội vàng bỏ bọn du-côn vô-lại chạy trốn về nhà, nằm liệt

trên giường đến nửa tháng không dậy được. Bọn vô - lại ấy về sau thám biết được tin Nhiều Hữu phải anh chàng con trai hôm ấy đã chết rồi vớt thây vào lửa đốt đi mất. Còn Trương Chí-Long thì không biết trốn đi đường nào. Chúng vẫn tưởng rằng người con trai gặp hôm ấy ắt là ở trại Gia-quế xuống mới có cái thủ-đoạn ấy, thế thì Chí-Long hẳn là trốn theo về ở đấy, bèn bỏ Chí-Long không theo nữa, liền trở về xui giục vợ Nhiều Hữu đến nhà Hà Túc-Tượng mà tìm chồng. Túc-Tượng nghe tin cả kinh, hoang-mang trở dậy đi tìm bọn du-côn vô-lại ấy đến, thương-nghĩ rằng :

— Từ khi tôi phải cái thảng con trai hôm ấy thui phải một quả dấm, đau không thể chịu được ; nên phải liều bỏ chúng bạn mà trốn đi về trước, nằm liệt trên giường đến hơn nửa tháng trời ; từ đấy đến nay không thấy Nhiều tiên-sinh về đến đây ; tôi vẫn tưởng rằng ông ấy ở nhà có mắc bận việc gì, ai ngờ rằng bà vợ ông ấy nay lại đến nhà tôi tìm ông ấy, bảo rằng từ hôm ông ấy ra đi đến nay không thấy trở về nữa, chẳng hay vì tại duyên-cớ nào sao ?

Bọn du-côn giả-cách kinh-hãi mà rằng :

— Việc ấy mà anh không biết ư ! Túc-Tượng nói :

— Chẳng hay có việc gì vậy ?

Bọn du-côn nói :

— Nhiều Hữu đã phải Trương Chí-Long cùng với hai người con trai hôm ấy đánh chết, đem vớt vào lửa thiêu đi rồi !

Hà Túc-Tượng nghe nói thất-kinh, hồn vía lên mây, vội nèo giữ lũ du-côn lại mà rằng :

— Nếu như thế thì bây giờ nói trời làm sao để bảo bà vợ ông ta được ?

Xin các anh nghĩ cái tình trạng-xử  
xưa nay với nhau mà vẽ bảo cho tôi  
với nao !

Khi ấy trong bọn du-côn có đứa  
bảo : « Cứ nói dối bà ta rằng ông ấy đi  
đến chơi nhà anh em bạn không được  
biết. » Có đứa bảo rằng : « Kể ấy không  
được, nói dối như thế chỉ được một  
vài tháng mà thôi, chớ nói dối được  
hai ba năm hay sao ; vạn-nhất sự ấy  
lộ ra, thời họ bảo bọn chúng mình tri-  
tình mà ăn-mặc đi, rồi thì can-liên đến  
cả bọn mình không thể gỡ ra được. Gì  
bằng cứ đồ riệt ngay cho Chi-Long,  
bảo rằng Trương Chí-Long lừa dụ ông  
ta đến thôn Mai-hoa, rồi xui bọn lâu-  
la ở trại Gia-quế giết chết ; để cho họ  
cứ đi truy-tầm Trương Chí-Long, họ  
đi truy-tầm Chi-Long, thời bọn chúng  
mình thoát khỏi can-hệ ». Khi ấy trong  
bọn du-côn lại có một đứa tên là Mao  
Diện nói rằng :

— Cái kế ấy cũng không xong, chính  
ngày hôm ấy Hà-huynh rủ chúng ta  
đi bắt Trương Chí-Long, nào là vác  
sào vác gậy, từ-lân đều biết cả ; vạn-  
nhất mà có người giác chuyện ấy ra,  
hắn là bị quan-phủ tróc-vấn, bảo rằng  
lũ chúng mình tụ-chúng hành-hung,  
ngày hôm ấy đi làm việc gì, thời ta  
thử hỏi các anh đáp lại ra làm sao ?

Chúng đều cười mà rằng :

— Ủ, anh nói phải lắm, thế thời  
làm thế nào bây giờ ?

Mao Diện nói :

— Đã nói thì cứ nói thực cho anh  
ấy biết, chỉ có một điều là phen này  
Hà-huynh muốn tiếc tiền cũng không  
được nào !

Hà Túc-Tượng nói :

— Thôi, tôi xin nhờ các anh bàn tính  
hộ cho, giá có tổn độ mười lạng hay  
trăm lạng bạc, tôi cũng không dám tiếc.

Mao Diện nghe nói liền lắc đầu mà  
rằng :

— Các anh chẳng biết đây ư, tục  
ngữ có câu rằng : « *Tuyệt nhà ai  
nhà ấy quét, giọt sương, đây ch má  
nhà người* ». Thôi việc này nhất lấy  
đề mặc nhà người lo »

Mao Diện nói rồi liền chấp tay  
một cái mà rằng :

— Thôi tôi xin kiếu !

Nói rồi liền quay mình toan đi  
lui. Hà Túc-Tượng vội vàng nắm gi  
lại mà rằng :

— Tôi không hiểu tại tôi nói thế nào  
mà Mao-huynh lại lấy làm quái-lạ làm  
vậy ?

Mao Diện nói :

— Việc này sự-quan nhân-mệnh có  
phải chơi đầu, giá bỏ ra đến bốn năm  
nghìn lạng bạc, hồ để lo liệu đã xong,  
thế mà anh lại bảo tổn độ mười lạng  
hay trăm lạng, sao anh lại coi khinh-  
thường thế ; nếu tôi không lui về, thời  
anh lại bảo lũ chúng tôi chỉ nói dạm-  
dọa anh đấy thôi.

Nói rồi, Mao Diện lại chực tháo lui.  
Túc-Tượng ngăn giữ cả bọn lại, rỏ  
nước mắt ra tầm-tã mà rằng :

— Xin mời các anh hãy thư-tha nể-  
tính hộ cho, nếu lo được cho trôi chảy  
vô-sự, thời dẫu tổn đến ba nghìn lạng,  
tiền-đề cũng xin đề mặc các anh lo-  
liệu hộ cho.

Mao Diện thấy Hà Túc-Tượng đã có ý  
lo sợ, bèn dừng chân đứng lại mà rằng :

— Nếu anh đã chịu tổn bỏ tiền-bạc  
ra, thời lũ chúng tôi xin giùm giúp cho  
anh vô-sự. Nhưng bây giờ anh em  
chúng ta phải đến trước mặt bà Nhiều  
Hữu nói rõ sự-tình, để xem bà ta nói  
ra làm sao, rồi cả chúng ta tùy-cơ ứng-  
biến mà lo-liệu hộ cho Hà-huynh  
mới được.

Chúng đều đồng-thanh mà rằng :

— Mao-huynh nói phải đấy !

Nói rồi, chúng đều đồ xô lại sắp sửa

tiến vào nói đường để chào hỏi vợ  
 Nhiều Hữu <sup>có hai</sup> ấy vợ Nhiều Hữu  
 phượng <sup>đi về</sup> việc mẹ Túc-Tượng ngồi  
 nói trong <sup>trên</sup> sự lệ đường, trông thấy  
 phải <sup>đi</sup> bạn vào, hai người  
<sup>chạy</sup> vào phòng.  
<sup>chạy</sup> về với vợ Nhiều Hữu lại mà  
 phải

Nhiều đại-tầu, chúng tôi có câu  
 huyện này xin nói để bà chị nghe.

Wợ Nhiều Hữu liền trở ra chào qua  
 một lời mà hỏi rằng :

— Chẳng hay các chú có câu chuyện  
 gì vậy ?

Mao Diện nói :

— Chúng tôi không dám nói giấu  
 gì bà chị vì tháng trước Hà - huynh  
 định đến thôn Mai-hoa bắt một người,  
 có rú anh em chúng tôi và cả Nhiều  
 đại-huynh cùng đi. Không ngờ rằng  
 người ấy nó dụ quân lâu-la giết chết  
 mất Nhiều đại-huynh, nó lại đem đốt  
 hết cả hội-cốt đi ; chúng tôi sợ bà  
 không biết chẳng, nên chúng tôi lại  
 nói để bà biết.

Ồ nhiều Hữu nghe nói, cười mà  
 nói :

— Các chú sao nói đùa làm chi  
 vậy, đương buổi đời thanh-bình yên  
 lặng này, lẽ nào lại có bọn lâu-la ở  
 đâu này ra mà dám bạch - nhật sát-  
 nhân phóng-hỏa ?

Mao Diện nói :

— Sự-quan nhân-mệnh, chúng tôi  
 sao dám nói đùa ; nếu bà chị không  
 tin, sau này bà chị đừng trách chúng  
 tôi là không mách-bảo.

Wợ Nhiều Hữu cả kinh mà rằng :

— Thế thì những ai chứng rõ việc ấy?

Chúng đều nói :

— Lũ chúng tôi đều trông thấy rõ  
 cả.

Wợ Nhiều Hữu nghe nói bèn la ầm  
 lên, lặn ngay vào lòng Túc-Tượng vừa  
 kêu vừa khóc mà rằng :

— Ôi trời ơi ! nào chồng tôi đâu,  
 trả chồng tôi đây ! rõ ràng chồng tôi  
 ở nhà anh, sao anh lại dụ chồng tôi  
 đi đâu, để cho người ta giết chồng tôi  
 đi nào !

Wợ Nhiều Hữu cứ hai tay níu lấy  
 Túc-Tượng, nào là khóc lóc, nào là kêu  
 gào, hai chân thì giẫm xuống  
 đất rầy lên danh-đạch. Mẹ với vợ Túc  
 Tượng thấy vậy sợ run lên, chạy lại  
 khuyên giải, vợ Nhiều Hữu liền quờ  
 ngay tay ra níu cả lấy mẹ Túc-Tượng,  
 đập đầu lặn ra ăn vạ, ba người đều  
 ngã xó cả lại một đống, cùng níu lẫn  
 nhau. Bọn vô-lại thấy làm rầm-rĩ như  
 vậy, sợ lộ chuyện ra, vội vàng cùng  
 chạy đến can-ngăn gỡ ra. Ba mẹ con  
 Túc-Tượng liền chạy lên sang ẩn ở  
 bên nhà láng-diềng. Wợ Nhiều Hữu  
 thời cứ lặn ở trên đất kêu gào, rách  
 tung cả quần áo, khóc đến nổi thê-  
 thảm làm cho trời-ám đất-hôn.

Khi ấy trong bọn vô-lại có một đứa  
 hiệu là Lương-dầu - xà, tên là Kim  
 Diệc, thấy mẹ con Túc-Tượng đã chạy  
 đi rồi, bèn chạy vào đỡ vợ Nhiều Hữu  
 dậy mà rằng :

— Nay, bà Nhiên đại-tầu ơi ! Bà ở  
 đây khóc mãi cũng chẳng làm trò gì  
 được, gì bằng bà cứ về nhà làm lấy  
 mấy lá đơn, rồi bà đem đến quan  
 huyện sở-tại mà khống-tổ thì mới được.

Wợ Nhiều Hữu nghe nói khấn-đầu  
 mà rằng :

— Tôi xin nhờ chú giúp hộ cho tôi với.

Nói rồi bèn đứng dậy đưa Kim Diệc  
 cùng trở về nhà. Bọn vô-lại vội vàng  
 chạy đi tìm Hà Túc-Tượng, bảo rằng :

— Hà-huynh, anh phải đem ngay  
 tiền bạc ra mà đấm mồm cho Kim  
 Diệc trước đi bảo hẳn đừng có làm

vỡ lỗ ra, thì mới trời được việc này, không có hấn xui đem đơn vào thừa quan, thì khó lòng mà cứu vớt lại được nữa đấy !

Túc-Tượng cả sợ vội vàng gọi mẹ về mở khóa dõc hòm được hơn nghìn lạng bạc đưa cả cho Mao Diện đem đi mà lo liệu. Mao Diện liền bảo cả bọn vô-lại hãy cứ lưu ở lại trong nhà Túc-Tượng, không nên kéo cả lũ đi, sợ lộ chuyện ra thì không thu xếp xong được việc. Mao Diện bảo chúng ở cả lại rồi một mình đi lên về nhà, đem bạc cất bớt đi một nửa, còn một nửa giắt đem đi đến nhà Nhiều Hữu. Khi đến cửa, nghe trong nhà lặng ngắt không có tiếng người. Mao Diện nghĩ thầm rằng : dễ thường Kim Diệc nó mang mũ này đi đầu-đơn rồi chẳng? Nghĩ vậy lại lần đến đảng sau nhà, nghe thấy mé trong có tiếng người nói, Mao Diện không làm động đậy gì cả, cứ lặng-lặng đi đến nấp ở bên dưới cửa sổ con, nghe thấy bên trong vắng-vắng có tiếng người thì-thầm gạ-gẫm, lại chợt nghe tiếng vợ Nhiều Hữu thở dài mà rằng : « Anh Kim ơi ! tôi xin bằng lòng theo anh, nhờ anh thân-oan hộ cho chồng tôi với. » Kim Diệc nói : « Mình không sợ, đã có tôi giúp hộ mình, lo gì không xẽ được nửa nhà Hà Túc - Tượng, đề làm của cho ta với mình cùng được hưởng nửa đời khoái-hoạt hay sao ! » Mao Diện nghe nói rùng mình, sẽ nhảy bước ra, nhưng không lên tiếng vội, đợi cho đôi đảng xong việc yên đầu đấy, mới bước đến đảng cửa trước sẽ gõ cửa gọi. Vợ Nhiều Hữu vội vàng mặc quần chạy ra hỏi rằng :

— Chẳng hay ai gọi cửa đấy !

Mao Diện nói :

— Tôi đây, tôi lại đưa cho bà chị một cái nửa đời khoái-hoạt đấy !

Vợ Nhiều Hữu nghe nói then đỏ mặt lên, không dám ra mở cửa. Mao Diện cứ gõ cửa ồn lên mà rằng :

— Bà chị không sợ, đã có tôi lại giúp hộ cho bà đây, bà sao lại cứ chặc cửa lại không cho tôi vào đây !

Vợ Nhiều Hữu ngh-nhất lấy ở trước tiên, vội vàng chạy vào phòng gọi chú Kim Diệc mà rằng :

— Anh rõ thật khờ quá, cứ om lên, để cho người ta ng làm thế nào bây giờ ?

Kim Diệc cười mà rằng :

— Chẳng hề chi, tôi nghe tiếng gõ cửa đấy là anh Mao Diện đấy ; mình cứ ra mở cửa, đề tôi ẩn ở dưới giường này, xem một mình bà ra nó làm ra thế nào.

Vợ Nhiều Hữu bèn đi ra mở khóa cửa đề cho Mao Diện tiến vào. Khi Mao Diện vào đến nhà trong vội chào vợ Nhiều Hữu một cái mà rằng :

— Đây tôi đã vị bà chị xẽ một nửa nhà Túc-Tượng đem lại đây, thôi bà chị nên hòa với hấn đi cho xong ; nếu đem đi thừa quan, có tiền dột-lót ra còn khó, huống-chỉ là không tiền dút cho quan, thì quan nào họ lại thân-oan hộ cho chồng bà, gì bằng mình chút nhân-tình, cho êm chuyện đảng đi là xong.

Nói rút lời, liền giở năm trăm bạc ở trong lưng ra trắng xóa bày ở trước mặt, Mao Diện trở đồng bạc mà rằng :

— Ấy đấy, há chẳng đủ làm khoái-hoạt cho nửa đời bà chị hay sao? Nhưng bà chị phải viết cho tôi một cái biên-lai nhận bạc, tôi sẽ giao món bạc này cho bà chị nhận lấy.

Vợ Nhiều Hữu xưa nay không trông thấy bạc bao giờ, nay trông thấy một đồng bạc trắng xóa, hoa cả mắt lên, trong bụng thom-thóp mà rằng :

— Tôi không biết chữ thì viết làm sao được ?

Mao Diện nói :

— Bà chị không cần nóng nảy vội,



vợ cùng người em gái, sắm đôi ba cặp ngựa để đi, đi không đầy một ngày đã đến Thác - viên, quả trông thấy tinh-kỳ xan-xát, sát-khi đặng-không, có một tòa dinh-trại đóng ở giữa. Túc-Tượng liền xuống ngựa, sai Hữu Nhân-Tâm vào trại thông-báo trước mà rằng :

— Nay có tên nghĩa - tử của đại-vương là Hà Túc-Tượng đem cả gia-quyển đến đầu-nàng, bầm xin đại-vương thu-lục.

Đầu-đăng giặc là Lại Hữu-Danh nói rằng :

— Nghĩa-nhi ta sao hôm nay mới đến?

Nói rồi liền sai người ra đón vào trại. Túc-Tượng vào lạy xong, dâng hiến tiền bạc. Hữu-Danh nói :

— Con nuôi ta coi như một nhà cả, can chi lại bày ra làm vậy.

Túc-Tượng liền dẫn cả mẹ và vợ cùng em gái vào yết-kiến. Hữu-Danh cả mừng, truyền cho đem vào trại sau để đó sẽ dùng. Túc-Tượng không thể sao được. Ngày hôm sau, Túc-Tượng đem sự-tình những quân vô-lại đối trá sách-nhiều nói xin phụ-thân báo-cứu hộ cho. Hữu-Danh cả giận, lập-tức sai kiêu-tướng Hồ Kênh-Ngư đem ba nghìn binh, cho Hữu Nhân-Tâm đi đưa đường kéo đến Phong-hồ bắt hết cả bọn du-côn vô-lại điệu đem về trại quì một lượt. Lại Hữu-Danh hét mà rằng :

— Đồ cầu-trệ kia, sao dám quấy-nhiều con ta ? Quân ta đâu, điệu cò chúng nó ra chém cho sạch !

Quân tá-hữu liền đem bọn vô-lại ra ngoài viên - môn chém sạch. Nhân-dân Phong-hồ nghe tin ấy ai cũng uống rượu ăn mừng. Lại Hữu-Danh thấy Túc-Tượng đưa cả vợ và em gái cùng cả mẹ đến hàng - phục, có ý muốn đặt tiệc để mừng Túc-Tượng. Chợt có tin thám-mã về báo rằng :

— Nay quan Đới Tuần-phủ đã giảng-hòa với quân hai trại : Thiên-mã, Gia-

quế rồi, nghe tin quân ta đánh-phá đến đây, đã lập tức sai binh-mã hai trại, không biết nhiều ít, kéo đến như bạc-ngàn đây.

Lại Hữu-Danh cả - nhất lấy cớ an-tướng lại thương-nghe mà rằng :

— Ta nghe trại Gia-quế có một nữ-tướng, cực-kỳ kiêu-kiến, đem ba trăm nữ-binh, quân Súc Nục hơn hai mươi vạn lại hợp với quân giặc Ngũ-hoa kéo đây ; nếu ta ra cự-chiến cũng khó mà thủ-thắng được. Gi bằng ta hãy về sơn-trại, phòng-thủ các nơi trại-sách cho vững ; rồi sai người đến Nam-lĩnh để cầu-cứu Giang đại-vương, cho viện-binh đến giúp, thì mới toàn-thắng được.

Chúng - tướng đều đồng-thanh mà rằng :

— Đại-vương nói rất phải !

Lại Hữu-Danh bèn nhờ trại đem cả nhà Túc-Tượng và những tiền của lụa-là, con gái cướp lấy được, đều đem cả về sơn-trại, đóng chặt cửa trại lại phòng giữ ; một mặt thì sai người đến Nam-lĩnh cầu-cứu. Nói về Túc-Tượng câu Trần Long đi do-thám được thực tin quân giặc về báo Phùng-Ngọc mà rằng :

— Quân giặc đã tràn đến Thác-viên, vì nghe tin tướng-công đem quân lại đánh, nó liền tháo đem trốn về sơn-trại cả rồi.

Phùng-Ngọc cười mà rằng :

— Ta vẫn biết quân giặc chẳng làm trò gì được.

Bèn cứ đem binh từ-từ tiến lên, chẳng đầy mấy ngày đã kéo đến Cờ-danh - dò, do ngòi Lãm - khe đi mảng vào độ hai ba trăm dặm, thời thấy đôi bên núi non cao ngất, dòng sông như mắc cửi ; sườn non vách đá đỏ ối như màu lửa hồng, trông thực kỳ-quái ! Vậy người trước có

thơ vịnh dải rừng Hỏa-đái rằng:

Ngang <sup>co</sup> <sup>lưng</sup> núi tia,  
 Dọc <sup>đầu</sup> <sup>về</sup> <sup>việc</sup> <sup>trung</sup> hồng.  
 Tron: <sup>ên</sup> <sup>ay</sup> <sup>lẻ</sup> <sup>lẻ</sup> mây ngắt,  
 Phải <sup>ng</sup> <sup>chim</sup> <sup>đất</sup> <sup>nẻo</sup> thông.  
 Quả <sup>c</sup> <sup>đá</sup> <sup>h</sup> <sup>kêu</sup> <sup>trong</sup> <sup>sưởi</sup> <sup>vàng</sup>,  
 Hồ <sup>c</sup> <sup>ve</sup> <sup>bóng</sup> <sup>người</sup> <sup>không</sup>.  
 Phải <sup>n</sup> <sup>phải</sup> <sup>đây</sup> <sup>chăng</sup> <sup>tá</sup> ?  
 Phải <sup>ên</sup> <sup>khe</sup> <sup>hỏi</sup> <sup>mắt</sup> <sup>trông</sup>.

Nói về Hà Túc-Tượng nghe tin quan-  
 an kéo đến liền chạy ra trước cửa  
 ải thông-báo lên rằng: « Giang đại-  
 vương đã đem đại-binh đến giúp kia  
 kia, mau mau vào báo đại-vương ra  
 ứng-tiến! » Người giữ ải trông rõ là  
 Hà Túc-Tượng thông-báo, tin ngay là  
 thực, vội vàng chạy vào báo tin. Lại  
 Hữu-Danh liền đem hơn trăm quân  
 kỵ ra trước cửa ải, trông thấy một  
 đám tinh-kỵ phấp-phới, kéo lại như  
 bay, có một lá cờ đại đi trước, trông  
 thấp-thoảng có hiệu cờ đề chữ « Giang »,  
 tro g bụng cả mừng, lại trông thấy Hà  
 Túc-Tượng ra bái-kiến. Hữu-Danh  
 liền bảo rằng:

« Sao không báo cho biết trước!

Hữu-Danh nói rồi liền phi ngựa ra  
 ngoài ải đề nghênh-tiếp. Ngờ đâu Đan  
 Dũng, Mã Tân hai tướng đã chực sẵn  
 lên ngay vào trong cửa ải. Mai tiều-  
 thư trông thấy một tướng râu cù đầu  
 báo, đem quân kỵ chạy lại, biết ngay  
 là Lại Hữu-Danh ra nghênh-tiếp, cứ đề  
 cho đến gần, liền lấp tên vào điều cung  
 nhằm giữa cổ họng bắn ra một phát,  
 mũi tên ấy chộp mắt tin ngay vào cổ  
 họng Hữu-Danh diếng người ngã lảo  
 ra. Quân-sĩ đổ xô lên cắt lấy thủ-cấp  
 Hữu-Danh, rồi liền xung-sát kéo vào  
 cửa ải. Quân giặc toan đóng cửa lại,  
 thời đã bị Đan, Mã hai tướng vung  
 liện ra đánh rát cho một trận chạy tan  
 cả. Mai tiều-thư truyền-lệnh cho quân-  
 sĩ rao lên rằng: « Đưa nào hàng thì  
 được tha giết ». Quân giặc nghe thấy

thế đều bỏ mũ cỡi giáp, lạy phục xuống  
 đất xin đầu-hàng cả. Giặc Hỏa-đái là  
 bọn giặc có tiếng xưa nay, thế mà mũi  
 nhọn đồ binh không phải đến rây máu  
 mà hay hàng-phục được cả, thực là  
 công của Mai tiều-thư vậy.

Mai tiều-thư đã đánh phá được Lại  
 Hữu-Danh bèn chiếm giữ lấy trại lớn,  
 sai Trần Long mở cửa ải ra đón rước  
 Phùng-Ngọc; lại sai Đan Dũng, Mã  
 Tân đem binh đi đánh trại Ô-cầm, chém  
 giết giặc Hoàng-Sa, bình-định yên đất  
 Cổ-danh. Vạn Nhân-Địch giải đem tặc-  
 thuộc hai bọn giặc: họ Lại, họ Hoàng  
 đến trình Phùng-Ngọc phát-lạc, Phùng-  
 Ngọc đều tra hỏi kỹ càng, phạm những  
 người dẫu phải giặc bắt hiếp-chóc đều  
 tha cho về cả. Còn như Túc-Tượng làm  
 hại cả nhà họ Trương, lý-ưng cả mẹ và  
 vợ cùng em gái đều phải chém cả.  
 Song lại nghĩ Túc-Tượng là một thằng  
 bị-thịt, chỉ vì bị người ta xui-siêm.  
 Nhưng khi phá giặc cũng có công, thì  
 hãy tha cho. Túc-Tượng lạy tạ xin  
 lĩnh mẹ và vợ cùng em gái ra về, khi  
 đi đến Lý-giao lại phải quân Du-kích  
 ở Sái-đầu bắt được, về sau cả nhà Túc-  
 Tượng đều phải Trương Qui-Nhi chém  
 chết.

Phùng-Ngọc đã phóng xá cho bọn  
 nạn-dân dẫu về dấy hết cả rồi, hèn sai  
 Chí-Long dựng một lá cờ trắng ở trước  
 trại, dưới cờ đặt một cái hương-án,  
 trên hương-án đặt ba cái bài vị: Một  
 bài đề: « Cố-phụ Trương Hãn, » một  
 bài đề: « Cố-mẫu Long-thị, » còn một  
 đề bài-vị em là Trương Qui-Nhi. Chí-  
 Long và Phùng-Ngọc đều mặc áo vải  
 sô trắng, sai điệu tặc-thuộc hai họ  
 quân giặc hơn năm trăm người bắt quỳ  
 ở trước án, và đem cả thủ-cấp Lại  
 Hữu-Danh đệ ở trước án, đề làm lễ tế  
 điện chiêu-hồn, rồi sai quân đao-phủ  
 điệu cả tặc-thuộc hai họ giặc ra đều  
 mổ ruột lấy máu đề tế một nhà Trương-  
 thị. Phùng-Ngọc và Chí-Long vào tế  
 khóc òa lên, thương-thảm động cả ba

quân. Lý công-chúa và Mai tiều - thư cũng ra thấp hương lễ bái. Chư-tướng thấy Phùng-Ngọc khóc thương-thắm, cũng ra khóc viếng. Đương lúc khóc âm cả lên, chợt đầu có kẻ hàng-tướng Lợi Tân-Vương dẫn một ông già đến, xoa mắt nhìn vào bài-vị hỏi rằng :

— Chẳng hay chư-vị tướng - quân có bà con gì với Trương Hãn, mà khóc ông ta làm vậy ?

Chư-tướng toan đáp trả lời, Chí-Long quỳ ở trước án, ngừng đầu lên trông, vội vàng chạy lại ôm lấy, cả khóc mà rằng :

— Ối cha ơi ! Cha tôi hãy còn đây ư ?

Phùng-Ngọc vội-vã chạy lại xem thì quả là nhạc-phụ Trương Thu-Cốc ; ba người cùng ôm nhau mà khóc. Lý công-chúa và Mai tiều-thư nghe tin cả mừng, vội chạy lại khuyên giải, đỡ vào trong trại. Chí-Long hỏi rằng :

— Chẳng hay mẹ tôi với em tôi ở đâu ?

Thu-Cốc trở Lợi Tân-Vương khóc mà rằng :

— Vợ chồng ta không may phải giặc bắt đem về núi, may nhờ bác môn-sinh kia cứu-giúp, đưa về nơi ngụ-sở, không đến nỗi khổ-sở ; còn con em nó đêm hôm ấy thất-lạc, đến bây giờ không biết sống chết dường nào !

Phùng-Ngọc nghe nói lại càng khóc nức-nở. Lý công - chúa vội vàng sai người đến nhà Lợi Tân - Vương đón rước Long-thị, cả nhà ra nghênh-tiếp, lại khóc lóc một hồi. Lý công-chúa và Mai tiều-thư mời vợ chồng Thu - Cốc lên ngồi, rồi cùng ra làm lễ bái-kiến. Phùng-Ngọc trở từng người mà rằng :

— Đây là Lý công-chúa ở trại Gia-quế, đây là Mai tiều-thư ở trại Thiên-mã, đều mới kết-thân với tiều-tế đó.

Long-thị cầm tay hai nàng khóc lóc mà rằng :

— Con gái tôi phúc bạc, không được cùng với hai nàng cùng tu long - sự Hoàng-lang.

Mai, Lý hai nàng ở nhất lấy <sup>đây</sup> và rằng :

— Xin lão phu-nhân khoan <sup>Quân</sup> chờ nghĩ, chúng tôi xin <sup>thần</sup> hết lòng hiếu-dưỡng hai <sup>thư</sup> t

Nói rồi, liền sai bày tiệc khoản-d. Ngày hôm sau, Phùng-Ngọc cùng vợ Mai, Lý hai nàng thương-nghị mà rằng :

— Nay Lại, Hoàng hai đảng giặc đầu đã nộp đầu, nhưng Sái-đầu, Nam-lĩnh hãy còn mọi đảng giặc chiếm-cứ các sơn-trại, ngày ngày giết kẻ vô-cô, xin hiền-thê giúp tôi đề tiêu-binh các trại, trước là vì địa-phương trừ hại, sau là tiết bớt cái giận trong bụng tôi.

Lý công-chúa nói :

— Xin Lang-quân chớ lo phiền, lũ chúng tôi xin vì lang-quân tiêu-trừ hết cả.

Nói rồi liền sai đem thủ-cấp hai tên giặc đóng hòm, phái Trần Long đem về trình Đới Tuần-phủ đề báo-tiếp. Một mặt truyền-lệnh thao-luyện ba <sup>th</sup> để sắp binh tiến-phát.

Nói về Trần Long đem thủ-cấp giặc về nộp, khi đến tỉnh - thành thì Đới Tuần-phủ vì có giặc Hoàn-nhan vào cướp Tô-châu, đã phải phụng-chỉ nhà vua đem binh đi chinh-tiên rồi. Khi ấy Súc Nục đã khỏi bệnh, lại ra thị-sự như cũ ; sự nghe tin báo-tiếp, trong bụng cả giận, liền cho gọi Hồng Nhất Giáp vào thương-nghị mà rằng :

— Ghét thay quân giặc này, nó không phải dùng đồ binh đến rây máu mà phá được giặc Hỏa-đái ; nếu nó tiên-binh lên bình-định được cả Tam-dò, khi Đới Diệu trở về thì ắt là tâu công nó lên thánh-thượng, nó hẳn được phong-quan tứ-tước, ta còn làm gì nó được nữa. Người có kế-sách gì làm ngăn-trở cho nó không được thành-

công, thì ta sẽ trọng-thưởng.

Hồng Nhất-Giáp nói :

— Có <sup>đó</sup> có khó gì, chỉ cho <sup>đòi</sup> <sup>lưu</sup> <sup>về</sup> <sup>việc</sup> <sup>trông</sup> và Trần Dần về <sup>trở</sup> <sup>trên</sup> <sup>để</sup> <sup>đay</sup> <sup>lệ</sup> <sup>g</sup> <sup>trợ</sup> <sup>cấp</sup> <sup>cho</sup> <sup>nữa</sup> ; và <sup>phải</sup> <sup>lưu</sup> <sup>trách</sup> <sup>đó</sup> <sup>sao</sup> <sup>dám</sup> <sup>chuyên</sup> <sup>sát</sup>, <sup>mai</sup> <sup>c</sup> <sup>dân</sup> <sup>hệ</sup> <sup>tuy</sup> <sup>không</sup> <sup>ngăn</sup> <sup>trở</sup> <sup>mà</sup> <sup>tức</sup> <sup>là</sup> <sup>hò</sup> <sup>ai</sup> <sup>về</sup> <sup>đó</sup>.

— <sup>n</sup> <sup>phải</sup> <sup>đ</sup> <sup>ả</sup> <sup>mừng</sup>, <sup>liền</sup> <sup>sai</sup> <sup>người</sup> <sup>đi</sup> <sup>đ</sup> <sup>ều</sup> <sup>hai</sup> <sup>tướng</sup> <sup>về</sup>, <sup>và</sup> <sup>giao</sup> <sup>phó</sup> <sup>tờ</sup> <sup>công</sup> <sup>văn</sup> <sup>cho</sup> <sup>Trần</sup> <sup>Long</sup> <sup>đem</sup> <sup>về</sup>. <sup>Trần</sup> <sup>Long</sup> <sup>đi</sup> <sup>về</sup> <sup>đến</sup> <sup>núi</sup> <sup>Hỏa</sup> <sup>đái</sup> <sup>phúc</sup> <sup>bầm</sup> <sup>rằng</sup> :

— Khi tiều-tướng đến tỉnh-thành thì Đới Tuần-phủ đã tiến-kinh rồi, chỉ có Súc Nục phát tờ công-văn cho tiều-tướng đem về đây.

Phùng-Ngọc hỏi :

— Chẳng hay Súc Nục có nói gì không ?

Trần Long nói :

— Tiều-tướng chẳng thấy Súc Nục nói gì cả ; chỉ khi trở về ngang đường có gặp Trần, Lý hai tướng kéo quân về, bảo rằng có tướng-linh bắt phải triệt về không đi vận-tải lương nữa.

Phùng-Ngọc nghe nói cả kinh, bèn <sup>đ</sup> <sup>ến</sup> <sup>ng</sup> <sup>văn</sup> <sup>ra</sup> <sup>xem</sup> <sup>liền</sup> <sup>cau</sup> <sup>đôi</sup> <sup>mày</sup> <sup>đ</sup> <sup>ôi</sup> <sup>lâu</sup> <sup>không</sup> <sup>nói</sup> <sup>được</sup> <sup>nữa</sup>. <sup>Lý</sup> <sup>công</sup> <sup>chúa</sup> <sup>hỏi</sup> <sup>rằng</sup> :

— Lang-quân sao mà buồn làm vậy ?

Phùng-Ngọc bèn đưa công-văn cho công-chúa xem. Lý công-chúa xem xong cả giận xé nát tờ công-văn vứt xuống đất thét mắng mà rằng :

— Vợ chồng mình đi dẹp giặc hộ cho nó, mà nó không nói úy-lạo được một lời, nó lại muốn bới móc ra để bẻ bắt !

Mai tiều-thư hỏi rằng :

— Chẳng hay trong thư nó nói gì vậy ?

Lý công-chúa nói :

— Trong thư nó trách Hoàng-lang

là chuyên-sát, hề chuyên-sát là vô-quân, thế là nó bảo lũ chúng ta trước sau vẫn không chừa, đó chẳng phải nó bới móc ra để bẻ bắt là gì !

Mai tiều-thư cười mà rằng :

— Thăng Súc Nục này mà không chết, không cứ rằng bình được Cồ-danh-đô, đầu dẹp yên được cả dải Cầm-giang, cũng vị-tất cái ân-diễn thưởng công đã tưng-lục đến Hoàng-lang chút nào ! Gì bằng ta hãy bỏ mặc những quân giặc Sái-dầu ở đó, đợi khi Đới-hầu trở về, sẽ lại thỉnh-mệnh đi chinh-tiêu, như thế mới có thể làm địa-bộ cho Hoàng-lang xuất-dầu được.

Lý công-chúa nói :

— Hiền-muội nói phải đấy !

Liền truyền-lệnh hiệu-dụ cho các quân hàng-tốt đừa nào muốn tình-nguyện lưu ở lại làm lính, thì cho biên vào bộ-ngũ ; đừa nào không muốn thì cấp tiền lộ-phí cho về quê-hương. Phân-phát yên đầu dấy, bèn đốt bỏ sào-huyệt quân giặc, thu lấy vàng lụa, đem cả nhà Trương Thu - Cốc khởi-binh trở về sơn-trại. Khi đi đến Long-xuyên, Phùng-Ngọc muốn từ-biệt Mai, Lý hai nàng tạm trở về nhà để thăm cha mẹ. Lý công-chúa nói :

— Không nên, Súc Nục nó cừu-hãn với lũ chúng ta, càng ngày nó càng kết-oán, nếu Hoàng-lang mà đi một mình về, vạn-nhất nó sinh chuyện gì chẳng, mà lúc ấy chúng tôi ở xa không kịp cứu, thì làm thế nào ? Gì bằng hãy về tạm-trụ ở sơn-trại, đợi khi nào Đới-hầu trở lại làm chủ-trương cho, thì mới đi về được.

Phùng-Ngọc bắt-dắc-dĩ cũng phải nghe. Khi trở về đến huyện Tam-thủy, Mai tiều-thư bèn cho Vạn Nhân-Địch và Trần Long trở về núi Thiên-mã, Lý công-chúa bèn lấy những đồ vàng lụa lấy được ở trại Hỏa-đái chia một nửa cho Vạn Nhân-Địch đem về sơn-trại để chia thưởng cho quân-sĩ ; lại

sắp một món hậu-lễ nữa để đưa tặng cho Nguyệt-Nga. Phùng-Ngọc lại viết thư đưa gửi lời đề cảm-tạ Mai Anh và Quân - sư. Vạn Nhân - Địch đều thu-nhận rồi bài-biệt ra về. Phùng-Ngọc và Mai tiêu-thư thì đem binh cùng về với Lý công-chúa. Lý công-chúa đã cho Vạn Nhân-Địch đi về rồi, bèn dẫn-binh về trại Gia-quế, truyền-lệnh giết trâu mổ bò, cùng với Phùng-Ngọc, Mai tiêu-thư làm lễ tế-cáo Đô-bối đại-vương, yến-hưởng quân-sĩ, ăn uống luôn đến và mười ngày. Lại sai dựng một nhà tinh-xá ở bên đỉnh núi Gia-quế, để mời ông bà Trương thái-công ở đấy, sớm tối cung-duỡng. Mai, Lý hai nàng hoặc một hai ngày tất thân đến trước màn ông bà Trương thái-công đề vấn-an. Phù phu - nhân lại thường - thường sai người mời bà Long-thị vào trại chơi để vui vầy với

dâu con. Ông bà Trương thái - công nên cũng yêu lòng tạm - trụ. Chỉ có Phùng-Ngọc thường nhớ ông bà Trương Quý-Nhi thì lại thở vắn

Lý công-chúa nói :

— Đương khi ấy Trương chỉ biết là Quý-thư thất-lạc, không biết sống hay chết thế nào, sao không sai người đến theo Mai-nàng hỏi thăm đây đó xem, họa may có náu ẩn ở nhà thân-thích nào chăng cũng chữa biết chừng.

Phùng-Ngọc nói :

Hiền-khanh nói phải lắm !

Lập tức sai một tên đầu-mục cẩn-thận đi đến thôn Mai-hoa hỏi thăm.

Còn nữa

ĐÔNG-CHÂU dịch

## THỜI-ĐÀM

**Phép giáo-dục của nước Nhật-bản.** — Ngày 28 tháng 10 tây vừa rồi, ở trường Đại-học Đông-kinh (Tokyo) và ở mấy nơi đô-thị lớn nữa bên Nhật-bản, có làm lễ ngũ-thập-niên kỷ-niệm cái học-chế hiện-hành ở nước ấy.

Hồi mới lập ra học-chế bảy giờ thời bực sơ-học trẻ con chỉ có trường «tự-viện» (*terakoya*) đặt ở đền hay chùa, do ông sư hay thầy tự dạy ít chữ nho cho con trẻ. Học-trò ngồi dưới đất không có bàn ghế gì cả. Tùy cái giai-cấp của cha mẹ trong xã-hội mà đặt ngồi ra từng bộn riêng. Con người đi buôn không được ngồi cùng chiếu với con nhà võ-sĩ (*samurai*). Con trẻ phải học kinh-truyện Tàu, con nhà võ-sĩ thời học thêm một ít binh-pháp.

Trường «tự-viện» năm nào cũng cứ ngày mồng 6 tháng 6 tây (vào khoảng rằm tháng 5 ta) thì khai-trường, vì ngày ấy

là ngày cát-nhật. Trong một năm có năm kỳ nghỉ, vào những kỳ ấy thì cha mẹ học-trò đưa con đến nhà thầy để dâng vật và trả tiền học, tiền ấy cứ mỗi mùa ba tháng là tám «viên» (*yen*). Thầy giáo đều có đặt thành thứ hạng và lương được chừng mỗi tháng một «viên» rưỡi.

Về sau mỗi năm một thay đổi hơn lên. Trong chương trình thêm một môn âm-nhạc và mấy môn khác nữa. Đến sau mới lập ra trường sơ-học, trường trung-học và trường đại-học. Cứ theo thống-kê của Giáo-dục-bộ năm 1919, hiện nay ở nước Nhật-bản có 25.644 trường sơ-học vừa quan lập vừa tư-lập, 178.450 thầy giáo và 8.362.992 học-trò.

Ngày lễ ngũ-thập-niên kỷ-niệm, tại trường Đại-học Đông-kinh, ông Nhiếp-Chính-vương có đọc lời sắc-dụ như sau này :

« Ngày nay là ngày kỷ-niệm năm mươi năm cái học-chế hiện-hành ở nước Nhật-

bản. Tự bấy đến nay, sự học trong nước mở-mang phát-đạt, là nhờ trên có Hoàng-tộc, dưới có quốc-dân cùng một lòng c<sup>h</sup>m-chút về-việc giáo-dục.

phi (Ta) ền dự lễ hôm nay lấy làm vui  
tr  
n  
phái  
tua  
hỏi cả về phần thân-thể, cả về phần  
n phải cùng tiến-bộ. Nước được  
g, dân được sung-sướng, việc chính-  
tây việc kinh-tế, việc công-nghệ, việc quốc-  
c được chỉnh-bị, nguồn-gốc cũng là ở  
giáo-dục. Hoàng-tộc ta tuyên-bố cái học-  
chế hiện-hành ngày nay cũng là do một  
cái quan-niệm đó.

« Ta cảm ơn cả các viên-chức trong giáo-giới đã hết sức giúp cho sự học trong quốc-dân được phát-đạt như thế, và mong rằng ai nấy đều biết thể cái lòng quảng-dại của đấng Tiên-đế và càng gắng sức thêm lên cho sự khai-hóa trong nước được thập-phần hoàn-hảo. »

Có 177 ông đốc trường và giáo-viên đã có công với sự học trong nước, mỗi ông được thưởng một cái chén bạc có dấu nhà vua.

Trong các hạt thời có hạt Nagano là nhiều ông giáo được thưởng hơn cả. Ở gần mọi-quốc, duy có ông giáo ở trường trung-học *Doshisha* ở sh-dô (*Kioto*) là được thưởng. Còn cũng ông giáo khác được thưởng thời có tên ông C. ISHIKAWA, T. INOUE EIJIKA-TA, và H. TANAKA ở trường Đại-học Đông-Kinh, ông B. MANO và S. SATO là hiệu-trưởng hai trường Đại-học Thần-châu (*Senshu*) và Bắc-hải-đạo (*Hokkaido*), ông Tử-tước TAJIRI ở trường Đại-học Thần-châu, ông S. KONISHI đốc trường người cầm và người điếc ở Đông-kinh, và ông D. IBUTA ở Minh-trị-học-viện (*Meiji Gakuin*). Đản bà thời có hai bà SHIMODA và ATOMI làm đốc hai trường con gái *Jissen* và *Atomi*.

Học-chế hiện-hành bây giờ là tuyên-bố từ đời vua Minh-trị, tháng 8 năm 1872. Không biết rõ ai biên-tập ra học-chế ấy và ai bàn với vua hạ-lệnh cho

thi-hành. Theo ông cố Nam-tước TSUJI, thời đầu đời Minh-trị, ở trường Đại-học Đông-kinh có dịch mấy bộ sách giáo-dục của Âu Tây. Có lẽ học-chế bây giờ là khởi-thảo tự hồi bấy giờ.

Học-chế này đại-khái phỏng theo như học-chế nước Pháp. Chia toàn-hạt ra làm 8 học-khu (như *Académies* bên Pháp), mỗi học-khu có một trường Đại-học, 32 trường trung-học và 6720 trường tiểu-học. Học-chế này không phải là theo hẳn như học-chế nước Pháp thi-hành từ năm 1882, nhưng là theo đại-ý những qui-chế từ trước. Như sự chia toàn-hạt ra làm học-khu vốn ở nước Pháp đã có từ thế-kỷ thứ 18, và trong luật đời vua Nã-phá-luân đã thấy nói rồi.

Hai cái lý-do khiến cho nước Nhật-bản theo học-chế của nước Pháp là : 1) hồi bấy giờ sự học-vấn ở nước Pháp đương thịnh lắm, cho nên các khoa-học ở các trường Nhật-bản là phần nhiều dạy theo sách Pháp cả ; 2) hiến-pháp của nước Pháp bấy giờ đương thích-hợp với nước Nhật lắm. Lại còn một lẽ nữa, là đầu đời Minh-trị, người Nhật-bản học pháp-luật nước Pháp nhiều lắm, và nhờ ông TAKUSUKE NAKAYE cô-dộng, tiếng Pháp và chữ Pháp truyền-ba trong nước thịnh lắm.

Hồi học-chế bây giờ ban-bố, nghĩa là vào khoảng năm 1872, thời cái học chế hiện-hành lúc ấy khác hẳn và có ý phỏng theo lối Anh lối Mỹ. Sắc-lệnh của vua Minh-trị năm 1872 nói rằng : « Tự ngày nay, sự học phải ban-bố suốt trong nước khiến cho không có một làng nào còn có một nhà nào, thuộc về một hạng nào trong xã-hội, như « đại-danh » (*daimyos*), võ-sĩ (*samurais*), nông, công, thương, và không có một nhà nào còn có một người nào đốt-nát không biết chữ. Cha-mẹ phải cho con đi học hết thầy. Tuy cái học-thức cao thời chỉ có một số người có tư-chất thông-minh mới có thể hưởng được, nhưng cái phổ-thông-thường-thức thời nhất-ban quốc-dân phải có hết, và cha-mẹ

nào không cho con đi học trường sơ-học, ấy là người có tội với nhân-loại đó.» Lại nói rằng sở dĩ ban-bố cái học-chế mới này là muốn cho mọi sự thành-công phải gốc ở sự học, mỗi người có đủ sức học thời mới có thể phát-siễn được hết tài-năng tư-cách của mình mà ra công giúp nước được phú-cường, v. v.

Ý-kiến ấy cũng giống với ý-kiến của ông Bác-học YUKICHI FUKUZAWA, là người sáng-lập ra trường Đại-học *Kéio* (bây giờ còn có người gọi tên cũ là *Kéio Gijiku*), trong sách «*Khuyến-học*» của ông. Ông cũng là người có công to trong việc giáo-dục ở nước Nhật-bản; cái học - chế cũ của nước ấy theo học-chế nước Anh nước Mĩ chính là bởi ông thừa nhỏ đã học ở Anh và Mĩ vậy.

(Theo báo *Avenir du Tonkin* dịch ở các báo bằng tiếng Anh ở Hương-cảng).

**Trường Cao-đẳng ở Huế.** — Dự ngày 25 Octobre mới rồi đặt ở Huế một trường «*Nam-triều Cao-đẳng Học-đường*». Trường ấy ngày 24 Novembre đã khánh-thành. Đốc-học là ông giáo DUFRESNE. Hôm khánh-thành có Hoàng-thượng cùng quan Khâm - sứ chủ-lễ và ông Bác-sĩ SYLVAIN LÉVI ở Tây sang du-lịch bên này vừa tới Huế cũng tham-dự lễ. Mục-dịch trường ấy thế nào, xin lược-dịch lời bá-cáo bằng chữ Pháp của ông đốc trường gửi cho các báo như sau này :

«*Sự bỏ khoa-cử.*— Năm 1918, Hoàng-đế nước Nam, theo gương nước Tàu, cũng hạ-lệnh bỏ khoa - cử. Hai nước bấy giờ cũng đã rõ rằng lối học cũ cần phải thay đổi, và phải dạy cho các quan-lại trong nước sau này có một cái học mới thích-hợp với thời-thế hơn. Duy chưa nghĩ đặt được cái cơ-quan để truyền-bá cái học mới ấy. Vì ở nước Nam cũng như ở nước Tàu, cho việc cải-cách sự học làm khó lắm, và không thể vội-vàng được.

«*Đặt trường Hậu-bổ.*— Trung-kỳ bấy giờ mới đặt ra trường Hậu-bổ để cho những người có khoa - mục cũ vào học tập lối mới. Nhưng đến lúc số người ở khoa-mục ít dần đi thì trường ấy bị bỏ. Bấy giờ giữa lúc ngoài Bắc-kỳ mở trường Đại-học. Ở Huế cũng đặt một ban Pháp-chánh để cho những học-trò bản-xứ ra làm việc quan. Nhưng mà số học-trò và số thầy giáo ít quá, thậm-chí lối học cũ phải mở ngoài giờ làm việc các sở cấp để cho có thầy có trò. Và lại sức học-không cân nhau, nên học-tập cũng không đều. Bởi các lẽ đó nên ban Pháp-chánh ở Huế cũng bãi, để học-trò ra học thẳng ở Hà-nội.

«*Đặt trường Cao-đẳng.*— Song học tốt-nghiệp ở Hà-nội rồi phải có chỗ nào học-tập thêm nữa cho am-hiếu tinh-thể của bản-xứ và thích-hợp với sự cần-dùng của Chánh-phủ. Bởi thế nên Hoàng - đế và quan Khâm - sứ Kinh định đặt ra một trường Cao-đẳng của Nam-triều ở Huế.

«*Học chuyên-môn.*— Mục-dịch trường là để dạy cho những hàng hậu-tuyên-tri-huyện biết rõ cái tinh-thể trog xử-mệnh sắp ra làm quan. Vì những học-sinh Trung-kỳ tốt-nghiệp ở trường Pháp-chánh Hà-nội trở về, cho đi làm quan không khỏi bỡ-ngỡ. Trong ba năm ở một nơi khác bản xứ sở mình, quen cách sinh-hoạt, sự tiến-hóa mau của đất Bắc-kỳ, đến khi về không hiểu rõ tinh-thể xứ Trung-kỳ nữa.

«*Học chữ nho.*— Trong tam-kỳ, Trung-kỳ là phần ít nhiệm cái phong-trào mới; trong dân-gian vẫn còn thường dùng chữ nho, và chữ quốc-ngữ vẫn còn ít lưu-hành như chữ Pháp ở Bắc-kỳ vậy. Luật-pháp vẫn còn theo luật Gia-long và còn phải chăm-chước với tục-lệ trong dân-gian; tục-lệ ấy ở Bắc-kỳ không ra khỏi cái hàng rào tre mỗi làng mà ở Trung-kỳ thì thi-hành đến cả chỗ nha-môn quan sở-tại. Viên quan huyện không thông chữ nho thời nhất-thiết phải bằng ở bọn nha-lại, không thể tự-mình xét đoán được.

« *Khảo về phong-tục trong dân-gian.* —

Như thế thời quan sở-tại không những phải thông chữ nho, lại phải thuộc phong-tục trong dân-gian mới được. Cũng lại phải cần thuộc những lễ-chế nữa, vì ông quan nhiều khi phải chủ-trương việc tế-tiên. Nếu đợi lâm-thời mới học, thời hoặc sai-suyễn điều gì không khỏi mắc-cỡ với dân nhà quê, vì người nhà quê cho là ông tây in dấu tài giỏi đến đâu mà không thuộc lễ-nghi cũng không được.

« *Học phổ-thông.* — Hoàng-dế và quan Khâm-sứ lại chú-ý một điều nữa: là trình-độ học-trò ở các trường trung-học bản-xứ ra, dẫu thể nào cũng vẫn là học thuần chữ Pháp mà thôi, và thuộc về các môn khác thời dẫu học có nhiều nhưng chưa có thống-hệ gì, nên chưa thành ra tư-tưởng. Còn như học ở trường Cao-đẳng là học chuyên-môn, chớ chưa phải hẳn là bậc cao-đẳng giáo-dục. Như vậy thời sợ rằng những học-sinh ấy sau ra làm quan, cái sức học phổ thông không bằng những người đã từng học ở bên thắp về. Vậy thời phải dạy cho họ có tư-tưởng phổ-thông về các môn mà trường trung-học cùng trường Cao-đẳng bây giờ chưa từng dạy đến.

« *Chương-trình và học-khóa.* — Bởi thế nên trong chương trình trường Cao-đẳng mới của Nam-triều này có chia ra các khóa như sau này. Trước hết có hai khóa luật-học, tổng-quát lại những môn luật-học đã học ở trường Pháp-chánh Hà-nội và dạy theo một phương-diện triết-lý, chớ không phải phương-diện chuyên-môn như ở trường Pháp-chánh. Ông giáo dạy khoa đó thời chú-ý so-sánh các chế-độ hai nước cho rõ cái nguyên-lý của hai pháp-chế thế nào. Nhất-diện thời những ông quan An-Nam đã lịch-luyện sẽ đem học-trò đến các nha-môn, để thực nghiệm giảng-giải cho rõ các cách-thức làm quan thế nào.

« Lại có những khoa dạy về phong-tục,

về tôn-giáo và triết-lý, cho học-trò hiểu các chế-độ trong nước mình, và sau này có thể ra công nghiên-cứu.

« Có khoa lịch-sử, địa-dư và những lớp diễn-thuyết về dân-tộc-học, trước nói về nước Tàu, vì có hiểu việc nước Tàu mới hiểu việc nước Nam được, sau nói về nước Nam cho rõ cái đặc-sắc của nước Nam đối với các xứ khác trong cõi Indo-chine thế nào.

« Lớp dạy chữ nho thời dạy các lối làm văn tàu, từ lối cổ-văn cho đến lối văn nghị-luận và lối văn ký-sự. Lại dạy về cổ-rễ chữ tàu tiếng tàu và lịch-sử nước Tàu; sau nghiên-cứu đến tiếng An-Nam.

« Bắt đầu từ năm thứ hai thời có lớp dạy về lễ-chế và về mĩ-thuật các nước ở phương Á-đông. Lại thêm một lớp dạy về lịch-sử các khoa-học cho học-trò khỏi quên các môn cách-trí đã học trước.

« Đến năm sau cùng thời học-trò phải làm một bài luận-văn phát-minh một cái ý-kiến đặc-biệt, và phải đem ra hội-dồng thảo-luận, cho biết sức học và sức nghiên-cứu riêng thế nào.

« *Mong về sự kết-quả trường này thế nào?* — Các ngài sáng-lập ra trường này mong rằng trường này sẽ đạt được mục-dích, vừa về đường học-vấn, vừa về đường thực-hành. Mong rằng những người tốt-nghiệp ở đây sau ra làm quan biết am-hiểu phận-sự mình, và lại vừa có cái học-thức cao, là một sự xưa nay nước Nam cũng như nước Tàu vẫn lấy làm chuộng lắm.

« *Cách-thức vào học, ở học và tốt-nghiệp.* — Tạm-thời hãg định rằng phàm người nào có bằng tốt-nghiệp ở trường Cao-đẳng Hà-nội, — bất cứ ban nào, — cũng được vào học cả. Vì đã thí-nghiệm rằng dù người đỗ ở trường Thuộc hay ở trường Công-chinh, tập việc ít lâu cho ra làm quan cũng được cả. Song sau này, rồi cũng có ngày sẽ phải định rằng nghề

làm quan chỉ để riêng cho những người tốt-nghiệp ở trường Pháp-chánh, và chỉ những người ấy được vào học trường Cao-dẳng ở Huế mà thôi. Vì rằng người nào đã học qua trường Pháp-chánh rồi thì theo các khoa pháp-luật ở trường Cao-dẳng dễ hơn. Tốt-nghiệp ở trường Cao-dẳng ra thì được bổ tri-huyện hay bổ chức gì ngang với chức ấy.

« Trong khi ở học thì được lương mỗi năm là 600 đồng lương ấy dù thi tốt-nghiệp hỏng phải học lại năm thứ nhì nữa cũng vẫn được giữ. Nhưng nếu đã có lương nào khác nữa thì trong hai lương chọn cái nào cao hơn mà chỉ được hưởng một cái thôi. Hoặc có người bác rằng những học-sinh tốt-nghiệp ở trường Cao-dẳng Hà-nội ra, vào làm việc các sở công còn được lương gấp đôi số lương học ấy. Song phải biết rằng nghề làm quan ở nước Nam là một nghề người ta xưa nay vẫn ham chuộng lắm. Vậy thời ai muốn theo vào nghề ấy, dẫu có phải thiệt về số tiền một chút, trông cũng không hề gì. Vả lương 50 đồng một tháng cũng là thừa đủ cung-dụng cho một người học-trò, trừ khi cứ theo thói thường trong xã-hội An-Nam bề thấy đã kiếm được đồng tiền cả nhà trông vào một người mà bạng-thực thì không kè. »

**Ông Bác-sĩ Sylvain Lévi sang chơi bên ta.** — Ông Bác-sĩ SYLVAIN LÉVI, giáo-học trường Đại-học Collège de France, sung chức thị-học (*directeur d'étu des*) ở « Cao-dẳng nghiên-cứu học-viện » (*Ecole des Hautes Etudes*) Paris, hiện đương du-lich ở bên ta, đến Hà-nội vào hạ tuần tháng 11 tây vừa rồi. Ông là một nhà bác-học có danh-tiếng không những ở nước Pháp, mà khắp cả trong thế-giới. Ông chuyên-trị về Ấn-độ, và rất là lâu-thông các cổ-văn-tự ở Ấn-độ. Suốt trong thế-giới có lẽ không mấy người thuộc chữ « phạn-ngữ » (*sanscrit*) là chữ Phật bằng ông.

Ông sinh ở thành Paris năm 1863. Hồi năm 1897-1898, ông đã được một lần Bộ

Học-vụ phái sang du-học quan-sát bên Ấn-độ và bên Nhật-bản.

Trong khi chiến-tranh, Bộ Ngoại-vụ cử ông đi phái-bộ sang đất *Palestine* và sang nước Hoa-kỳ; năm 1919, ông lại được Chính-phủ cử làm chức cố-vấn ở Hội Nghị-hòa. Từ năm 1920, ông dạy học ở trường Đại-học *Strasbourg*; hồi nhà đại-văn-hào Ấn-độ RABINDRANATH TAGORE đi du-lich Âu-châu có qua đây vào thăm ông mời ông sang chơi Ấn-độ; lại trường Đại-học *Calcutta* (thủ-đô Ấn-độ) cũng có giấy mời ông, nên ông mới đi du-lich chuyến này. Qua Ấn-độ thời ông có thăm các trường Đại-học *Calcutta, Docca, Patna, Bombay, Mysore*, v. v., trường nào cũng có mời ông giảng-học và diễn-thuyết. Ông chuyên-trị về Ấn-độ và học rộng ra cả các vấn-đề thuộc về Ấn-độ, nhưng thứ nhất là vấn-đề văn-minh học-thuật Ấn-độ truyền-bá trong cõi Á-châu, tự Tân-cương, Tây-tạng, cho đến Trung-quốc và Đông-dương ta. Ông là học-trò ông ABEL BERGAIGNE cũng là một nhà chuyên-môn về Ấn-độ-học có tiếng ngày trước. Ông bắt đầu học Ấn-độ hồi ông BERGAIGNE đương nghiên-cứu những cổ-từ của Cao-miên và Chiêm-thành, tức là ông vào cõi Ấn-độ-học giữa lúc Đông-dương ta cũng mới bắt đầu chiếm địa-vị trong cõi ấy. Lần này ông đi du-lich, có trường Đại-học *Tokyo* (Đông-kinh) và *Kyoto* (Kinh-đô) ở Nhật-bản cũng mời ông sang chơi, nhưng trước khi sang Nhật-bản ông còn ghé qua Đông-dương đã. Ông muốn mục-kích xem những cái cổ-tích tự *Angkor* cho đến cửa Hoành-sơn, là dấu vết của văn-hóa Ấn-độ truyền-bá sang cõi Đông-dương ta đời xưa. Ông lại muốn xem công-nghiệp của trường « Viễn-Đông Bác-cổ », là cái trường chính tay ông đã giúp cho thành-lập hồi xưa, và bao nhiêu thầy trò từ trước đến nay phần nhiều là học-trò cũ của ông cả. Sau nữa, ông đã quan sát cách

cai-trị của người Anh bên Ấn-độ, ông cũng muốn so-sánh cách cai-trị của nước Pháp ở Đông-dương, nhất là về việc giáo-dục là việc chính ông đã từng trải lắm. Nhờ có quan Toàn-quyền và các quan thủ-hiến các xứ tiếp đón và chỉ dẫn, ông đã quan-sát kinh-nghiệm được nhiều sự hay ở Cao-miên, Nam-kỳ và Trung-kỳ, nay ông mới tới Bắc-kỳ là xong cuộc du-lich ở Đông-dương. Chừng cuối tháng chạp tây thì ông đi sang Nhật-bản. Chuyến này ông đi không những là một cuộc du-lich riêng, mà cũng là một chuyến đi công-cán, vì bộ Học-vụ, bộ Ngoại-vụ và viện Khảo-cổ đều có đặc-phái ông vậy. — Ngày mồng 8 tháng 12, Hội Khai-tri có đặt tiệc trà đề hoan-ngheñh ông.

(Lược dịch theo báo *France Indochine*).

**Hội Việt-Nam Thanh-niên.** — Trên kia bản-chí có đăng một bài diễn-thuyết của ông TRẦN TRỌNG-KIM về Khổng-giáo ở Hội Việt-nam-thanh-niên. Gần đây lại tiếp được lai-cáo của Hội ấy về công-việc Hội từ khi thành-lập đến giờ, xin trích-lược đại-khái như sau này.

Hội đã khánh-thành ngày mồng 6 tháng 10 tây, có quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Toàn-quyền đến chủ lễ. Quan quyền Toàn-quyền BAUDOIN thời mấy hôm trước (ngày mồng 2 tháng 10) đã đến thăm nhà Hội rồi.

Công - việc của Hội trong mấy tháng vừa rồi thời có diễn-thuyết và du-lich.

Bắt đầu diễn-thuyết ngày mồng 8 tháng 10. Bữa ấy, ông quản-ly Hội là Quan-Ba MONET diễn về vấn-đề « Thế nào gọi là văn-minh? », đại-khái nói rằng văn-minh là tinh-thần thắng vật-chất, và dân-tộc Việt-Nam muốn tới cõi văn-minh thời phải biết khéo điều-hòa dung-hóa hai cái tinh-thần của văn-minh Âu Á.

Ngày 22 tháng 10 và mồng 5 tháng 11, ông TRẦN TRỌNG-KIM, thanh-tra các trường Sơ-học, diễn-thuyết về Khổng-giáo (bài thứ nhất đã đăng trong bản-chí ở trên kia).

Ngày 19 tháng 11, ông MONET quản-ly Hội diễn về cái « Thái-cực cực to », đại-khái nói về các tinh-tú là những vật-chất to trong vũ-trụ hình-thể thế nào và vận-động làm sao, chứng-nghiệm những sự tiến-bộ về khoa thiên-văn-học đời nay và so-sánh với các học-thuyết cổ bên Ấn-độ. — Ông sẽ diễn một bài sau nữa nói về cái « Thái-cực cực nhỏ » (như cái phân-tử của vật-chất, viên tế-bào trong thân-thể, v. v.) — Chú-ý mấy bài diễn-thuyết này là đề chứng-giải về lẽ đạo-đức, cho biết rằng trong vũ-trụ này, dầu vật cực to, dầu vật cực nhỏ, hình-thể tuy có khác mà chủ-động cũng bởi cái tinh-khí của trời đất, cái tu-tướng của người ta.

Du-lich thời đi xem những nơi thắng-tích, những sở công-nghệ, cốt lấy sự-thực mà chứng-minh những lời lý-thuyết trong các bài diễn-thuyết. Ngày 15 tháng 10 đi xem Văn-miếu, giữa ngày thu-lễ; ngày 29, xem lò đúc bát ở Thanh-tri; ngày 12 tháng 11, đi xem đền Đế-Thích và đền Hai Bà Trưng; ngày 26 tháng 11 thời đi xem sở Vô-tuyển-diện ở Bạch-mai, trước hôm ấy, Hội-trưởng là ông Philippe Tài, dạy khoa lý-hóa-học ở trường Trung-học Tây Hà-nội, có họp các hội-viên tại nhà Hội mà diễn - thuyết qua cho biết cái nguyên-ly của vô-tuyển-diện.

Ông Monet là quản-ly Hội thật đã có công cần-mẫn lắm; trong mấy tháng ông đi diễn-thuyết gần khắp các tỉnh Bắc-kỳ đề cổ-động và quyên tiền cho Hội: Ninh-bình, Hà-nam, Nam-định, Thái-bình, Hà-đông, Hải-dương, Hải-phòng, Quảng-yên, Kiến-an, Phúc-yên, Vĩnh-yên, Phú-thọ, Yên-bay, Bắc-ninh, Bắc-giang.

**Giới-thiệu sách mới.** — Ông Dương Bá-Trạc mới xuất-bản một quyển *Luận-ngữ* dịch ra quốc-văn đã đăng ở các kỳ báo *Trung-bắc* về mục *Bảo-tồn Khổng-giáo*, nay ông in riêng ra thành sách. Trong sách có chia ra từng loại: 1° *vệ-sinh*; 2° *luân-ly*; 3° *học-vấn*; 4° *nhân-nghĩa đạo-đức*;

5° lễ-nhạc ; 6° tinh-mệnh ; 7° chi-khi ; 8° xử-minh tiếp-người ; 9° chính-trị ; 10° tục-thượng ; 11° dạy người ; 12° dùng người ; 13° xem người ; 14° luận người ; 15° xử-biến. Cả thấy là 15 loại, loại nào chia theo loại ấy, để cho người đọc dễ nhận và dễ hiểu.

Quyển in ra đây mới là một phần trên đến mục thứ tám. Mục nào cũng có dịch âm chữ nho và chưa rõ là ở về «Luận-ngữ chính-văn» thiên thứ mấy và trang thứ mấy. Nếu người đọc mà đem cả chính-văn Luận-ngữ chữ nho ra mà đối-chiếu thì lại càng hiểu thấu được cả chữ nho.

Nước ta đương buổi tân cựu giao-thời này, cái phong-trào tân-học không lo gì là không thịnh, chỉ lo cái tinh-thần cựu-học mỗi ngày một suy, thế thời cái trách-nhiệm bảo-lồn Khổng-giáo ở các nhà cựu-học nước ta, cần phải nên đảm-đương lấy phần dịch-thuật mà truyền lấy cái tinh-thần Hán-học. Nay ông Dương mới xuất-bản quyển Luận-ngữ này, lời văn dịch cốt là truyền lấy tinh-thần, chớ không phải chỉ dịch nghĩa đen ở trên tờ giấy mà thôi, thực là có ý bổ-cứu cho phong-hóa xã-hội ta về mai sau này. Thử đọc ngay như câu văn dịch lời ông Tăng-tử rằng :

— Ta thường ngày lấy ba việc xét trong mình ta : Một là có vị người ta mưu việc gì mà chẳng hết lòng hay không ? Hai là chơi với bầu bạn mà nói chẳng thực lời hay không ? Ba là có điều gì thầy dạy bảo mà mình chẳng chịu tập học hay không ? Có thì ta gấp sửa mình ta ngay, mà không thì ta cố giữ mình ta cho khỏi bao giờ mình phạm phải những điều lỗi ấy.

Đọc những câu ấy thì bổ-ích về đường tu-thân luân-lý biết chừng nào !

Lại xem như thuật những việc đức Khổng-tử vệ-sinh về đường ăn uống, cốt lấy sạch sẽ thích thời làm chủ ; ăn cơm thì muốn gạo giã cho thật kỹ ; ăn gỏi thì muốn cá thái cho thật nhỏ. Vật gì trái mùa thì ngài không ăn ; vật gì cất thái

không được ngay ngắn thì ngài không ăn ; bữa ăn tuy có nhiều thịt nhưng vẫn ăn cơm nhiều hơn ; uống rượu không có hạn lượng bao nhiêu, nhưng không khi nào đến say quá.

Xem những cách ngài điều-độ như thế thì bổ-ích về đường vệ-sinh biết là chừng nào !

Hướng chi nước ta nhuần-thấm ở trong Khổng-giáo đã mấy nghìn năm nay, lớn từ chính-trị, luân-lý, lễ-nghĩa, phong-tục ; nhỏ đến ngôn-ngữ, cử-chỉ, cư-xử, thù-tiếp, tế-nhận ra điều gì cũng có tinh-thần Khổng-giáo tiềm-nhiễm ở trong nhân-quần xã-hội ta ; nay lại được quyển sách này mà đọc mà ôn lại, thì họa may quốc-dân ta mới không đến nỗi nhãng bỏ mất cái tinh-thần Khổng-giáo mà phong-hóa xã-hội ta mới có phần bổ-cứu được ít nhiều chăng. Mong ông xuất-bản cho trọn hết cả toàu-bộ.

Chữ quốc-ngữ nước ta là một thứ chữ rất tiện về đường phổ-thông giáo-dục, nên bây giờ phải cần xuất-hiện ra được nhiều sách quốc-văn giáo-khoa, mà sách quốc-văn giáo-khoa cho lũ nhi-đồng thì cốt làm sao cho giản-dị thông-thu.

Lũ trẻ con dễ hiểu thời mới có tin về đường phổ-thông giáo-dục được. Ông Thái-viên Phạm Văn-Thiệu vừa mới xuất bản một quyển *Khải-dòng thi-ca*, trên đầu sách có in cả văn quốc-ngữ, có cả các bài tập đọc ; trong sách thời chia làm ba phần : phần thứ nhất : *tạp-khoa* ; phần thứ hai : *cách-trị* ; phần thứ ba : *vệ-sinh* ; trong ba phần ấy ông đều dùng lối thi-ca, như là lối *lục-bát*, *Cung-oán*, *ngũ-ngôn*, *thất-ngôn*, mà diễn giải ra, cả thấy là 52 bài, chính ý ông là muốn dùng lối thi-ca để giúp cho bọn thiếu-niên dễ thuộc dễ nhớ những điều giản-dị trong các phổ-thông khoa-học, như là bài trẻ mới học :

Năm ngoái tôi còn bé,  
Cả ngày đùa với trẻ.  
Bây giờ tôi lớn rồi,  
Ngồi học đã tử-lẽ.

Bài khuyên học :

*Biết nghĩ ta nên tiếc tháng ngày,  
Chúng em còn bé học cho hay.  
Sợi dây cưa mãi cây dành đứt,  
Con kiến tha lâu tổ hũn đầy.*

Bài học trò :

*Này tôi đừng mục học trò.  
Ngày ngày cắp sách đi cho đến trường.  
Miệng tôi ngâm đọc văn-chương.  
Tay tôi tập viết thẳng hàng không sai.*

Xem như những bài ấy thì dầu trẻ mới học cũng thích ngâm-ngã, mà đọc lên là hiểu ngay ý-nghĩa. Nếu các bài khác, nhất là những bài về phần cách-trí mà bài nào cũng giải-diễn cho được ý-nghĩa lưu-loát như thế, thì thực là một món quà tốt cho các bạn thiếu-niên sau này.

Khen thay ông Thái-viên cũng đã dụng-công về thi-ca, mà cũng đã lưu-ý về việc phổ-thông-giáo-dục, chớ không phải chỉ múa mép những câu sâm-xoan hát lý, chỉ làm đậm-dăng nhân-tâm phong-tục đi đâu. Đây là ông mới xuất-bản một

quyển: « *Tap-khoa, cách-trí, vệ sinh, quyền này hãy đọc cho tinh đã mà; quyền sau khoa-học thi-ca, dạy khoa lịch-sử cũng là địa-dư.* » Đó là lời ông hứa sau này ông sẽ còn nhiều sách xuất-hiện ở trong phổ-thông-học-giới nước ta, mà có lẽ lại giản-dị tinh-tường hơn trước. Bản-chí hãy xin giới-thiệu quyển *Khải-dòng thi-ca* này trước, là có ý mong cho tác-giả còn xuất-bản nhiều sách, không những mong cho tác-giả, mà lại mong cả các nhà trước-thuật trong làng văn.

Nhà in *Mac Dinh-Tu* mới xuất-bản một quyển tiểu-thuyết *Mãnh-tinh-chung*, nguyên là một bộ ái-tình-tiểu-thuyết của Tàu, cả thảy 10 thiên; ông Đinh Gia-Thuyết dịch ra quốc-văn, trong các tích đều có lời bình-luận. Tuy rằng là chuyện ái-tình mà lại có đủ cả trung, trinh, hiếu, nghĩa, xem ra cũng không đến nỗi hại cho phong-hóa. Vậy Bản-chí vui lòng giới-thiệu cùng chư độc-giả. Sách in 62 trang, giá bán 0,20.

## TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIÊN-ĐỨC »

**Ấn bản kỷ hội-đồng quản-trị ngày 26 tháng 11 tây năm 1922.**—

Các hội-viên hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí tiên-đức có họp tại nhà công-quán ngày chủ-nhật hai mươi sáu tháng mười một năm 1922, hồi tám giờ sáng, để bàn những việc đã ghi vào chương-trình kỷ hội-đồng ấy.

Hội-trưởng là quan Hoàng Trọng-Phu làm chủ-tọa.

Những ông kê tên sau này có mặt tại Hội-đồng: Marty, Phạm Văn-Thụ, Đặng Đức-Cường, Lê Trung-Nuộc, Trần Văn-Thông, Từ Đạm, Bạch Thái-Bưởi, Nguyễn Năng-Quốc, Nguyễn Tất-Tế, Bùi Huy-Lin, Đỗ Thận, Lê Văn - Phúc, Phạm Mạnh-Xứng, Trần Trọng-Kim, Lê Thành-Ý, Phạm Huy-Lục, Nguyễn Văn-Nho, Nguyễn-Thành.

Chánh Phó Thư-ký là ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Qui-Toàn giữ việc giấy-má trong kỷ hội-đồng.

Khi quan Hội-trưởng khai hội-đồng, thời

quan Marty nói rằng quan Tissot là danh-dự hội-trưởng nhân bản việc không lại dự hội-đồng được xin kiếu, và có dặn rằng xin Hội-đồng cảm ơn ông Đỗ Thận đã có bụng tốt cho Hội mượn cái trại Bạch-mai của ông để làm ấu-trĩ-viên, và cảm ơn bà lớn Hoàng Trọng-Phu đã họp được một hội-đồng các bà để coi việc ấu-trĩ-viên.

Hội-đồng đều đồng-thoaah cảm ơn ông Đỗ-Thận và bà lớn Hoàng.

Nhân nói về Ấu-trĩ-viên, quan Marty bàn nên in ra những sổ quyền để giao cho các Hội-viên ông nào có bụng tốt nhận đi cõ-động giùm cho được nhiều người quyền. Có trình một cái mẫu sổ quyền, cả Hội-đồng đều ưng-thuận. Ngoài sổ quyền, ông thủ-quí sẽ cho in những tập biên-lai tạm để giao cho các ông hội-viên có sổ quyền, khi nào nhận được tiền của ai sẽ tạm phát biên-lai rồi sau giữ tổng-số về cho ông Thủ-quí thân nhân.

Xong việc Âu-trĩ-viên, ông Phó-thư-ký Nguyễn Qui-Toản đọc tờ biên-bản kỳ hội-đồng trước (đã in trong *Nam-Phong* số 63). Hội-đồng duyệt-y.

— Đoàn, xét đến các hội-viên mới xin vào Hội. Ông Nguyễn Qui-Toản đọc tên các ông xin vào hội đã đăng báo quá hai tháng không có ai dị-nghị, hội-đồng nhận cho vào Hội. Ông Toản lại đọc hai cái thơ dị-nghị về một ông mới xin vào hội và về một ông đã có chân Hội rồi, nhưng xem ra toàn là dị-nghị về việc nhà và việc riêng của người ta, nên hội-đồng không xét. Nhân hội-đồng bàn đến cách nhận những người vào Hội. Theo lệ thời Hội trưởng nhận được đơn nào xin vào Hội, cho đăng tên ngay vào tập kỷ-yếu của Hội trong báo *Nam-Phong*, hạn hai tháng trong Hội-viên không có ai dị-nghị thì được nhận vào Hội. Nhưng xét ra cách ấy cũng có điều không tiện: một là đã đem tên người ta lên báo-trương rồi, mà hoặc sau có ai dị-nghị phải bỏ ra, không khỏi mất lòng; hai là phải đợi đến hai tháng được vào hay không được vào mới biết, thời có điều khó cho sự thu tiền, vì rằng đã nhận ra người nào lúc mới xin vào Hội cũng sẵn lòng muốn nộp tiền ngay, nhưng cách vài ba tháng về sau hoặc nhãng đi, hoặc bận việc, thu tiền lấy làm khó-khẩn lắm, như hiện nay còn hơn một trăm ông vào Hội đã lâu mà chưa nộp tiền. Hội-đồng bàn giờ lâu, rồi quyết-định như thế này: từ rày nhận được giấy ai xin vào Hội thời trước khi đăng báo hãy đem ra Hội-đồng quản-trị xét một lượt trước đã, khác nào như lọc một lần đầu, rồi mới đăng báo để hỏi ý-kiến cả các hội-viên ở ngoài, người nào hơi nghi thời hãy tạm để lại không đăng vội. Duy người nào xin vào Hội mà đã có một ông Hội-viên giới-thiệu, tức là đảm-nhận, thời tuy cũng cứ theo lệ thường như trên, nhưng ông hội-viên giới-thiệu ấy có thể thu tiền nộp cho ông Thủ-quĩ Hội, hoặc bảo người xin vào Hội gửi tiền ngay lên cho ông Thủ-quĩ trước hạn hai tháng cũng được, để cho tiện việc thu-nhập. — Theo lệ mới ấy, ông Toản đọc tên những người mới có giấy xin vào Hội, Hội-đồng thuận rồi, mới để riêng để đăng vào báo kỳ này.

— Đến việc mấy hội học bên Pháp muốn giao-thiệp với Hội ta. Ông Phạm Quỳnh trình Hội-đồng rằng hồi ông ở Paris, có hai hội *Société des Amis de l'Orient* và hội *Institut*

*Colonial français*, nghe ông nói chuyện về Hội Khai-tri, có ý muốn giao-thiệp với Hội ta. Ông Phạm Quỳnh kể qua về mục-dịch hai hội ấy, cũng có điều ích-lợi cho người nước ta, vậy Hội-đồng ưng-thuận đề quan Hội-trưởng viết thư cho hai Hội ấy nói rằng Hội ta vui lòng muốn giao-thiệp.

Đoạn xét đến vấn-đề *Nam-Phong*. Ông Phạm Quỳnh, chủ-nhân kiêm chủ-bút tạp-chí *Nam-Phong*, trình Hội-đồng rằng từ khi Hội Khai-tri thành-lập đến giờ, tạp-chí của ông vẫn hết sức giúp Hội, không những cô-động bằng các bài văn mà lại mỗi kỳ để riêng mấy tờ in công việc Hội; và từ trước đến nay Hội cũng đã ám-nhận tạp-chí ấy như là cái báo cơ-quan của Hội; duy hướng-lai chưa có tỳ-tích gì làm bằng, vậy nay ông xin hội-đồng công-nhiên nhận cho *Nam-Phong-tạp-chí* làm cơ-quan-báo của Hội, chủ-quyền báo thời vẫn của ông, nhưng về phần ông thời ông xin hết sức đem báo cô-động cho Hội và để riêng mỗi kỳ mấy tờ in công việc Hội như trước, về phần Hội thời ông chỉ xin Hội lấy cái thể-lực một đoàn-thể lớn trong nước mà che-chở bảo-hộ cho báo ông mà thôi. Cả hội-đồng đều ưng-thuận như thế và định ghi rõ-ràng vào biên-bản để làm bằng. — Nhân quan Hội-trưởng bàn với Hội-đồng cảm ơn ông Phạm Quỳnh làm chủ báo *Nam-Phong* trước sau đã hết lòng giúp Hội, và cảm ơn cả các tòa báo An-Nam ở Hà-nội, như báo *Trung-bắc*, báo *Kho* và báo *Thực-nghiệp*, cũng đều có công cô-động cho Hội cả.

— Rồi đến vấn-đề tiêu-học bằng quốc-ngữ. Ông Phạm Quỳnh đọc cái giấy của một ông hội-viên Nguyễn Trọng-Hàn xin Hội vận-động cho Chính-phủ lấy chữ quốc-ngữ làm gốc bậc tiêu-học. Ông Phạm Quỳnh lại nói rằng về phần riêng ông cũng đã cô-động trong các báo tây về việc đó, kể rõ những sự hại của cách dạy ở các trường Pháp-Việt bây giờ, cái gì cũng dạy bằng chữ tây cả thành ra con trẻ chỉ học truyền-khẩu như con yêng con vẹt mà không hiểu nghĩa-lý gì cả; phổ-thông-giáo-dục trong một nước mà dạy bằng tiếng ngoại-quốc như thế là sai cách hẳn. Mười mười lăm năm về trước, nhà nào có con cho đi học giảm ba năm chữ tây, còn mong cho đi làm việc các sở mà kiếm tiền được; chớ như bây giờ đầu tốt-nghiệp các trường lớn ra còn e có ngày ế.

hướng được cái bằng sơ-học chữ tây thời đã mong-mỏi gì. Cho nên cái mục-dịch sự học ngày xưa là mong để kiếm ăn ; cái mục-dịch sự học bây giờ chỉ mong để làm người hay người giỏi mà thôi. Cứ như thế thì sự học ở các trường sơ-học (tức là trường Pháp-Việt) của Chính-phủ bây giờ không bao giờ đạt được cái mục-dịch ấy : học-trò trong mấy năm ở nhà trường chỉ nhồi óc bằng những câu tiếng tây mập-mờ không hiểu rõ, còn nghĩa-lý không biết một tí gì cả, thậm-chi những người thuần học tiếng tây ở các trường Chính-phủ đối với xã-hội đã mang tiếng là người ngầy-ngốc nhố-nhăng. Nay muốn trừ sự hại đó thời phải xin Chính-phủ thay đổi hẳn cái học chế về bậc sơ-học, lấy chữ quốc-ngữ làm chữ chính, chữ Pháp làm chữ phụ và tốt-nghiệp thời thì một cái bằng « tiểu-học-tốt-nghiệp bằng quốc-ngữ », gọi là bằng *khóa-sinh* ; học-trò nào có tư-cách học lên trung-đẳng thời khi tốt-nghiệp sơ-đẳng rồi sẽ học thêm vài năm thuần chữ tây ở những trường dự-bị riêng để thi vào các trường trung-học, v. v. — Hội-đồng nghe ông Phạm Quỳnh nói đều công-nhận rằng cách dạy học bằng chữ Pháp bây giờ là sai lầm và biều đồng-tình với ông. — Ông Trần Trọng-Kim nói rằng ông đi thanh-tra các trường thường có nơi vào hỏi học-trò bằng tiếng An-Nam rằng : « Ở đây có học Nam-sử không ? », học-trò trả lời rằng : « Không, chúng tôi chỉ học *Histoire d'Annam* mà thôi ! » ; coi thế thời biết sự học sai-lầm là dường nào ! Ông Kim nói ông là người trong giáo-giới, ông đã biết những sự sai lầm ấy lâu rồi và tường lắm. — Quan Hoàng Trọng-Phu nói rằng ngài thường đi xem các trường học nhà quê, thấy có nơi dạy thuần chữ tây cả, ngài hỏi thầy giáo có làm sao, vì trong học-qui đã nói rõ rằng các trường nhà quê không cưỡng-bách phải học chữ tây, thầy giáo trả lời rằng phải theo trong *Học-báo* của Chính-phủ phát cho, mà chính trong *Học-báo* có bài chữ tây. — Quan Phạm Văn-Thụ, tổng-đốc Nam-định, quan Từ Đạm, tổng-đốc Hải-dương, quan Nguyễn Năng-Quốc, tuấn-phủ Hưng-yên, quan Nguyễn Tất-Tế, thượng-tá Hà-dông, đều công-nhận rằng cách dạy ở các trường sơ-học bây giờ không thích-hợp với sự cần-dùng trong dân-gian, và nhiều nơi dân xin học chữ tây là không hiểu cái mục-dịch sự học, chỉ nghĩ

đến cái học kiếm gạo khi xưa mà thôi. Cả hội-đồng đều đồng ý như thế, và quyết định làm một tờ thỉnh-cầu lên quan Thống-sứ Bắc-kỳ, đại-khai nói rằng : « Xét ra sự sơ-học « cho con trẻ An-Nam bây giờ, tuy có « chia ra trường yếu-lược nhà quê không dạy « chữ Tây và trường kiêm-bị dạy thuần chữ « tây, nhưng kỳ-thực đâu đâu cũng khuynh- « hướng dạy chữ Tây hết ; — Xét ra bậc sơ- « học-phổ-thông trong một nước mà dạy bằng « một tiếng ngoại-quốc như thế, là sai cách « và chỉ khiến con trẻ học truyền-khẩu như « con yêng mà thôi ; — Xét ra cách học như « thế lại có điều bất-lợi về đường chính-trị « và xã-hội nữa, là khiến cho trong dân-gian « không khỏi được cái mơ-mộng cho con học « tây là chỉ mong để làm việc nhà-nước, và mỗ, « năm số học trò tốt-nghiệp tiểu-học chữ tây « có ngoại nghìn, trong số ấy bất-quá vài trăm « được vào trường trung-đẳng, còn thời vì đã « học ít tiếng Tây tưởng ngoài đường làm « thuê cho nhà-nước không có nghề-nghiệp « gì xứng-đáng nữa, thành một hạng người « dở-dang, hại cho xã-hội ; — xét tình-hình « như thế thời dẫu Chính-phủ có hết sức mở- « mang sự học mà cách dạy học như thế thật « là không có kết-quả tốt về đường giáo-dục « con trẻ ; — bởi các lẽ như trên, Hội Khai-trí « thỉnh-cầu quan Thống-sứ mấy điều như sau « này : 1) Xin cho dạy bậc tiểu-học bằng quốc « ngữ hết cả, tiếng Pháp sẽ dạy phụ như « tiếng ngoại-quốc ; — 2) xin bậc tiểu-học ấy « sẽ có một cái tài tốt-nghiệp bằng quốc-ngữ, « gọi là thi *Khóa-sinh* ; — 3) xin trên bậc tiểu- « học đặt những lớp dự-bị dạy tiếng Pháp « ít là hai năm cho những học-trò nào có tư- « cách lên học bậc trung-đẳng ; — 4) xin « Chính-phủ đặt một hội-đồng cải-lương bậc « tiểu-học để xét về các phương-cách thi « hành mấy điều như trên đó là những điều « hết-thảy người trí-thức trong dân An-Nam « đều mong-mỏi cả, nhất là xét về cách làm « sách giáo-khoa bằng quốc-ngữ, cải-định « chương-trình mới và luyện-tập các thầy- « giáo mới. »

Lời thỉnh-cầu ấy Hội-đồng nhờ quan Hội-trưởng đạt lên quan Thống-sứ Bắc-kỳ.

—Đoạn rồi, đến việc ông Nguyễn Quý-Toản kiêm-đốc trường Thê-dục Hà-nội, xin Hội-bảo-trợ cho việc ông định mở một cuộc Thê-thao

và thi chạy ngày 24 Décembre. Quan Marty nói rằng trường Thê-dục của ông Toàn là một cuộc công-ích, Hội nên tuởng-lộ, không những nên nhận bảo-trợ cuộc thi chạy tháng sau mà lại nên giúp cho Trường ấy một trăm đồng để tổ-chức cuộc ấy cho thật tốt đẹp. Hội-đồng đều ưng cả.

Các việc bàn đã hết, 12 giờ trưa hội-đồng tan.

*Chánh Phó Thư-ký*

PHẠM QUỲNH VÀ NGUYỄN QUI-TOẢN

*Hội-trưởng*

HOÀNG TRỌNG-PHU

**Tiệc trà.** — Trong tháng 11 tây, Hội có làm hai tiệc trà : Một tiệc ngày 11 để đón Bà cụ Trần Thị - Thọ, là một nhà từ-thiện Nam - kỳ trước đã cúng cho Hội 1000 đồng và nay đã quyên cho Ấu-trĩ-viên 500 đồng ; một tiệc ngày 26 để đón hai ông thạc-bào Nam-kỳ, ông Phủ Kim và ông Huyện Nuôi, ra chơi Bắc-kỳ : hai ông đều có quyên tiền vào Hội, lại hứa sẽ cõ-dộng cho Hội ở Nam-kỳ. — Hai tiệc ấy đều có các hội-viên tri-sự và mấy ông hội-viên ở Hà-nội đến dự, vui vẻ lắm.

**Giấy xin vào Hội.** — Trong tháng Novembre có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội. Hạn trong hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

A. — *Xin vào chân chủ-trì :*

- 1 M. Nguyễn Ngọc-Hoán, Thư-ký tòa Lục-lộ, phủ Thọ-xuân, tỉnh Thanh-hóa, (quán làng Hoàng-nha, huyện Văn-lâm, tỉnh Hưng-yên.)
2. — Lê Đình-Gioãn, Giáo-học, phủ Thọ-xuân, tỉnh Thanh-hóa (quán 37 bis Boulevard Armand Russeau Hà-nội.)
3. — Nguyễn Hữu-Long, Thư - ký sở Lục-lộ, phủ Thọ-xuân, tỉnh Thanh-hóa, (quán 133, Rue des Changeurs Hà-nội.)
4. — Phạm Quang-Nguyên, Thư-ký sở Lục-lộ, phủ Thọ-xuân, par Thanh-hóa (quán 37 rue du Pont en Bois Hà-nội )
5. — Nguyễn Văn-Phụng, Secrétaire des Douanes et Régies, phủ Thọ-xuân, Thanh-hóa.
6. — Lê Xuân - Chinh, Opérateur des Travaux publics, phủ Thọ-xuân, Thanh-hóa, (quán làng Nội-duệ, tỉnh Bắc-ninh )  
(6 ông này do ông hội-viên Vũ Gia-Tường giới-thiệu.)
7. — Nguyễn Văn-Thư, Secrétaire Télégraphiste à la Compagnie du Yunnan à Amitchéou Yunnan, (do ông Vũ Đình-Chung giới-thiệu)
8. — Vũ Chính-Bình dạt Vĩnh-Thuận, Commerçant, 47 Avenue Général Pichot Hà - nội, (do ông Trịnh Xuân-Nghĩa giới-thiệu.)
9. — Nguyễn Văn-Lan, Industriel ceramique Usine Briqueterie et Tuilerie Hà-nam, (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu.)
10. — Trần Đức-Vận, Secrétaire des Résidences Kouang - tchéou-Wan Fort Bayard.
11. — Nguyễn Văn-Lợi, Radiotélégraphiste Fort Bayard - Kouang-tchéou-Wan.
12. — Nguyễn Hữu - Sung, Secrétaire principal des Travaux publics 62 rue du Papier Hà-nội, (do ông Đỗ Thận giới-thiệu.)
13. — Lê Vũ-Huân, Thư-ký sở Lục-lộ, Fort Bayard Kouang - tchéou-Wan.
14. — Trần Đức-Vượng, Radiotélégraphiste, Fort Bayard Kouang-tchéou-Wan.
15. — Cao Ngọc-Lan, tòng sự tại tòa Bru-điện, Fort Bayard Kouang-tchéou-Wan.
16. — Nguyễn Văn-Lương, Radiotélé-

- graphiste, Fort Bayard Kouang-tchéou-Wan.
17. — Nguyễn Văn-Bài, Comptable à la Compagnie du Yunnan, 4 rue Maréchal Joffre Hà-nội, (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu).
18. — Lưu Đức-Trinh, Thương-mại, Fort Bayard Kouang-tchéou-Wan.
19. — Bùi Tiến-Đức, làm việc sở xe-hỏa Vân-nam, 35 rue Georges Lamblot (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu).
20. — Nguyễn Văn-Loan, Secrétaire télégraphiste des postes et télégraphes, 4 rue Maréchal Joffre Hà-nội (do ông Nguyễn Thành giới-thiệu).
21. — Hoàng Khắc-Cương, Giáo-học trường nữ-học Hải-dương.
22. — Nguyễn Văn-Thức, làm máy ở sở Đông-Pháp vô-tuyến-diện à Cao-bằng.
23. — Nguyễn Bách, Tri-huyện Thanh-ba, Phú-thọ.
24. — Hoàng Văn-Quý, Hàn-lâm Điện-tịch, làm ruộng, ký-bỏ tri-châu, hiện lĩnh Cầm-kê huyện Bang-tá.
25. — Trịnh Đình-Chương, chánh-tri-châu, Yên-Lập, Phú-thọ.
26. — Nguyễn Văn-Chấp, Arpenteur du Cadastre Hà-đông, (do ông Nguyễn Gia-Huy giới-thiệu.)
27. — Phùng Như-Tài, Négociant 10 rue de Bắc-ninh, Hải-phòng.
28. — Lê Cửu, phó-ly cự, làng Nha-trung, tổng Nha-thượng, huyện Kim-anh, tỉnh Phúc-yên.
29. — Nguyễn Trinh-Cát, làng Cồ-già, tổng Cồ-già, huyện Nam-trực, tỉnh Nam-định, Trợ-tá phủ Thường-tín Hà-đông.

30. — Phan Văn-Thụy, cự phó-tổng, làng Điều-yết, tổng Thụy-phú, phủ Thường-tín Hà-đông.

B. — Xin vào chân thường-hội-viên

1. M. Đặng Thế-Hoàn. Secrétaire à l'Ecole Française d'Extrême Orient Hà-nội.

2. — Nguyễn Liên, Secrétaire à l'Ecole Française d'Extrême Orient Hà-nội.

**Hội viên mới.** — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng tên trong Nam-Phong từ số 62-63. Nay hết hạn hai tháng trong các hội-viên không ai có điều gì dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ 1er Novembre 1922 :

Vào chân tán-trợ :

M. Nguyễn Hữu Dĩnh, (trước có chân chủ-trì).

Vào chân chủ-trì :

M. Nguyễn Hữu-Nguyên. — Phạm Văn-Mê. — Bùi Văn-Bia. — Nguyễn Đức-Mai. — Nguyễn Văn-Lợi. — Nguyễn Đình-Giốc. — Nguyễn Tạ-Vòi dit Xuyên. — Vũ Đình-Khôi dit Xuân-Phương. — Nguyễn Đình-Bạt. — Phó Đức-Thành. — Nguyễn Văn-Toản. — Bùi Thượng-Chí. — Đoàn Thiếp. — Phạm Văn-Phúc. — Trịnh Ngọc-Trang. — Nguyễn Văn-Đáp. — Lê Bá-Hoan. Nguyễn Phương-Lâm. — Paul Nam-Sinh. — Trần Đức-Tiến. — Nguyễn Thiện-Chính. — Nguyễn Khắc-Huy. — Lê Đình-Thắng. — Trịnh Văn-Mẫn. — Tống Khắc-Hán. — Chu Văn-Dương. — Phạm Văn-Thảo. — Nguyễn Văn-Tấn. — Nguyễn Tâm-Luyến. — Nguyễn Ngọc-Tăng. — Nguyễn Ngọc-Bình. — Phạm Duy-Tiên. — Bùi Phát-Tường. — Tô Bá-Toản. — Đỗ Trọng-Thư. — Vũ Hữu-Tụng. — Nguyễn Thịnh. — Nguyễn Hữu-Bích. —

Nguyễn Trương-Trứ. — Nguyễn Bá-Luận. — Nguyễn Quang - Oánh. — Lê Văn-Tân. — Vũ Tự-Tiếp. — Bùi Xuân-Học. — Nguyễn Như - Tùng. — Trần Văn - Quế. — Nguyễn Mạnh - Quí. — Nguyễn Văn-Huệ. — Nguyễn Vầu-Tự. dit Một. — Trần Hồng. — Nguyễn Quảng-Xương. — Thầm Quỳnh. — Vũ Quang-Hiệt. — Nguyễn Văn-Nhân. — Cao Văn-Lộc. — Hà Văn-Bình. — Trần Đức-Phú. — Vũ Tiến-Sáu. — Khương Bình-Tịnh. — Nguyễn Lượng. — Hoàng Trung - Thứ. — Nguyễn Văn - Khai. — Lương Xuân - Huy. — Lê Đình-Khoa. — Hoàng Huy - Tuấn. — Vũ Đình - Luận. — Trần Bá - Trung. — Trần Văn - Nhân — Lã Quý-Chủ. — Trương Hán-Thu. — Nguyễn Văn-Dị. — Nguyễn Duy-Cần. — Đỗ Đình-Thiện. — Bùi Văn-Thiếp. — Nguyễn Sán. — Bùi Xuân - Trạch. — Hoàng Minh-Vui. — Ngô Quí-Trấn. — Tạ Công-Thọ. — Nguyễn Quí-Kế. — Nguyễn Đức-Du. — Vũ Thành. — Nguyễn Khắc-Thư. — Đỗ Văn-Dị. — Phạm Hữu-Quí. — Phạm Bùi-Cầm. — Nguyễn Văn-Thảo. — Đỗ Đôn. — Đỗ Lê-Thanh. — Phạm Gia-Thiền. — Đào Văn-Hán. — Lê Văn - Lân. — Đặng Đình-Điệp. — Nguyễn Văn-Điệp. — Nguyễn Kim-Thanh. — Nguyễn Huy-Lâm. — Đinh Xuân-Toản. — Vương Văn - Thắng. — Vũ Văn - Khang. — Nguyễn Văn-Kiều. — Trần Văn-Huệ. — Trình Trọng-Phúc. — Nguyễn Năng-Chính. — Nguyễn Văn-Tích. — Trần Mạnh-Đàn. — Đỗ Kim-Ngọc. — Vũ Đình-Cung.

Vào chân thường Hội-viên.

M. Nguyễn Hược-Báu. — Nguyễn Đăng-Điện.

Việc quyên tiền vào Hội

M. M. Lê Văn-Nuôi, tri-huyện hono-  
raire ở Vĩnh-long 200\$00

2. — Trần Thiện-Kim, tri-phủ  
ở Mĩ-tho 100 \$, 00
3. — Vương Đắc-Thiệu, ở làng  
Sơn-lộ (Sơn-tây) 100 . 00
4. — Long, maire du village de  
Châu-phủ à Bến-tre 5 . 00

**Cải chính.** — Báo Nam-Phong số 63, tập kỷ-yếu của Hội K. T. T. Đ. có đăng tên ông Phạm Bùi-Tâm xin vào chân chủ-trì hội-viên, nay xin đổi là PHẠM BÙI-CẦM mới đúng tên.

\* \* \*

**Tờ biên-bản kỳ hội-dồng chủ-sự  
cuộc Ấu-trì-viên ngày 9 tháng  
một tây năm 1922.**

Hồi 5 giờ rưỡi chiều mồng 9 tháng một tây tức là ngày 21 tháng 9 ta, các hội-viên hội-dồng chủ-sự cuộc Ấu-trì-viên đã họp tại nhà công-quán hội Khai-trí-tiến-đức để xem xét tình-hình công-cuộc Ấu-trì-viên và bàn các việc linh-tinh.

Quan nguyên Khâm-sứ Tissot, chánh hội-dồng chủ-sự cuộc Ấu-trì-viên làm chủ-tọa.

Dự hội-dồng có những ông này :

Quan Dr Le Roy des Barres, quan Pháp-chính Marty, ông Trạng-sư Berthelot, quan Dr Coppin, ông Bạch Thái-Bưởi, quan Tổng-đốc Lê Trung-Ngọc, quan Thương-tá Nguyễn Tất-Tế, ông Phạm Mạnh-Xương, ông Nguyễn Quí-Toản, ông Đỗ Thận, ông Phạm Huy-Lục, ông Bùi Đình-Tá, ông Nguyễn Việt-An, ông Trương Hán-Thu và ông Lê Thành-Ý.

Những ông có tên sau này có giấy cáo:  
Quan nguyên Tổng-đốc Mai Trung-Cát,  
ông Bùi Huy-Tín, ông Trần Việt-Sơn.

Ông Lê Văn - Phúc, Tổng-thủ-quĩ hội Khai-trí cũng tới dự hội-dồng.

Về việc lập một Ấu-trĩ-viên làm mẫu mà kỳ hội-đồng trước hội-đồng đã ủy quan Thương-tá Nguyễn Tất-Tế chọn một nơi rộng-rãi ở gần thành-phố Hà-nội để tiện đường đi lại, thì nay có ông Đỗ Thận cho Hội mượn cái trại của ông ở Bạch-mai, vậy hội-đồng định đến sáng ngày thứ hai 13 Novembre, hồi 9 giờ sẽ tới nhà ga xe điện ở bờ hồ Hoàn-kiểm để cùng xuống thăm trại của ông Đỗ Thận.

Hội-đồng lại cử một ban đề tồ-chức và quản-trị Ấu-trĩ-viên làm mẫu này. Ban tiêu-hội-đồng ấy có những ông này: Quan Tổng-đốc Lê Trung-Ngọc, quan Thương-tá Nguyễn Tất-Tế, ông Đỗ Thận, ông Nguyễn Qui Toàn, ông Bùi Đình-Tá, ông Trương Hán-Thu.

Ông Lê Văn-Phúc có tình đề hội-đồng biết rằng số tiền lạc-quyên vào Ấu-trĩ-viên hiện đã thu được là 1.188 p.00 và số tiền quyên riêng vào Ấu-trĩ-viên làng Thanh-liệt là 1.025 p. 00 lại còn những tiền đề quyên chưa nộp và các thứ quần áo đồ đạc quyên giúp chưa kể.

Đến gần 7 giờ thì hội-đồng giải-tán.

Chánh hội-đồng                      Tổng Thư-ký,  
chủ-sự cuộc Ấu-trĩ-viên

Hội đồng các bà An-Nam đề giúp hội-

đồng chủ-sự cuộc Ấu-trĩ-viên có bà-lớn Hoàng Trọng-Phu làm chủ-tọa đã họp lần thứ nhất ngày 28 tháng 9 tây hồi 4 giờ rưỡi.

Hôm ấy có những bà này :

Bà lớn Hoàng Trọng-Phu, Lê Trung-Ngọc, Trần Văn-Thông, Chế Quang-Ân, Đỗ Đình-Thuật, bà Đào Huống Mai, Nguyễn Liên-Đông-Thuận, Phan Kế-Lợi, Le Roy, Nguyễn Qui-Toản, Phạm Quỳnh.

...

Hội-đồng họp lần thứ hai ngày 16 Novembre 1922 hồi 2 giờ rưỡi chiều.

Hôm ấy có bốn mươi bà dự hội-đồng mãi đến 5 giờ mới giải-tán.

Ngay buổi hôm ấy quyên được 250p.00, bà Trần Thị-Thọ, người Nam-kỳ ra du-lich ngoài Bắc cũng quyên vào cuộc Ấu-trĩ-viên một nghìn đồng bạc.

Hôm ấy các bà đã cử một hội-đồng đề giúp đỡ về cuộc Ấu-trĩ-viên, hội-đồng ấy có những bà này :

Bà-lớn Hoàng Trọng-Phu, Lê Trung-Ngọc, bà Trần Văn-Thông, Nguyễn hữu-Liên, Đào Huống-Mai, Vạn-Tường, Phan Hữu-Lợi, Phúc-Thành, Lợi-ký, Bảo-ký, Thuận-Tin, Vũ Huy-Quang, Long-ký, Phan Hữu-Lâm, Trần Việt-Soạn.

Các bà đã tỏ ra rất nhiệt-thành với cuộc Ấu-trĩ-viên.



## Bài ca Âu-trĩ-viên (trẻ con đọc)

## I

### Đạo làm con

Anh em ta ! Anh em ta ! Có mẹ, có cha, Cru-mang chín tháng đẻ ra. Cha mẹ nuôi nấng biết bao là ! Chúng ta lên ba, lên bốn, lên năm, lên sáu, lên bảy dần-dà. Thế mà cha mẹ vẫn nâng như trứng, hứng như hoa. Chúng ta phải sớm hôm hầu-hạ cho vui cửa vui nhà. Kính cha mẹ, mến cha mẹ, cho mãi đến lúc chúng ta lớn, chúng ta già.

## II

### Đạo làm cháu

Anh em ta ! Anh em ta ! Có ông có bà. Ông bà sinh ra mẹ, sinh ra cha. Ông cho chúng ta quả, bà cho chúng ta quà. Chúng ta lên ba, lên bốn, lên năm, lên sáu, lên bảy dần-dà. Ông bà tuổi đã già. Chúng ta phải theo cha mẹ mà hầu-hạ khi ăn ngủ, lúc vào ra. Thế mới là con hiền cháu thảo trong một nhà.

## III

### Anh em ở với nhau

Tình tình tình, tình tình tình ! Khúc ruột trên khúc ruột dưới, anh với em rất là thân-tình. Từ nay chúng ta phải anh yêu em, em nhường anh.

Việc làm đừng có tị, miếng ăn đừng có tranh. Anh em bảo nhau trong nhà, người ngoài còn ai dám khinh. Ở với anh, ở với em cho hết thành. Thế mới vui lòng cha mẹ mình.

## IV

### Vợ chồng ở với nhau

Bồng bồng bồng, bồng bồng bồng ! Trai nhà này, gái nhà khác, vợ với chồng là cái duyên chung ! Mai sau chúng ta phải chồng dạy vợ, vợ nghe chồng. Chồng làm việc bên ngoài, vợ làm việc bên trong. Thuận vợ thuận chồng, tát cạn bể Đông. Ở với chồng, ở với vợ cho hết lòng. Thế mới bằng lòng cha mẹ đẻ nối dõi tông-tông.

## V

### Ở với họ

Anh em hỡi ! Anh em hỡi ! Bác, chú, thím, cô là họ nội ; cậu, mợ, dì, dượng là họ ngoại. Chúng ta phải coi như cha mẹ mà thăm nom biếu dãi. Con bác, con chú, con cậu, con cô, đôi con dì, không cứ là trai là gái. Chúng ta phải yêu như anh em ruột mà chớ có ganh nhau lợi hại. Thế mới khỏi mang tội với ông bà ông vải.

BÙI TRINH-KHIÊM

